

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **14** tháng **8** năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Ninh Bình;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN (120b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa

Handwritten signature in blue ink.

Handwritten signature in blue ink.

**DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI
PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NINH BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTNMT
ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình được chuẩn hoá từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền tỉnh Ninh Bình.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hoá. Tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: “P.” là chữ viết tắt của “phường”; “TT.” là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: “TP.” là chữ viết tắt của “thành phố”; “H.” là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng” là toạ độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị toạ độ tương ứng theo cột “Toạ độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị toạ độ tương ứng theo 2 cột “Toạ độ điểm đầu” và “Toạ độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hoá ở cột “Địa danh”.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NINH BÌNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Bình gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Ninh Bình	3
2	Thành phố Tam Điệp	14
3	Huyện Gia Viễn	19
4	Huyện Hoa Lư	33
5	Huyện Kim Sơn	45
6	Huyện Nho Quan	62
7	Huyện Yên Khánh	83
8	Huyện Yên Mô	97

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Bắc Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 51"	105° 59' 21"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Bích Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 43"	105° 59' 39"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đông Hồ	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 59' 49"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đông Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 14"	105° 59' 22"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Đông Xuân	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 59' 18"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Hưng Thịnh	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 59' 57"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Thịnh	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 44"	106° 00' 04"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Thanh Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 59' 09"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Thanh Xuân	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 55"	105° 59' 05"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Trung Sơn	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 48"	105° 59' 26"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Vạn Hưng	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 55"	105° 59' 11"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Vạn Thắng	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 50"	105° 59' 15"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Vạn Thịnh	DC	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 51"	105° 59' 11"					F-48-92-D-b
cảng Bích Đào 1	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 06"	105° 59' 54"					F-48-92-B-d
cảng Bích Đào 2	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 04"	105° 59' 59"					F-48-92-B-d
cảng Ninh Phúc	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 06"	106° 00' 06"					F-48-93-A-c
cảng Ninh Phúc 1	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	106° 00' 28"					F-48-93-A-c
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-93-C-a
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	KX	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	105° 59' 14"					F-48-92-D-b
Sông Đáy	TV	P. Bích Đào	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d, F-48-93-A-c
cầu Non Nước	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 59"	105° 58' 44"					F-48-92-B-d
cầu Văn Giang	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Đồng Bến	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 01"	105° 58' 15"					F-48-92-B-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 09"	105° 57' 47"	20° 15' 34"	105° 58' 26"	F-48-92-B-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 29"	105° 58' 11"	20° 15' 35"	105° 58' 37"	F-48-92-B-d
đường Lương Văn Thăng	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 15' 45"	105° 58' 04"	F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 10	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d
Trung tâm Huấn luyện Thể dục thể thao Tỉnh Ninh Bình	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 06"	105° 58' 21"					F-48-92-B-d
Trường Cao đẳng Nghệ Lila	KX	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 38"	105° 58' 27"					F-48-92-B-d
Sóng Dáy	TV	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
Sóng Văn	TV	P. Đông Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d
tổ dân phố Bắc Phong	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 35"	105° 58' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Chu Văn An	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 25"	105° 58' 24"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đại Phong	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 54"	105° 58' 46"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đông Phong	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 17"	105° 58' 42"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Hàn Thuyên	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	105° 58' 29"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Lê Lợi	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 53"	105° 58' 28"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngọc Hà	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 38"	105° 58' 15"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngô Quyền	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 54"	105° 58' 21"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Quang	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 43"	105° 58' 20"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Sơn	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 49"	105° 58' 54"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phú Sơn	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 46"	105° 58' 57"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phú Xuân	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 56"	105° 58' 41"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trại Lộc	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 15"	105° 58' 46"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trung Tự	DC	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	105° 58' 29"					F-48-92-D-b
cầu vượt Thanh Bình	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	105° 58' 36"					F-48-92-B-d
Cầu Lim	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
ga Ninh Bình	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 35"	105° 58' 20"					F-48-92-D-b
Quốc lộ 10	KX	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	P. Nam Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
tổ dân phố Bạch Đằng	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 34"	105° 57' 59"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Bắc Thành	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 58' 02"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Hoà Bình	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 13' 48"	105° 57' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Lê Lợi	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 53"	105° 57' 30"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Chính 1	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 54"	105° 57' 59"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Chính 2	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 49"	105° 58' 09"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Trì	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 15"	105° 57' 47"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trung Thành	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 02"	105° 57' 54"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tuệ Tĩnh	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 51"	105° 57' 48"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Văn Miếu	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 57' 43"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Võ Thị Sáu	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 58' 16"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Yết Kiêu	DC	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 38"	105° 58' 06"					F-48-92-D-b
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 57' 50"					F-48-92-D-b
cầu Vững Trầm	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 13' 44"	105° 57' 56"					F-48-92-D-b
chùa Phúc Chính	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 59"	105° 58' 06"					F-48-92-D-b
Công ty Xây dựng số 9	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 14' 04"	105° 57' 46"					F-48-92-D-b
đường 30 tháng 6	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 21"	20° 13' 40"	105° 57' 57"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
trạm dừng nghỉ Nam Thành	KX	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình	20° 13' 56"	105° 57' 50"					F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	P. Nam Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Bình Chương	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 17' 04"	105° 57' 25"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Bình Hà	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 17' 13"	105° 57' 21"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Hoà	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 17' 03"	105° 57' 42"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Khang	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 50"	105° 57' 14"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Yên	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 53"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bình Yên Tây	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 50"	105° 57' 39"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Hợp Thành	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 16"	105° 57' 46"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Hưng Phúc	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 11"	105° 57' 49"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Bình	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 42"	105° 57' 37"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Minh	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 44"	105° 57' 43"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Tân	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 28"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Kim Đa	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 44"	105° 58' 11"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Mía Đông	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 14"	105° 57' 53"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trung Thành	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 10"	105° 57' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vinh Quang	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 13"	105° 57' 21"					F-48-92-B-d
Tổ dân phố Mía	DC	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 13"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
chùa A Nậu	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 40"	105° 57' 14"					F-48-92-B-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 17' 09"	105° 57' 47"	20° 15' 34"	105° 58' 26"	F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
trạm Biến thế 220KV	KX	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 26"	105° 58' 02"					F-48-92-B-d
Núi Sệu	SV	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình	20° 16' 43"	105° 57' 11"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	P. Ninh Khánh	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
tổ dân phố An Hoà	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 09"	105° 57' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố An Lạc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 28"	105° 58' 10"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đa Lộc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 02"	105° 58' 45"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đoàn Kết	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 59"	105° 58' 00"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Đức Thề	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 30"	105° 58' 19"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Nam Phong	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 03"	105° 58' 18"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Đoài	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 17"	105° 58' 16"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Lộc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 05"	105° 58' 48"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Lai	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 12' 57"	105° 58' 12"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Lâm	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 52"	105° 58' 41"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Lộc	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 13"	105° 58' 49"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Tương Lai	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 14' 07"	105° 57' 58"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Văn Giang	DC	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 38"	105° 57' 54"					F-48-92-D-b
cầu Ba Vuông	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 08"	105° 57' 42"					F-48-92-D-b
cầu Sông Hệ	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 12' 40"	105° 57' 33"					F-48-92-D-b
cầu Vừng Trầm	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 44"	105° 57' 56"					F-48-92-D-b
Cầu Yên	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 12' 40"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
đường 30 tháng 6	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 21"	20° 13' 40"	105° 57' 57"	F-48-92-D-b
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-92-D-b
đường Nguyễn Minh Không	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-D-b
Đường tỉnh 478B	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 13' 10"	105° 54' 51"	F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Ninh Bình	KX	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình	20° 13' 28"	105° 58' 17"					F-48-92-D-b
Sông Hệ	TV	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vạc	TV	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
Sông Văn	TV	P. Ninh Phong	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Bắc Thịnh	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 33"	105° 59' 46"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Bích Đào	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 38"	105° 59' 29"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Hợp Thiện	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 13' 22"	105° 59' 08"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Hương Phúc	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 24"	105° 59' 31"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Nam Thịnh	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 23"	105° 59' 40"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phong Đào	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 37"	105° 59' 37"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Khánh	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 10"	105° 59' 26"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Phương Đình	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 02"	105° 59' 23"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thanh Bình	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 50"	105° 59' 05"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thiện Tân	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 13' 31"	105° 59' 12"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thiện Tiên	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 13' 11"	105° 59' 03"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Thượng Lân	DC	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	105° 59' 16"					F-48-92-D-b
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-92-D-b
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-D-b
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 10	KX	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-D-b
Sông Vạc	TV	P. Ninh Sơn	TP. Ninh Bình			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Phúc Hải	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 02"	105° 58' 14"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Hoà	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 13"	105° 58' 08"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Hưng	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 19"	105° 58' 04"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Long	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 13"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Lộc	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 12"	105° 58' 11"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Nam	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 16"	105° 57' 58"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Ninh	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 08"	105° 58' 10"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Tân	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 23"	105° 58' 03"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thái	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 12"	105° 58' 03"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thắng	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 11"	105° 58' 16"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thiện	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 04"	105° 58' 07"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Thịnh	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 07"	105° 57' 53"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Trọng	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 03"	105° 58' 19"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Phúc Trung	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 24"	105° 58' 10"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Trục	DC	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 19"	105° 58' 13"					F-48-92-B-d
Bệnh viện Sản nhi Ninh Bình	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
Cầu Lim	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d
đường 30 tháng 6	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 21"	20° 13' 40"	105° 57' 57"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Viện Quân Y 5	KX	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 09"	105° 58' 04"					F-48-92-B-d
Sông Vân	TV	P. Phúc Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
tổ dân phố Bắc Thành	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 05"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Đầu Long	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 57' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Thành	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 47"	105° 57' 54"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Khánh Trung	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 04"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Kỳ Lân	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 58"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Nhật Tân	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 57' 52"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Tân	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 39"	105° 58' 05"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân An	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 16' 02"	105° 57' 35"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Khang	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 34"	105° 58' 06"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Quý	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 58' 06"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Thịnh	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 57' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Trung	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 45"	105° 57' 49"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tân Văn	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 32"	105° 58' 07"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trung Nhi	DC	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 43"	105° 58' 02"					F-48-92-B-d
chùa Đầu Long	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 39"	105° 57' 50"					F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 38B	KX	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
núi Kỳ Lân	SV	P. Tân Thành	TP. Ninh Bình	20° 15' 55"	105° 57' 58"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Bắc Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 07"	105° 58' 35"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Nam Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 03"	105° 58' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Ngọc Mỹ	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 57"	105° 58' 56"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngọc Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	105° 58' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ngọc Xuân	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	105° 58' 47"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Phúc Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 24"	105° 58' 39"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Sơn 1	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 26"	105° 58' 56"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Sơn 2	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 21"	105° 58' 50"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Sơn 3	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 15"	105° 58' 45"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Thanh Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 09"	105° 58' 29"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Thuý Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 44"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trần Kiên	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 19"	105° 58' 34"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trần Phú	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 13"	105° 58' 31"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Trung Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 11"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vạn Phúc	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 18"	105° 58' 40"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vạn Sơn	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 15"	105° 58' 38"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vạn Xuân 1	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 09"	105° 58' 41"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Vạn Xuân 2	DC	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 02"	105° 58' 40"					F-48-92-B-d
bến xe khách Ninh Bình	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 28"					F-48-92-B-d
cảng Ninh Bình	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 43"	105° 58' 59"					F-48-92-B-d
Cầu Lim	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d
cầu Non Nước (cầu Ninh Bình)	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 45"	105° 58' 57"					F-48-92-B-d
cầu Văn Giang	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d
chùa Non Nước	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 47"	105° 58' 48"					F-48-92-B-d
công viên Núi Thuý	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 45"	105° 58' 51"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Trương Hán Siêu	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 43"	105° 58' 46"					F-48-92-B-d
đường Lê Đại Hành	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 04"	105° 58' 25"	20° 15' 42"	105° 58' 54"	F-48-92-B-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Quốc lộ 10	KX	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
núi Cánh Diều	SV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 08"	105° 58' 58"					F-48-92-B-d
núi Non Nước	SV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình	20° 15' 46"	105° 58' 51"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
Sông Vân	TV	P. Thanh Bình	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d
Cầu Lim	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình	20° 15' 05"	105° 58' 23"					F-48-92-B-d
cầu Vân Giang	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình	20° 15' 35"	105° 58' 37"					F-48-92-B-d
Chợ Rồng	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình	20° 15' 25"	105° 58' 32"					F-48-92-B-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 15' 29"	105° 58' 11"	20° 15' 35"	105° 58' 37"	F-48-92-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 17' 02"	105° 57' 29"	20° 15' 05"	105° 58' 23"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 10	KX	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-B-d
Sông Vân	TV	P. Vân Giang	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-B-d
thôn Bình Khê	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 46"	105° 56' 13"					F-48-92-B-d
thôn Đề Lộc	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 20"	105° 56' 48"					F-48-92-B-d
thôn Ích Duệ	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 00"	105° 56' 55"					F-48-92-B-d
Thôn Hậu	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 16"	105° 57' 12"					F-48-92-B-d
thôn Nguyễn Ngoại	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 40"	105° 56' 12"					F-48-92-B-d
thôn Nguyễn Xá	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 19"	105° 56' 16"					F-48-92-B-d
thôn Thượng Bắc	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 17"	105° 56' 34"					F-48-92-B-d
thôn Thượng Nam	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 09"	105° 56' 36"					F-48-92-B-d
Thôn Thượng	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 28"	105° 57' 07"					F-48-92-B-d
Thôn Tiền	DC	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 07"	105° 57' 16"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Tràng An	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 26"	105° 56' 33"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
Trường Đại học Hoa Lư	KX	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 21"	105° 57' 08"					F-48-92-B-d
núi Chiêu Đồi	SV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 29"	105° 56' 04"					F-48-92-B-d
núi Đồng So	SV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 16' 03"	105° 55' 39"					F-48-92-B-d
núi Hang Bụt	SV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình	20° 15' 38"	105° 55' 31"					F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Nhất	TP. Ninh Bình			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
thôn Đào Công	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 13' 38"	105° 59' 50"					F-48-92-D-b
thôn Đoài Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 21"	106° 00' 12"					F-48-93-C-a
thôn Đoài Thượng	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 06"	106° 00' 07"					F-48-93-C-a
thôn Đông Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 20"	106° 00' 30"					F-48-93-C-a
thôn Đông Thượng	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 15"	106° 00' 19"					F-48-93-C-a
thôn Khoái Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 17"	105° 59' 23"					F-48-92-D-b
thôn Khoái Thượng	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 50"	105° 59' 35"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Hạ	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 52"	105° 59' 15"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Trung	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 13' 15"	105° 59' 36"					F-48-92-D-b
thôn Vĩnh Tiến	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 45"	106° 00' 14"					F-48-93-C-a
thôn Vườn Hoa	DC	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 42"	106° 00' 13"					F-48-93-C-a
bến xe Phía Đông	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 25"	105° 59' 56"					F-48-92-D-b
cảng Ninh Phúc 1	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 15' 01"	106° 00' 28"					F-48-93-A-c
cảng Ninh Phúc 2	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 58"	106° 01' 05"					F-48-93-C-a
cầu Đồng Thịnh	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 12' 20"	105° 59' 03"					F-48-92-D-b
cầu Nam Bình	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 15' 04"	106° 00' 56"					F-48-93-A-c
Chợ Bội	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 36"	106° 00' 13"					F-48-93-C-a
Chùa Gạo	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 00"	106° 00' 15"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Bắc Nam (Cầu Giẽ - Ninh Bình)	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 15' 04"	106° 00' 56"	20° 11' 18"	105° 57' 10"	F-48-93-A-c, F-48-93-C-a
đường nối QL1 - cảng Ninh Phúc	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
đường Nguyễn Công Trứ	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
đường Trần Nhân Tông	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 56"	106° 00' 13"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Khu công nghiệp Khánh Phú	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình	20° 14' 26"	106° 01' 19"					F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-A-c
Sông Vạc	TV	xã Ninh Phúc	TP. Ninh Bình			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
thôn Cỗ Loan Hạ 1	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 54"	105° 57' 34"					F-48-92-D-b
thôn Cỗ Loan Hạ 2	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 53"	105° 57' 24"					F-48-92-D-b
thôn Cỗ Loan Thượng	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 36"	105° 57' 01"					F-48-92-D-b
thôn Cỗ Loan Trung 1	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 25"	105° 57' 30"					F-48-92-D-b
thôn Cỗ Loan Trung 2	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 14"	105° 57' 22"					F-48-92-D-b
thôn Hoàng Sơn Đông	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 19"	105° 56' 48"					F-48-92-D-b
thôn Hoàng Sơn Tây	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 13"	105° 56' 36"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Sơn 1	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 53"	105° 57' 05"					F-48-92-D-b
thôn Phúc Sơn 2	DC	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 47"	105° 56' 59"					F-48-92-D-b
cầu Ninh Tiến 1	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 53"	105° 57' 13"					F-48-92-D-b
cầu Ninh Tiến 2	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 13' 30"	105° 57' 21"					F-48-92-D-b
chùa Cỗ Loan	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 14' 43"	105° 57' 07"					F-48-92-D-b
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d; F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Chanh	TV	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
sông Sào Khê	TV	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	xã Ninh Tiến	TP. Ninh Bình			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
công viên Thành phố Tam Điệp	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 23"	105° 54' 40"					F-48-92-D-b
đường Đồng Giao	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 32"	105° 55' 11"	20° 10' 58"	105° 50' 00"	F-48-92-D-b
đường Hoàng Quốc Việt	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 29"	105° 54' 27"	20° 09' 12"	105° 54' 24"	F-48-92-D-b
đường Quang Trung	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
đường Thiên Quan	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 12' 03"	105° 52' 06"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 12B	KX	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-b
Đồi Dài	SV	P. Bắc Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 20"	105° 54' 32"					F-48-92-D-b
Tổ dân phố 2	DC	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 03"	105° 53' 56"					F-48-92-D-b
Tổ dân phố 4	DC	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 57"	105° 53' 45"					F-48-92-D-b
Cầu 207	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 29"	105° 52' 06"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Đá Đồng Giao	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 49"	105° 51' 53"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Phát triển Nam Sơn	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 11"	105° 52' 23"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
Di tích lịch sử Phòng tuyến Tam Điệp, Bện Sơn (khu A)	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 24"	105° 53' 31"					F-48-92-D-d
đường Quang Trung	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b; F-48-92-D-a
Đền Dâu	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 26"	105° 52' 43"					F-48-92-D-b
ga Đồng Giao	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 20"	105° 52' 08"					F-48-92-D-a
Quốc lộ 1	KX	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b, F-48-92-D-a
Núi Rếch	SV	P. Nam Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 22"	105° 53' 25"					F-48-92-D-b
Cầu Thùng	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 48"	105° 53' 57"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Vật liệu và Xây lắp Tam Điệp	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 06"	105° 55' 23"					F-48-92-D-b
đền Tráng Sơn	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 26"	105° 55' 07"					F-48-92-D-b
đường Thiên Quan	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 12' 03"	105° 52' 06"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 12B	KX	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-b
đồi Lan Bò	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 11' 07"	105° 54' 16"					F-48-92-D-b
Đồi Dài	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 20"	105° 54' 32"					F-48-92-D-b
núi Dông Than	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 19"	105° 56' 00"					F-48-92-D-b
núi Địa Lý	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 50"	105° 54' 48"					F-48-92-D-b
núi Má Voi	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 11' 30"	105° 55' 13"					F-48-92-D-b
Núi Lớn	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 33"	105° 55' 25"					F-48-92-D-b
Thung Chứa	SV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp	20° 11' 19"	105° 55' 25"					F-48-92-D-b
sông Bến Đang	TV	P. Tân Bình	TP. Tam Điệp			20° 15' 34"	105° 48' 54"	20° 10' 59"	105° 56' 03"	F-48-92-D-b
Tổ dân phố 3	DC	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 05"	105° 53' 55"					F-48-92-D-b
đền Quán Cháo	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 07"	105° 54' 03"					F-48-92-D-b
đường Đồng Giao	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 32"	105° 55' 11"	20° 10' 58"	105° 50' 00"	F-48-92-D-b
đường Hoàng Quốc Việt	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 29"	105° 54' 27"	20° 09' 12"	105° 54' 24"	F-48-92-D-b
đường Quang Trung	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Tây Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Bệnh xá Quân Đoàn 1	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 16"	105° 55' 39"					F-48-92-D-b
cầu Quân Đoàn 1	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 02"	105° 55' 29"					F-48-92-D-b
Công ty cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-b
đường Ngô Thi Nhậm	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 23"	105° 55' 00"	20° 08' 43"	105° 55' 26"	F-48-92-D-b
đường Quang Trung	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 21B	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-92-D-b
Trường Cao đẳng Nghề Cơ điện Xây dựng Tam Điệp	KX	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 58"	105° 55' 21"					F-48-92-D-b
hồ Yên Thắng 1	TV	P. Trung Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 59"	105° 56' 06"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đàm Khánh Đông	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 57"	105° 56' 40"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đàm Khánh Tây	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 58"	105° 56' 27"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đồi Cao 1	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 44"	105° 55' 40"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Đồi Cao 2	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 45"	105° 56' 08"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Lý Nhân	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 20"	105° 56' 51"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Quyết Thắng	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 35"	105° 55' 35"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Ghềnh	DC	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 22"	105° 56' 28"					F-48-92-D-b
chùa Lý Nhân	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 21"	105° 56' 38"					F-48-92-D-b
Cầu Do	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 03"	105° 56' 12"					F-48-92-D-b
Cầu Ghềnh	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 44"	105° 56' 59"					F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
Ga Ghềnh	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 14"	105° 56' 23"					F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Trường Cao đẳng Nghề Cơ giới Ninh Bình	KX	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 09' 51"	105° 56' 08"					F-48-92-D-b
núi Dông Than	SV	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp	20° 10' 19"	105° 56' 00"					F-48-92-D-b
Sông Khánh	TV	P. Yên Bình	TP. Tam Điệp			20° 10' 03"	105° 56' 12"	20° 10' 07"	105° 57' 09"	F-48-92-D-b
Thôn 1	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 30"	105° 54' 46"					F-48-92-D-b
Thôn 2	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 44"	105° 56' 02"					F-48-92-D-b
Thôn 3	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 06"	105° 56' 26"					F-48-92-D-b
thôn 4A	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 29"	105° 55' 38"					F-48-92-D-b
thôn 4B	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 24"	105° 55' 46"					F-48-92-D-b
thôn 4C	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 40"	105° 55' 26"					F-48-92-D-b
Thôn 5	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 51"	105° 56' 39"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 6	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 51"	105° 56' 53"					F-48-92-D-b
Thôn 7	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 38"	105° 57' 22"					F-48-92-D-b
Thôn 8	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 18"	105° 56' 51"					F-48-92-D-d
Thôn 9	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 30"	105° 57' 31"					F-48-92-D-d
Thôn 12	DC	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 14"	105° 54' 44"					F-48-92-D-d
Di tích lịch sử Phòng tuyến Tam Điệp, Biện Sơn (khu B)	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 19"	105° 54' 48"					F-48-92-D-d
đền Quên Thờ	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 40"	105° 55' 00"					F-48-92-D-b
đường Ngô Thị Nhậm	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 23"	105° 55' 00"	20° 08' 43"	105° 55' 26"	F-48-92-D-b
đường Ninh Tôn	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp			20° 08' 43"	105° 55' 26"	20° 07' 22"	105° 57' 55"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-92-D-b
Đồi Mo	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 15"	105° 56' 49"					F-48-92-D-b
Đồi Ngang	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 08"	105° 56' 19"					F-48-92-D-d
núi Con Lợn	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 06' 48"	105° 56' 38"					F-48-92-D-d
Núi Vàng	SV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 38"	105° 55' 04"					F-48-92-D-b
hồ Đoàng Đền	TV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 05"	105° 56' 55"					F-48-92-D-d
Hồ Mưng	TV	xã Đông Sơn	TP. Tam Điệp	20° 07' 31"	105° 56' 52"					F-48-92-D-b
thôn Bãi Sỏi	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 47"	105° 51' 34"					F-48-92-D-a
thôn Hang Nước	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 02"	105° 50' 46"					F-48-92-D-a
thôn Khe Gỏi	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 59"	105° 50' 23"					F-48-92-D-a
thôn Sông Vắn	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 32"	105° 51' 31"					F-48-92-D-a
thôn Tân Hạ	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 19"	105° 52' 52"					F-48-92-D-b
thôn Tân Nam	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 56"	105° 52' 00"					F-48-92-D-a
thôn Tân Nhuận	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 44"	105° 52' 01"					F-48-92-D-a
thôn Tân Thượng	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 30"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
thôn Tân Trung	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 11"	105° 52' 26"					F-48-92-D-a
thôn Thống Nhất	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 36"	105° 52' 33"					F-48-92-D-b
thôn Trại Vòng	DC	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 59"	105° 53' 15"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Quang Sơn	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 31"	105° 52' 28"					F-48-92-D-a
Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 28"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
đền Mẫu Thượng	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 09' 31"	105° 52' 27"					F-48-92-D-a
đường Đồng Giao	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 32"	105° 55' 11"	20° 10' 58"	105° 50' 00"	F-48-92-D-a, F-48-92-D-b
Nhà máy Xi măng Tam Điệp	KX	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 08' 55"	105° 52' 18"					F-48-92-D-a
đồi Đá Lăn	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 55"	105° 52' 03"					F-48-92-D-a
Đồi Kẽm	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 06"	105° 53' 23"					F-48-92-D-b
núi Bà Ba	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 38"	105° 52' 12"					F-48-92-D-a
núi Sung Chi	SV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 51"	105° 49' 19"					F-48-92-D-a
hồ Núi Vá	TV	xã Quang Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 15"	105° 49' 30"					F-48-92-D-a
thôn Đoài Khê	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 20"	105° 53' 29"					F-48-92-D-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 04"	105° 52' 22"					F-48-92-D-a
thôn Khánh Ninh	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 21"	105° 52' 51"					F-48-92-D-b
thôn Lang Ca	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 05"	105° 53' 55"					F-48-92-D-b
Thôn Nguyễn	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 12' 04"	105° 52' 36"					F-48-92-D-b
thôn Vĩnh Khương	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 44"	105° 52' 28"					F-48-92-D-a
thôn Yên Đồng	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 28"	105° 53' 00"					F-48-92-D-b
thôn Yên Lâm	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 54"	105° 53' 43"					F-48-92-D-b
thôn Yên Phong	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 28"	105° 52' 43"					F-48-92-D-b
thôn Yên Trung	DC	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 13"	105° 53' 08"					F-48-92-D-b
cầu Vĩnh Khương	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 54"	105° 52' 15"					F-48-92-D-a
Cầu Thùng	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 48"	105° 53' 57"					F-48-92-D-b
đền Lăng Ca	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 39"	105° 54' 27"					F-48-92-D-b
đường Thiên Quan	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 12' 03"	105° 52' 06"	F-48-92-D-a, F-48-92-D-b
Quốc lộ 12B	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-a, F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
đồi Ba Máo	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 47"	105° 53' 34"					F-48-92-D-b
đồi Đá Lăn	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 55"	105° 52' 03"					F-48-92-D-a
đồi Lan Bò	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 07"	105° 54' 16"					F-48-92-D-b
núi Bà Ba	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 38"	105° 52' 12"					F-48-92-D-a
Núi Con	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 12' 41"	105° 53' 39"					F-48-92-D-b
núi Lũng Vàng	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 59"	105° 54' 25"					F-48-92-D-b
Núi Mọn	SV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 12' 54"	105° 53' 13"					F-48-92-D-b
đập Sông Cầu	TV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 10' 54"	105° 52' 31"					F-48-92-D-b
Hồ Lý	TV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp	20° 11' 20"	105° 53' 16"					F-48-92-D-b
sông Bến Đang	TV	xã Yên Sơn	TP. Tam Điệp			20° 15' 34"	105° 48' 54"	20° 10' 59"	105° 56' 03"	F-48-92-D-b
tổ dân phố Me	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 52"	105° 50' 10"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mới	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 57"	105° 49' 46"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mỹ Cát	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 38"	105° 50' 24"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mỹ Sơn	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 18"	105° 50' 52"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Mỹ Trung	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 12"	105° 50' 33"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Tân Mỹ	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 21' 02"	105° 50' 30"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Thống Nhất	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 50"	105° 50' 56"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Tiên Yên	DC	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 47"	105° 50' 27"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	TT. Me	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	TT. Me	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	TT. Me	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
núi Bồ Đình	SV	TT. Me	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 50' 22"					F-48-92-B-c
Thôn 24	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 35"	105° 50' 49"					F-48-92-B-c
Thôn 25	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 44"	105° 50' 37"					F-48-92-B-c
thôn An Ninh	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 02"	105° 51' 16"					F-48-92-B-c
thôn Bích Thượng	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 16"	105° 50' 59"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cầu Vàng	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 16"	105° 51' 29"					F-48-92-B-c
thôn Đá Hân	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 24' 57"	105° 51' 33"					F-48-92-B-a
thôn Đồi Mai	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 12"	105° 51' 15"					F-48-92-B-c
thôn Đồi Ngó	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 04"	105° 50' 50"					F-48-92-B-a
thôn Giã Thượng	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 58"	105° 51' 47"					F-48-92-B-c
thôn Gọng Vó	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 05"	105° 51' 14"					F-48-92-B-a
thôn Hoàng Quyền	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 37"	105° 51' 46"					F-48-92-B-a
thôn Lộc Lương	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 31"	105° 50' 41"					F-48-92-B-a
thôn Phú Nhuận	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 41"	105° 51' 30"					F-48-92-B-a
thôn Phú Sơn	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 49"	105° 50' 44"					F-48-92-B-a
thôn Trung Chính	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 51' 40"					F-48-92-B-c
thôn Vườn Thị	DC	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 03"	105° 51' 58"					F-48-92-B-a
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-a
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-a
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-a
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
đồi Cầu Lân	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 23"	105° 51' 00"					F-48-92-B-c
Đồi Bích	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 21' 05"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
núi Ba Chon	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 57"	105° 51' 34"					F-48-92-B-a
núi Bò Lăn	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 50"	105° 52' 49"					F-48-92-B-a
núi Cánh Nỏ	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 22"	105° 50' 08"					F-48-92-B-a
núi Hàm Rồng	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 24' 43"	105° 51' 59"					F-48-92-B-a
núi Hoàng Quyền	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 22' 42"	105° 52' 48"					F-48-92-B-c
núi Mao Gà	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 24' 14"	105° 51' 06"					F-48-92-B-a
núi Mèo Cáo	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 24' 26"	105° 50' 24"					F-48-92-B-a
Núi Dê	SV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 19"	105° 50' 20"					F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đầm Cút	TV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 26"	105° 49' 47"					F-48-92-B-a
hồ Trại Cuôn	TV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn	20° 23' 39"	105° 52' 25"					F-48-92-B-a
Suối Tép	TV	xã Gia Hoà	H. Gia Viễn			20° 25' 06"	105° 51' 13"	20° 23' 59"	105° 52' 13"	F-48-92-B-a
Xóm 1	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 58"	105° 48' 25"					F-48-92-B-a
Xóm 2	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 50"	105° 48' 35"					F-48-92-B-a
Xóm 3	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 39"	105° 48' 31"					F-48-92-B-a
Xóm 4	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 35"	105° 48' 44"					F-48-92-B-a
Xóm 5	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 22"	105° 48' 54"					F-48-92-B-a
Xóm 6	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 10"	105° 48' 57"					F-48-92-B-a
Xóm 7	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 08"	105° 49' 07"					F-48-92-B-a
Xóm 8	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 54"	105° 49' 15"					F-48-92-B-a
Xóm 9	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 44"	105° 48' 49"					F-48-92-B-a
Xóm 10	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 52"	105° 48' 48"					F-48-92-B-a
Xóm 11	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 08"	105° 48' 37"					F-48-92-B-a
Xóm 12	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 16"	105° 48' 39"					F-48-92-B-a
Xóm 13	DC	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 35"	105° 49' 41"					F-48-92-B-a
Chợ Viên	KX	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 22' 58"	105° 48' 42"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-a
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
động Hoa Lư	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 06"	105° 49' 15"					F-48-92-B-a
núi Mèo Cào	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 26"	105° 50' 24"					F-48-92-B-a
Núi Một	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 36"	105° 48' 18"					F-48-92-B-a
Núi Sún	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 21"	105° 49' 25"					F-48-92-B-a
thung Hoa Lư	SV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 24' 04"	105° 49' 13"					F-48-92-B-a
Đầm Cút	TV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn	20° 23' 26"	105° 49' 47"					F-48-92-B-a
Sông Bôi	TV	xã Gia Hưng	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a
xóm Đông Thắng 1	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 09"	105° 50' 01"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Thắng 2	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 04"	105° 50' 06"					F-48-92-B-c
xóm Lạc Thiện	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 08"	105° 49' 18"					F-48-92-B-c
xóm Mai Sơn 1	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 17"	105° 50' 34"					F-48-92-B-c
xóm Mai Sơn 2	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 13"	105° 50' 31"					F-48-92-B-c
xóm Mai Sơn 3	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 08"	105° 50' 32"					F-48-92-B-c
xóm Minh Đường	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 41"	105° 49' 18"					F-48-92-B-c
xóm Nam Ninh 1	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 55"	105° 50' 13"					F-48-92-B-c
xóm Nam Ninh 2	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 53"	105° 50' 06"					F-48-92-B-c
xóm Quang Tân	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 00"	105° 50' 09"					F-48-92-B-c
xóm Thắng Lợi	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 01"	105° 50' 03"					F-48-92-B-c
xóm Thông Nhất	DC	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 51"	105° 49' 49"					F-48-92-B-c
cầu phao Đồng Chùa	KX	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 19' 35"	105° 49' 47"					F-48-92-B-c
chùa Lạc Khoái	KX	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn	20° 18' 46"	105° 50' 06"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Rĩa	TV	xã Gia Lạc	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Bắc Lăng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 18"	105° 53' 42"					F-48-92-B-d
thôn Đông Lăng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 09"	105° 53' 49"					F-48-92-B-d
thôn Lăng Ngoại	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 10"	105° 52' 52"					F-48-92-B-d
thôn Nam Lăng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 06"	105° 53' 46"					F-48-92-B-d
thôn Tân Long Mỹ	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 13"	105° 54' 06"					F-48-92-B-d
thôn Tây Lăng Nội	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 12"	105° 53' 40"					F-48-92-B-d
thôn Xuân Đài	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 13"	105° 54' 15"					F-48-92-B-d
xóm Cao Bích	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 04"	105° 54' 15"					F-48-92-B-d
xóm Long An	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 32"	105° 53' 36"					F-48-92-B-d
xóm Quyết Tiến	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 19' 56"	105° 53' 57"					F-48-92-B-d
xóm Tân Ngọc	DC	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 02"	105° 54' 09"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
mộ Nguyễn Bặc	KX	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 20' 12"	105° 52' 24"					F-48-92-B-d
Núi Luong	SV	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 31"	105° 54' 01"					F-48-92-B-d
Núi Mây	SV	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 47"	105° 53' 46"					F-48-92-B-d
Núi Miêu	SV	xã Gia Lập	H. Gia Viễn	20° 21' 19"	105° 54' 11"					F-48-92-B-d
xóm An Ninh	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 42"	105° 48' 41"					F-48-92-B-c
xóm Đồng Bái	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 17' 32"	105° 48' 59"					F-48-92-B-c
xóm Hoà Bình	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 35"	105° 48' 37"					F-48-92-B-c
xóm Trần Phú	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 53"	105° 48' 52"					F-48-92-B-c
Xóm Hạ	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 12"	105° 49' 01"					F-48-92-B-c
Xóm Thượng	DC	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 08"	105° 48' 47"					F-48-92-B-c
chùa Phúc Hưng	KX	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 51"	105° 48' 33"					F-48-92-B-c
Hang Trâu	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 50"	105° 48' 31"					F-48-92-B-c
núi Bài Thơ	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 19' 14"	105° 48' 21"					F-48-92-B-c
Núi Chùa	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 18' 56"	105° 48' 32"					F-48-92-B-c
Núi Dãy	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 19' 24"	105° 48' 39"					F-48-92-B-c
núi Hang Cá	SV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn	20° 17' 58"	105° 48' 19"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Minh	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
xóm 1 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 00"	105° 49' 11"					F-48-92-B-c
xóm 1 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 36"	105° 50' 08"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 56"	105° 49' 35"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 48"	105° 49' 54"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 53"	105° 49' 38"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 45"	105° 49' 57"					F-48-92-B-c
xóm 4 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 59"	105° 49' 43"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 4 - Ngọc Động	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 16"	105° 49' 52"					F-48-92-B-c
xóm 5 - Lỗi Sơn	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 57"	105° 49' 48"					F-48-92-B-c
xóm Phong Tĩnh	DC	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 40"	105° 50' 14"					F-48-92-B-c
cầu Thống Nhất	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 28"	105° 49' 57"					F-48-92-B-c
chùa Lỗi Sơn	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 16' 59"	105° 49' 28"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
nhà thờ Đình Huy Đạo	KX	xã Gia Phong	H. Gia Viễn	20° 17' 22"	105° 49' 48"					F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Gia Phong	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Đường 477	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 08"	105° 48' 53"					F-48-92-B-c
thôn Kinh Chúc	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 43"	105° 48' 35"					F-48-92-B-c
Thôn Đồi	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 20' 53"	105° 48' 49"					F-48-92-B-c
Thôn Lăng	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 20' 39"	105° 48' 38"					F-48-92-B-c
Thôn Thượng	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 07"	105° 48' 29"					F-48-92-B-c
Xóm 5	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 35"	105° 49' 14"					F-48-92-B-c
Xóm 6	DC	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 28"	105° 49' 08"					F-48-92-B-c
Cầu Đê	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn	20° 21' 21"	105° 47' 53"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Gia Phú	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-c
thôn Hoài Lai	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 20' 22"	105° 51' 11"					F-48-92-B-c
thôn Phương Hưng	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 20' 57"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
thôn Văn Bông	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 32"	105° 52' 00"					F-48-92-B-c
thôn Văn Hà 1	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 52"	105° 51' 39"					F-48-92-B-c
thôn Văn Hà 2	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 51' 47"					F-48-92-B-c
thôn Vĩnh Ninh 1	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 22"	105° 52' 06"					F-48-92-B-c
thôn Vĩnh Ninh 2	DC	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 16"	105° 52' 10"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 34"	105° 51' 58"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c
nhà thờ Nguyễn Bặc	KX	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 17"	105° 52' 08"					F-48-92-B-c
Đồi Bích	SV	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 21' 05"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
Hang Luồn	SV	xã Gia Phương	H. Gia Viễn	20° 19' 59"	105° 51' 05"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Phương	H. Gia Viễn			20° 18' 08"	105° 52' 33"	20° 19' 27"	105° 50' 03"	F-48-92-B-c
Xóm 1	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 28"	105° 50' 52"					F-48-92-B-c
Xóm 2	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 07"	105° 51' 05"					F-48-92-B-c
Xóm 3	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 43"	105° 51' 49"					F-48-92-B-c
Xóm 4	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 08"	105° 51' 40"					F-48-92-B-c
Xóm 5	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 49"	105° 51' 17"					F-48-92-B-c
Xóm 6	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 03"	105° 51' 32"					F-48-92-B-c
Xóm 7	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 39"	105° 51' 59"					F-48-92-B-c
Xóm 8	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 42"	105° 52' 13"					F-48-92-B-c
Xóm 9	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 24"	105° 52' 13"					F-48-92-B-c
Xóm 10	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 48"	105° 52' 05"					F-48-92-B-c
Xóm 11	DC	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 21"	105° 52' 11"					F-48-92-B-c
chùa Bái Đình	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 28"	105° 51' 46"					F-48-92-B-c
Cầu Đen	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 27"	105° 52' 39"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 479C	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 16' 21"	105° 51' 25"	20° 12' 21"	105° 45' 42"	F-48-92-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
đồi Sào Ngang	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 46"	105° 51' 37"					F-48-92-B-c
Đồi Sỏi	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 19"	105° 52' 05"					F-48-92-D-a
Hang Nội	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 10"	105° 52' 11"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Hang Rồng	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 03"	105° 52' 42"					F-48-92-B-c
núi Chon Diêu	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 23"	105° 50' 43"					F-48-92-B-c
núi Chon Xây	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 11"	105° 50' 46"					F-48-92-B-c
núi Con Lợn	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 10"	105° 52' 51"					F-48-92-B-c
Núi Đinh	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 22"	105° 51' 55"					F-48-92-B-c
núi Hang Trai	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 17' 34"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
núi Thung Bình	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 45"	105° 51' 43"					F-48-92-B-c
núi Thung U	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 02"	105° 52' 38"					F-48-92-D-a
núi U Bò	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 16' 50"	105° 50' 50"					F-48-92-B-c
Thung Dè	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 33"	105° 53' 01"					F-48-92-D-a
Thung Giác	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 53"	105° 52' 35"					F-48-92-B-c
Thung Lau	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 41"	105° 52' 59"					F-48-92-D-a
Thung Lửa	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 51"	105° 52' 52"					F-48-92-D-a
Thung Mỹ	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 24"	105° 53' 07"					F-48-92-D-b
Thung Rốc	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 14' 35"	105° 52' 28"					F-48-92-D-a
Thung Sọt	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 15"	105° 52' 47"					F-48-92-D-a
Thung Ui	SV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn	20° 15' 29"	105° 52' 53"					F-48-92-D-b
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Sông Rịa	TV	xã Gia Sinh	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Thần Thiệu	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 18"	105° 54' 29"					F-48-92-B-d
thôn Thiện Hối	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 20' 08"	105° 54' 33"					F-48-92-B-d
xóm Đông Thượng	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 55' 12"					F-48-92-B-d
xóm Hoàng Long	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 52"	105° 54' 27"					F-48-92-B-d
xóm Hoà Bình	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 46"	105° 54' 35"					F-48-92-B-d
xóm Nam Hải	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 27"	105° 54' 59"					F-48-92-B-d
xóm Tân Hối	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 09"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
xóm Thanh Long	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 45"	105° 54' 18"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trung Chính	DC	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 36"	105° 55' 01"					F-48-92-B-d
cảng Gia Tân	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 20"	105° 54' 52"					F-48-92-B-d
đỉnh Trùng Hạ	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 54' 50"					F-48-92-B-d
đỉnh Trùng Thượng	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 45"	105° 55' 04"					F-48-92-B-d
đỉnh Vân Thị	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 19' 44"	105° 54' 24"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Tân	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Tân	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
xóm 1 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 56"	105° 53' 59"					F-48-92-B-d
xóm 1 - Thượng Hoà	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 08"	105° 54' 38"					F-48-92-B-d
xóm 2 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 05"	105° 54' 15"					F-48-92-B-d
xóm 2 - Thượng Hoà	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 24"	105° 55' 06"					F-48-92-B-d
xóm 3 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 54' 40"					F-48-92-B-d
xóm 3 - Thượng Hoà	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 18"	105° 55' 07"					F-48-92-B-d
xóm 4 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 54"	105° 54' 44"					F-48-92-B-d
xóm 4 - Thượng Hoà	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 32"	105° 55' 16"					F-48-92-B-d
xóm 5 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 03"	105° 54' 55"					F-48-92-B-d
xóm 6 - Phương Đông	DC	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 48"	105° 53' 22"					F-48-92-B-b
cầu Đoàn Vi	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 51"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
chùa Dịch Lộng	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 09"	105° 54' 43"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Xi nghiệp Khai thác đá Gia Thanh	KX	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 12"	105° 54' 47"					F-48-92-B-d
động Dịch Lộng	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 08"	105° 54' 41"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bùng Trống	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 23"	105° 54' 32"					F-48-92-B-d
núi Hoàng Quyền	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 42"	105° 52' 48"					F-48-92-B-c
Núi Lương	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 31"	105° 54' 01"					F-48-92-B-d
Núi Mây	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 47"	105° 53' 46"					F-48-92-B-d
Núi Miêu	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 21' 19"	105° 54' 11"					F-48-92-B-d
núi Thông Long	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 37"	105° 54' 35"					F-48-92-B-d
núi Vong Trong	SV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 27"	105° 54' 10"					F-48-92-B-d
đập Đa Hàn	TV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn	20° 22' 52"	105° 53' 06"					F-48-92-B-b
Sông Dáy	TV	xã Gia Thanh	H. Gia Viễn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
thôn Đào Lâm	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 55"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
thôn Quốc Thanh	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 48"	105° 52' 22"					F-48-92-B-c
thôn Văn La	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 37"	105° 52' 24"					F-48-92-B-c
Xóm 1	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 19' 05"	105° 52' 09"					F-48-92-B-c
Xóm 2	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 54"	105° 52' 19"					F-48-92-B-c
Xóm 3	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 49"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
Xóm 4	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 50"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
Xóm 5	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 42"	105° 52' 29"					F-48-92-B-c
Xóm 6	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 40"	105° 52' 17"					F-48-92-B-c
Xóm 7	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 38"	105° 52' 25"					F-48-92-B-c
Xóm 8	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 40"	105° 52' 37"					F-48-92-B-d
Xóm 9	DC	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 33"	105° 52' 29"					F-48-92-B-c
đền Thánh Nguyễn	KX	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn	20° 18' 33"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
sông Hoàng Long (nhánh chính)	TV	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
sông Hoàng Long (nhánh phụ)	TV	xã Gia Thắng	H. Gia Viễn			20° 18' 08"	105° 52' 33"	20° 19' 27"	105° 50' 03"	F-48-92-B-d
xóm 1 - Đồng Chư	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 02"	105° 49' 43"					F-48-92-B-c
xóm 1 - Kênh Gà	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 50"	105° 48' 43"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 1 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 32"	105° 49' 24"					F-48-92-B-c
xóm 1 - Trinh Phú	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 43"	105° 49' 21"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Đồng Chùa	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 59"	105° 49' 45"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Kênh Gà	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 43"	105° 48' 45"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 33"	105° 49' 19"					F-48-92-B-c
xóm 2 - Trinh Phú	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 37"	105° 49' 28"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Đồng Chùa	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 53"	105° 49' 41"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Kênh Gà	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 01"	105° 48' 42"					F-48-92-B-c
xóm 3 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 27"	105° 49' 22"					F-48-92-B-c
xóm 4 - Đồng Chùa	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 57"	105° 49' 40"					F-48-92-B-c
xóm 4 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 49' 17"					F-48-92-B-c
xóm 5 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 24"	105° 49' 15"					F-48-92-B-c
xóm 6 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 23"	105° 49' 20"					F-48-92-B-c
xóm 7 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 24"	105° 49' 30"					F-48-92-B-c
xóm 8 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 17"	105° 49' 25"					F-48-92-B-c
xóm 9 - Liên Huy	DC	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 20"	105° 49' 15"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
hang Tò Vò	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 55"	105° 48' 47"					F-48-92-B-c
núi Kênh Gà	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 50"	105° 48' 55"					F-48-92-B-c
núi Tò Vò	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 20' 05"	105° 48' 32"					F-48-92-B-c
Núi Dậy	SV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn	20° 19' 24"	105° 48' 39"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Gia Thịnh	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a
thôn Đồng Tiễn	DC	xã Gia Tiễn	H. Gia Viễn	20° 17' 47"	105° 52' 37"					F-48-92-B-d
thôn Hán Bắc	DC	xã Gia Tiễn	H. Gia Viễn	20° 18' 26"	105° 52' 27"					F-48-92-B-c
thôn Hán Nam	DC	xã Gia Tiễn	H. Gia Viễn	20° 18' 17"	105° 52' 28"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thuận Phong	DC	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 17' 29"	105° 52' 36"					F-48-92-B-d
thôn Xuân Lai	DC	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 05"	105° 52' 52"					F-48-92-B-d
đền Thánh Nguyễn	KX	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 33"	105° 52' 23"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-d
núi Cẩm Guom	SV	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 00"	105° 53' 16"					F-48-92-B-d
núi Kiềm Lĩnh	SV	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn	20° 18' 01"	105° 53' 15"					F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Tiến	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Thôn 1	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 19' 49"	105° 55' 46"					F-48-92-B-d
Thôn 2	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 56' 22"					F-48-92-B-d
Thôn 3	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 26"	105° 56' 31"					F-48-92-B-d
Thôn 4	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 56"	105° 56' 11"					F-48-92-B-d
Thôn 5	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 45"	105° 55' 56"					F-48-92-B-d
Thôn 6	DC	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 20' 01"	105° 55' 46"					F-48-92-B-d
cầu Gián Khẩu	KX	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn	20° 19' 41"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
Sông Dáy	TV	xã Gia Trấn	H. Gia Viễn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
thôn An Thái	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 18"	105° 51' 03"					F-48-92-B-c
thôn Bắc Diêm Khê	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 35"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
thôn Chấn Hưng	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 40"	105° 50' 58"					F-48-92-B-c
thôn Đông Chi Phong	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 27"	105° 51' 19"					F-48-92-B-c
thôn Đông Khê	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 29"	105° 51' 34"					F-48-92-B-c
thôn Đức Hậu	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 20"	105° 50' 56"					F-48-92-B-c
thôn Hoàng Long	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 41"	105° 50' 51"					F-48-92-B-c
thôn Nam Diêm Khê	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 21"	105° 52' 14"					F-48-92-B-c
thôn Tây Chi Phong	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 52"	105° 51' 35"					F-48-92-B-c
thôn Trung Đông	DC	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 18' 45"	105° 52' 07"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Hang Luồn	SV	xã Gia Trung	H. Gia Viễn	20° 19' 59"	105° 51' 05"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Trung	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Gia Trung	H. Gia Viễn			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Bích Sơn	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 20' 54"	105° 51' 46"					F-48-92-B-c
thôn Mai Trung	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 23"	105° 52' 36"					F-48-92-B-d
thôn Phù Long	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 20' 55"	105° 52' 43"					F-48-92-B-d
thôn Tập Ninh	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 33"	105° 52' 55"					F-48-92-B-d
thôn Thanh Uy	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 58"	105° 52' 09"					F-48-92-B-c
thôn Tri Lễ	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 02"	105° 52' 36"					F-48-92-B-d
thôn Trung Hoà	DC	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 21"	105° 52' 50"					F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-d
Đường tỉnh 477D	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-b, F-48-92-B-d
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
Khu du lịch sinh thái Vân Long	KX	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 22' 06"	105° 52' 53"					F-48-92-B-d
Đồi Bích	SV	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 21' 05"	105° 51' 18"					F-48-92-B-c
núi Hoàng Quyền	SV	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 22' 42"	105° 52' 48"					F-48-92-B-c
núi Mèo Cáo	SV	xã Gia Vân	H. Gia Viễn	20° 22' 22"	105° 52' 26"					F-48-92-B-c
Thôn 1	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 06"	105° 50' 08"					F-48-92-B-c
Thôn 2	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 17"	105° 50' 11"					F-48-92-B-c
Thôn 3	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 11"	105° 50' 17"					F-48-92-B-c
Thôn 4	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 11"	105° 50' 32"					F-48-92-B-c
Thôn 5	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 25"	105° 50' 45"					F-48-92-B-c
Thôn 6	DC	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 43"	105° 50' 05"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477B	KX	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 17' 54"	105° 53' 46"	20° 25' 09"	105° 51' 30"	F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 477C	KX	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
Hang Am	SV	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 33"	105° 50' 16"					F-48-92-B-c
núi Bồ Đinh	SV	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn	20° 20' 28"	105° 50' 22"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Gia Vượng	H. Gia Viễn			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
thôn Đồng Xuân	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 21' 09"	105° 55' 56"					F-48-92-B-d
thôn Mưỡu Giáp 1	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 54"	105° 55' 17"					F-48-92-B-d
thôn Mưỡu Giáp 2	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 54"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
thôn Mưỡu Giáp 3	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 42"	105° 55' 08"					F-48-92-B-d
thôn Vũ Đại	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 44"	105° 55' 33"					F-48-92-B-d
thôn Xuân Hoà	DC	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 51"	105° 55' 23"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
núi Mưỡu Giáp	SV	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn	20° 20' 52"	105° 54' 54"					F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	xã Gia Xuân	H. Gia Viễn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
Thôn 1	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 08"	105° 49' 17"					F-48-92-B-c
Thôn 2	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 19"	105° 48' 55"					F-48-92-B-c
Thôn 3	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 29"	105° 48' 53"					F-48-92-B-c
Thôn 4	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 37"	105° 49' 23"					F-48-92-B-a
Thôn 5	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 49"	105° 49' 24"					F-48-92-B-a
Thôn 6	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 45"	105° 49' 36"					F-48-92-B-a
Thôn 7	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 49"	105° 49' 38"					F-48-92-B-a
Thôn 8	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 26"	105° 49' 37"					F-48-92-B-c
Thôn 9	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 17"	105° 49' 39"					F-48-92-B-c
Thôn 10	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 09"	105° 49' 34"					F-48-92-B-c
Thôn 11	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 50"	105° 49' 44"					F-48-92-B-c
Thôn 12	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 47"	105° 49' 56"					F-48-92-B-c
Thôn 13	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 46"	105° 50' 05"					F-48-92-B-c
Thôn 14	DC	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 06"	105° 50' 10"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 477C	KX	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477D	KX	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn			20° 21' 21"	105° 47' 53"	20° 21' 48"	105° 55' 09"	F-48-92-B-c, F-48-92-B-
Khu bảo tồn thiên nhiên Đất ngập nước Vân Long	KX	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 21' 49"	105° 52' 51"					F-48-92-B-d
Đồi Chùa	SV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 22' 11"	105° 49' 32"					F-48-92-B-c
núi Cánh Nô	SV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 23' 22"	105° 50' 08"					F-48-92-B-a
Đầm Cút	TV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn	20° 23' 26"	105° 49' 47"					F-48-92-B-a
Sông Bôi	TV	xã Liên Sơn	H. Gia Viễn			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
tổ dân phố Cầu Huyện	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 59"	105° 57' 05"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Đông Nam	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 42"	105° 57' 03"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Mỹ Lộ	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 47"	105° 57' 11"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Bắc	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 42"	105° 56' 59"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Tây Nam	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 38"	105° 57' 01"					F-48-92-B-d
tổ dân phố Thiên Sơn	DC	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 54"	105° 56' 42"					F-48-92-B-d
cầu Thiên Tôn	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 45"	105° 56' 24"					F-48-92-B-d
đền Đa Giá Hạ	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 58"	105° 56' 36"					F-48-92-D-b
đường Đại Cồ Việt	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 18' 00"	105° 57' 04"	20° 17' 45"	105° 56' 24"	F-48-92-B-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 18' 39"	105° 56' 43"	20° 17' 31"	105° 57' 16"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
động Thiên Tôn	SV	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 17' 57"	105° 56' 34"					F-48-92-B-d
Núi Voi	SV	TT. Thiên Tôn	H. Hoa Lư	20° 18' 01"	105° 56' 28"					F-48-92-B-d
thôn Bộ Đầu	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 20"	105° 57' 46"					F-48-92-D-b
thôn Đông Thịnh	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 17"	105° 58' 50"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Mai	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 49"	105° 57' 55"					F-48-92-D-b
xóm Hoà Thiện	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 03"	105° 58' 51"					F-48-92-D-b
xóm Kiến Ái	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 53"	105° 58' 44"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trung Đức	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 57"	105° 58' 44"					F-48-92-D-b
Xóm Dinh	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 18"	105° 58' 01"					F-48-92-D-b
Xóm Đình	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 26"	105° 57' 59"					F-48-92-D-b
Xóm Giữa	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 23"	105° 58' 06"					F-48-92-D-b
Xóm Gò	DC	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 10"	105° 58' 09"					F-48-92-D-b
cầu Đồng Thịnh	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 20"	105° 59' 03"					F-48-92-D-b
cầu Quán Vinh	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 43"	105° 58' 18"					F-48-92-D-b
Cầu Vó	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 37"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
Cầu Yên	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 40"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 29"	105° 57' 42"					F-48-92-D-b
đền Đồng Hội	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 11' 57"	105° 59' 06"					F-48-92-D-b
Đường cao tốc Bắc Nam	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 15' 04"	106° 00' 56"	20° 11' 18"	105° 57' 10"	F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
ga Cầu Yên	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 15"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
nhà thờ Họ Đào	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư	20° 12' 17"	105° 58' 02"					F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Sông Hệ	TV	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vạc	TV	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
Sông Vó	TV	xã Ninh An	H. Hoa Lư			20° 11' 21"	105° 56' 47"	20° 11' 54"	105° 59' 12"	F-48-92-D-b
thôn Bãi Trù	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 08"	105° 55' 24"					F-48-92-B-d
thôn La Văn	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 39"	105° 56' 38"					F-48-92-B-d
thôn Phong Phú	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 28"	105° 56' 19"					F-48-92-B-d
xóm 1 La Mai	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 44"	105° 56' 43"					F-48-92-B-d
xóm 2 La Mai	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 00"	105° 56' 49"					F-48-92-B-d
xóm Đồng Trung Trù	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 52"	105° 55' 47"					F-48-92-B-d
xóm Nam Trung Trù	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 36"	105° 55' 46"					F-48-92-B-d
xóm Tây Trung Trù	DC	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 49"	105° 55' 36"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bến khách ngang sông La	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 09"	105° 57' 00"					F-48-92-B-d
cầu Gián Khẩu	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 19' 41"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
chùa Phong Phú	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 35"	105° 56' 23"					F-48-92-B-d
chùa Trung Trữ	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 36"	105° 55' 38"					F-48-92-B-d
đền Cà La Mai	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư	20° 18' 45"	105° 56' 44"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 18' 39"	105° 56' 43"	20° 17' 31"	105° 57' 16"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
Sông Đáy	TV	xã Ninh Giang	H. Hoa Lư			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
thôn Côi Khê	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 23"	105° 55' 44"					F-48-92-D-b
thôn Hải Nham	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 50"	105° 54' 24"					F-48-92-D-b
thôn Khê Ngoài	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 51"	105° 55' 51"					F-48-92-D-b
thôn Khê Trong	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 00"	105° 55' 34"					F-48-92-D-b
thôn Văn Lâm	DC	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 57"	105° 56' 05"					F-48-92-D-b
cầu Đàm Khê	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 54"	105° 55' 57"					F-48-92-D-b
chùa Bích Động	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 54' 51"					F-48-92-D-b
Chùa Móc	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 57"	105° 55' 10"					F-48-92-D-b
đền Nội Lâm	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 15' 24"	105° 53' 48"					F-48-92-D-b
đền Thái Vi	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 30"	105° 55' 40"					F-48-92-D-b
Đường tỉnh 478B	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 13' 10"	105° 54' 51"	F-48-92-D-b
Đền Vối	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 00"	105° 54' 16"					F-48-92-D-b
Đình Các	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 56' 08"					F-48-92-D-b
Khu di tích Tam Cốc	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 58"	105° 55' 03"					F-48-92-D-b
Khu du lịch Tam Cốc Bích Động	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 56' 01"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
động Bích Động	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 05"	105° 54' 52"					F-48-92-D-b
hang Am Vừng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 49"	105° 54' 26"					F-48-92-D-b
hang Cây Thị	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 11"	105° 55' 39"					F-48-92-D-b
Hang Ba	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 05"	105° 54' 59"					F-48-92-D-b
Hang Cà	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 45"	105° 55' 44"					F-48-92-D-b
Hang Dinh	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 06"	105° 53' 20"					F-48-92-D-b
Hang Hai	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 59"	105° 55' 05"					F-48-92-D-b
Hang Hòm	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 37"	105° 54' 25"					F-48-92-D-b
hang Leo Ngánh	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 21"	105° 54' 14"					F-48-92-D-b
Hang Thông	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 39"	105° 54' 21"					F-48-92-D-b
Hang Vàng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 52"	105° 54' 23"					F-48-92-D-b
Hang Vạng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 46"	105° 54' 47"					F-48-92-D-b
núi Bắp Chùa	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 30"	105° 54' 09"					F-48-92-D-b
núi Bực Bài	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 47"	105° 54' 35"					F-48-92-D-b
núi Cây Chanh	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 16"	105° 53' 55"					F-48-92-D-b
Núi Con	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 41"	105° 53' 39"					F-48-92-D-b
núi Dăm Sáp	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 54"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b
Núi Dây	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 38"	105° 54' 05"					F-48-92-D-b
núi Đàng Máng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 19"	105° 56' 02"					F-48-92-D-b
núi Đá Mỏ	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 30"	105° 55' 17"					F-48-92-D-b
núi Đầu Hang Cà	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 43"	105° 55' 32"					F-48-92-D-b
núi Đồng Dạng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 44"	105° 53' 57"					F-48-92-D-b
núi Hang Bái	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 34"	105° 55' 55"					F-48-92-D-b
núi Hang Chùa	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 34"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
núi Hang Đùng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 26"	105° 56' 10"					F-48-92-D-b
núi Hang Nấp	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 17"	105° 54' 21"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hang Sòng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 32"	105° 55' 22"					F-48-92-D-b
núi Hang Vàng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 00"	105° 54' 30"					F-48-92-D-b
núi Láng Trai	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 58"	105° 54' 06"					F-48-92-D-b
núi Lê Lê	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 45"	105° 54' 55"					F-48-92-D-b
núi Mã Mua	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 21"	105° 55' 39"					F-48-92-D-b
núi Môm Gai	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 09"	105° 54' 37"					F-48-92-D-b
núi Quên Giải	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 50"	105° 55' 48"					F-48-92-D-b
núi Tai Voi	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 12' 54"	105° 55' 00"					F-48-92-D-b
núi Thần Lậu	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 51"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b
núi Thung U	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 02"	105° 52' 38"					F-48-92-D-a
núi Thung Vầu	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 08"	105° 53' 05"					F-48-92-D-a
núi Voi Dộ	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 26"	105° 54' 19"					F-48-92-D-b
núi Vừng Lầy	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 31"	105° 53' 42"					F-48-92-D-b
Núi Tướng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 41"	105° 52' 40"					F-48-92-D-a
thung Đồng Lòng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 59"	105° 55' 25"					F-48-92-D-b
thung Hang Múa	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 43"	105° 55' 54"					F-48-92-D-b
thung Hang Vạng	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 41"	105° 54' 35"					F-48-92-D-b
thung Lau Lá	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 17"	105° 53' 19"					F-48-92-D-b
thung Mái Trong	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 47"	105° 53' 59"					F-48-92-D-b
thung Tiều Phay	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 03"	105° 55' 03"					F-48-92-D-b
Thung Búi	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 04"	105° 54' 41"					F-48-92-D-b
Thung Lang	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 50"	105° 52' 45"					F-48-92-D-a
Thung Ngoài	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 37"	105° 54' 01"					F-48-92-D-b
Thung Thấy	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 01"	105° 54' 38"					F-48-92-D-b
Thung Trong	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 24"	105° 54' 06"					F-48-92-D-b
Thung Ván	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 13' 57"	105° 53' 00"					F-48-92-D-a
Vụng Bưởi	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 16"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Vùng Chay	SV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư	20° 14' 53"	105° 54' 17"					F-48-92-D-b
ngôi Bền Đồi	TV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 53' 27"	20° 13' 08"	105° 55' 06"	F-48-92-D-b
sông Đền Nối	TV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 14' 15"	105° 54' 16"	20° 12' 28"	105° 56' 18"	F-48-92-D-b
Sông Hệ	TV	xã Ninh Hải	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
thôn Ấng Ngủ	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 21"	105° 55' 16"					F-48-92-B-d
thôn Ấng Sơn	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 16' 39"	105° 55' 57"					F-48-92-B-d
thôn Đại Ấng	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 16' 48"	105° 55' 45"					F-48-92-B-d
thôn Ngô Hạ	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 18' 13"	105° 55' 25"					F-48-92-B-d
thôn Ngô Thượng	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 52"	105° 55' 50"					F-48-92-B-d
thôn Quán Vinh	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 39"	105° 56' 10"					F-48-92-B-d
thôn Thanh Hạ	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 59"	105° 55' 32"					F-48-92-B-d
thôn Thanh Thượng	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 26"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
xóm Nam Triều	DC	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 08"	105° 55' 33"					F-48-92-B-d
cầu Ninh Hoà	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 40"	105° 55' 58"					F-48-92-B-d
cầu Thiên Tôn	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 45"	105° 56' 24"					F-48-92-B-d
chùa Hoa Sơn	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 16' 57"	105° 55' 17"					F-48-92-B-d
đình Ngô Khê Hạ	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 18' 17"	105° 55' 33"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
Quản thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
động Hoa Sơn	SV	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 02"	105° 55' 43"					F-48-92-B-d
Hang Dơi	SV	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 17' 01"	105° 55' 21"					F-48-92-B-d
núi Đồng So	SV	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 16' 03"	105° 55' 39"					F-48-92-B-d
núi Phù Đồ	SV	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 16' 20"	105° 55' 19"					F-48-92-B-d
Núi Voi	SV	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư	20° 16' 57"	105° 55' 12"					F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Ninh Hoà	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Hoa	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 13"	105° 57' 17"					F-48-92-B-d
xóm Đông Phú	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 58' 28"					F-48-92-B-d
xóm Khánh Trung	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 10"	105° 57' 25"					F-48-92-B-d
xóm Kim Phú	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 15"	105° 57' 39"					F-48-92-B-d
xóm Phần Thượng	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 38"	105° 58' 08"					F-48-92-B-d
xóm Phần Trung	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 41"	105° 58' 15"					F-48-92-B-d
xóm Phú Gia	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 39"	105° 57' 46"					F-48-92-B-d
xóm Tiên Thịnh	DC	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 29"	105° 58' 31"					F-48-92-B-d
bến khách ngang sông Bồng	KX	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 18' 28"	105° 58' 10"					F-48-92-B-d
đỉnh Bạch Cừ	KX	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 35"	105° 58' 19"					F-48-92-B-d
núi Phú Gia	SV	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư	20° 17' 45"	105° 57' 37"					F-48-92-B-d
Sông Dáy	TV	xã Ninh Khang	H. Hoa Lư			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-92-B-d
xóm Đông Đình	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 30"	105° 56' 49"					F-48-92-B-d
xóm Nam Chiêm	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 11"	105° 56' 53"					F-48-92-B-d
xóm Nhân Lý	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 13"	105° 56' 45"					F-48-92-B-d
xóm Quan Đồng	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 34"	105° 56' 32"					F-48-92-B-d
xóm Tân Mỹ	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 27"	105° 57' 17"					F-48-92-B-d
xóm Tây Đình	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 28"	105° 56' 44"					F-48-92-B-d
xóm Thạch Quy	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 56' 50"					F-48-92-B-d
xóm Thạch Tác	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 07"	105° 57' 00"					F-48-92-B-d
xóm Vinh Viên	DC	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 56' 59"					F-48-92-B-d
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-B-d
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-B-d
Đỉnh Thượng	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 34"	105° 56' 47"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
Núi Dộc	SV	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư	20° 17' 13"	105° 56' 32"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Chanh	TV	xã Ninh Mỹ	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
thôn Hành Cung	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 14"	105° 57' 06"					F-48-92-D-b
thôn Hạ Trạo	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 12' 50"	105° 57' 15"					F-48-92-D-b
thôn Khả Lương	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 21"	105° 56' 52"					F-48-92-D-b
thôn Tuân Cáo	DC	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 00"	105° 56' 42"					F-48-92-D-b
cầu Ninh Tiến 2	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 30"	105° 57' 21"					F-48-92-D-b
chợ Ninh Thắng	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 08"	105° 57' 06"					F-48-92-D-b
đường Nguyễn Minh Không	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 13' 08"	105° 57' 29"	F-48-92-D-b
Đường tỉnh 478B	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 13' 10"	105° 54' 51"	F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
Đình Sen	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 10"	105° 57' 01"					F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
núi Bươm Bướm	SV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 47"	105° 56' 19"					F-48-92-D-b
núi Hang Bài	SV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 34"	105° 55' 55"					F-48-92-D-b
thung Chẽ Bèo	SV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư	20° 13' 35"	105° 56' 02"					F-48-92-D-b
sông Sào Khê	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-D-b
Sông Chanh	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
Sông Hệ	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vân	TV	xã Ninh Thắng	H. Hoa Lư			20° 15' 49"	105° 58' 46"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
thôn Chấn Lữ	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 45"	105° 57' 12"					F-48-92-D-b
thôn Dương Hạ	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 42"	105° 55' 59"					F-48-92-D-b
thôn Dương Thượng	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 56"	105° 55' 40"					F-48-92-D-b
thôn Đồng Quan	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 23"	105° 57' 18"					F-48-92-D-b
thôn Phú Lăng	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 22"	105° 56' 34"					F-48-92-D-b
thôn Tân Dương 1	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 58"	105° 56' 32"					F-48-92-D-b
thôn Tân Dương 2	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 01"	105° 56' 29"					F-48-92-D-b
thôn Vạn Lê	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 10' 47"	105° 56' 17"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Hệ	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 46"	105° 56' 21"					F-48-92-D-b
Thôn Thượng	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 49"	105° 56' 39"					F-48-92-D-b
thôn Vũ Xá	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 58"	105° 57' 19"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Phúc	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 29"	105° 56' 53"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 22"	105° 56' 53"					F-48-92-D-b
cảng Hệ Dương	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 27"	105° 56' 19"					F-48-92-D-b
Chùa Tháp	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 32"	105° 54' 49"					F-48-92-D-b
Công ty Xi măng Hệ Dương	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 05"	105° 56' 06"					F-48-92-D-b
đền Hạ Kê Từ	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 44"	105° 56' 10"					F-48-92-D-b
đền Miếu Sơn	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 35"	105° 56' 33"					F-48-92-D-b
đền Thượng Kê Từ	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 41"	105° 56' 32"					F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
Quản thẻ danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
Trại giam Ninh Khánh	KX	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 17"	105° 55' 15"					F-48-92-D-b
núi Bò Bó	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 36"	105° 55' 31"					F-48-92-D-b
núi Đá Bia	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 30"	105° 54' 56"					F-48-92-D-b
núi Đá Mỏ	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 30"	105° 55' 17"					F-48-92-D-b
núi Hang Chùa	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 34"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
núi Hang Hóc	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 56"	105° 54' 49"					F-48-92-D-b
núi Lè Lè	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 45"	105° 54' 55"					F-48-92-D-b
núi Lũng Vàng	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 59"	105° 54' 25"					F-48-92-D-b
núi Mã Vối	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 30"	105° 55' 13"					F-48-92-D-b
núi Móm Thần	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 19"	105° 55' 49"					F-48-92-D-b
quần Cỏ Yếm	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 19"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
thung Chẽ Dưới	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 40"	105° 55' 19"					F-48-92-D-b
thung Chẽ Trên	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 50"	105° 55' 05"					F-48-92-D-b
thung Hang Cỏ	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 21"	105° 54' 36"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thung Hang Dừa	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 27"	105° 55' 11"					F-48-92-D-b
thung Hang Sầu	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 12' 00"	105° 54' 58"					F-48-92-D-b
thung Quèn Ma	SV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư	20° 11' 09"	105° 55' 56"					F-48-92-D-b
ngôi Bền Đồi	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 13' 09"	105° 53' 27"	20° 13' 08"	105° 55' 06"	F-48-92-D-b
Sông Bé	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 12' 22"	105° 55' 13"	20° 12' 02"	105° 55' 40"	F-48-92-D-b
Sông Hệ	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 10' 59"	105° 56' 03"	20° 12' 41"	105° 57' 46"	F-48-92-D-b
Sông Vò	TV	xã Ninh Vân	H. Hoa Lư			20° 11' 21"	105° 56' 47"	20° 11' 54"	105° 59' 12"	F-48-92-D-b
thôn Khê Hạ	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 11"	105° 56' 18"					F-48-92-D-b
thôn Khê Thượng	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 52"	105° 55' 53"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Áng Ngoại	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 57"	105° 56' 10"					F-48-92-D-b
thôn Xuân Áng Nội	DC	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 06"	105° 56' 11"					F-48-92-B-d
cầu Trảng An	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 26"	105° 56' 33"					F-48-92-B-d
chùa Bàn Long	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 16"	105° 55' 10"					F-48-92-D-b
chùa Khê Hạ	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 00"	105° 56' 12"					F-48-92-D-b
Quần thể danh thắng Trảng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
động Bàn Long	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 17"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
hang Lầm Trong	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 17"	105° 54' 44"					F-48-92-D-b
Hang Múa	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 13' 47"	105° 56' 01"					F-48-92-D-b
núi Bàn Sinh	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 13"	105° 55' 36"					F-48-92-D-b
núi Bực Bài	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 47"	105° 54' 35"					F-48-92-D-b
núi Bươm Bướm	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 13' 47"	105° 56' 19"					F-48-92-D-b
núi Chiêu Đồi	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 29"	105° 56' 04"					F-48-92-D-b
núi Cốt Đen	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 20"	105° 54' 17"					F-48-92-D-b
núi Đá Lái	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 27"	105° 55' 38"					F-48-92-D-b
núi Đầu Quèn	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 35"	105° 55' 03"					F-48-92-D-b
núi Đền Trong	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 11"	105° 55' 35"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đồng Phú	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 06"	105° 54' 59"					F-48-92-D-b
Núi Kẹm	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 54"	105° 55' 26"					F-48-92-D-b
Núi Ma	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 27"	105° 55' 53"					F-48-92-D-b
núi Hang Bụt	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 38"	105° 55' 31"					F-48-92-B-d
núi Quên Giải	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 13' 50"	105° 55' 48"					F-48-92-D-b
núi Rì Rom	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 37"	105° 55' 47"					F-48-92-D-b
núi Thần Lậu	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 51"	105° 54' 50"					F-48-92-D-b
thung Hang Cá	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 56"	105° 54' 57"					F-48-92-D-b
thung Hang Chúi	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 37"	105° 54' 54"					F-48-92-D-b
Thung Chuối	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 54"	105° 54' 40"					F-48-92-D-b
Thung Đền	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 14' 07"	105° 55' 41"					F-48-92-D-b
Thung Mây	SV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư	20° 15' 04"	105° 54' 22"					F-48-92-D-b
sông Sào Khê	TV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-B-d, F-48-92-D-b
Sông Chanh	TV	xã Ninh Xuân	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
thôn Chi Phong	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 08"	105° 53' 32"					F-48-92-B-d
thôn Đồng Thành	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 34"	105° 54' 49"					F-48-92-B-d
thôn Tam Kỳ	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 23"	105° 54' 23"					F-48-92-B-d
thôn Tân Hoa	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 43"	105° 54' 21"					F-48-92-B-d
thôn Trường An	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 19"	105° 54' 40"					F-48-92-B-d
thôn Trường Sơn	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 36"	105° 54' 02"					F-48-92-B-d
thôn Trường Thịnh	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 42"	105° 54' 09"					F-48-92-B-d
thôn Trường Xuân	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 47"	105° 54' 03"					F-48-92-B-d
thôn Tụ An	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 19' 03"	105° 55' 04"					F-48-92-B-d
thôn Vàng Ngọc	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 57"	105° 54' 23"					F-48-92-B-d
thôn Yên Trạch	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 46"	105° 54' 42"					F-48-92-B-d
Thôn Bắc	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 24"	105° 54' 17"					F-48-92-B-d
Thôn Đông	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 27"	105° 54' 26"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Nam	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 54' 20"					F-48-92-B-d
Thôn Tây	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 54' 16"					F-48-92-B-d
Thôn Trung	DC	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 33"	105° 54' 20"					F-48-92-B-d
bia Cửa Đông	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 31"	105° 54' 50"					F-48-92-B-d
chùa Kim Ngân	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 01"	105° 53' 57"					F-48-92-B-d
chùa Nhất Trụ	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 21"	105° 54' 20"					F-48-92-B-d
Cầu Đông	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 33"	105° 54' 26"					F-48-92-B-d
đền thờ Thục Tiết công chúa	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 24"	105° 54' 19"					F-48-92-B-d
đền Vua Đinh Tiên Hoàng	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 08"	105° 54' 12"					F-48-92-B-d
đền Vua Lê Đại Hành	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 13"	105° 54' 14"					F-48-92-B-d
đình Yên Trạch	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 46"	105° 54' 47"					F-48-92-B-d
Đền Vực	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 19"	105° 52' 53"					F-48-92-B-c
lăng Vua Đinh Tiên Hoàng	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 03"	105° 54' 21"					F-48-92-B-d
lăng Vua Lê Đại Hành	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 47"	105° 54' 17"					F-48-92-B-d
Nhà máy Gạch Sông Chanh	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 19' 00"	105° 54' 57"					F-48-92-B-d
phủ Đông Vương	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 59"	105° 54' 17"					F-48-92-B-d
phủ Kinh Thiên	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 27"	105° 54' 29"					F-48-92-B-d
Quốc lộ 38B	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-B-d
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
động Am Tiên	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 59"	105° 54' 43"					F-48-92-B-d
Hang Bìn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 35"	105° 53' 23"					F-48-92-B-d
Hang Lôi	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 46"	105° 54' 58"					F-48-92-B-d
Hang Luồn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 29"	105° 54' 32"					F-48-92-B-d
Hang Muối	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 33"	105° 54' 23"					F-48-92-B-d
Hang Quán	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 09"	105° 54' 35"					F-48-92-B-d
Hang Tỏi	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 43"	105° 53' 50"					F-48-92-B-d
Hang Vồng	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 19"	105° 53' 27"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chùa Am	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 22"	105° 54' 05"					F-48-92-B-d
núi Chùa Thủ	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 50"	105° 53' 33"					F-48-92-B-d
núi Con Lợn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 10"	105° 52' 51"					F-48-92-B-c
núi Cột Đèn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 20"	105° 54' 17"					F-48-92-D-b
núi đá Trường Yên	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 59"	105° 54' 18"					F-48-92-B-d
núi Đồng Mang	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 34"	105° 53' 44"					F-48-92-B-d
núi Nắc Nè	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 12"	105° 54' 52"					F-48-92-B-d
núi Ngọn Đèn	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 12"	105° 54' 34"					F-48-92-B-d
núi Phù Đồ	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 20"	105° 55' 19"					F-48-92-B-d
núi Thung Giữa	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 16"	105° 54' 11"					F-48-92-B-d
Núi Nghén	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 33"	105° 53' 42"					F-48-92-B-d
thung Ang Mương	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 41"	105° 54' 27"					F-48-92-B-d
Thung Đa	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 15' 46"	105° 53' 02"					F-48-92-B-c
Thung La	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 01"	105° 52' 56"					F-48-92-B-c
Thung Láng	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 16"	105° 53' 38"					F-48-92-B-d
Thung Lỗ	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 21"	105° 54' 02"					F-48-92-B-d
Thung Mậu	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 17' 16"	105° 53' 56"					F-48-92-B-d
Thung Thuộc	SV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư	20° 16' 18"	105° 53' 20"					F-48-92-B-d
sông Hoàng Long	TV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-d
sông Sào Khê	TV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 17' 58"	105° 53' 46"	20° 13' 44"	105° 57' 25"	F-48-92-B-d
Sông Chanh	TV	xã Trường Yên	H. Hoa Lư			20° 19' 15"	105° 54' 54"	20° 13' 46"	105° 57' 43"	F-48-92-B-d
Khối 1	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 37"	106° 02' 35"					E-48-9-A-a
Khối 2	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 39"	106° 03' 06"					E-48-9-A-a
Khối 3	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 38"	106° 03' 13"					E-48-9-A-a
Khối 4	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 34"	106° 03' 35"					E-48-9-A-a
Khối 5	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 34"	106° 03' 41"					E-48-9-A-a
Khối 6	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 27"	106° 03' 41"					E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khối 7	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 24"	106° 03' 49"					E-48-9-A-a
Khối 8	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 13"	106° 03' 57"					E-48-9-A-a
Khối 9	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 59' 02"	106° 04' 02"					E-48-9-A-a
Khối 10	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 42"	106° 04' 09"					E-48-9-A-a
Khối 11	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 38"	106° 04' 19"					E-48-9-A-a
Khối 12	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 43"	106° 05' 18"					E-48-9-A-a
Khối 13	DC	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 23"	106° 03' 41"					E-48-9-A-a
bến xe Thị trấn Bình Minh	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 11"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
cầu Tô Hiệu	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 58' 40"	106° 04' 22"					E-48-9-A-a
đường Ven Biển	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			19° 59' 10"	106° 05' 27"	19° 59' 56"	106° 02' 02"	E-48-9-A-a
Đường tỉnh 481	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			19° 58' 41"	106° 04' 22"	19° 59' 11"	106° 05' 27"	E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Côn Nôi	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mạn	TV	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
sông Cà Mau	TV	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	E-48-9-A-a
Sông Đáy	TV	TT. Bình Minh	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	E-48-9-A-a
tổ dân phố Kiến Thái	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 46"	106° 05' 20"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Năm Dân	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 26"	106° 05' 06"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phát Diệm Đông	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 32"	106° 04' 44"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phát Diệm Nam	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 21"	106° 04' 46"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phát Diệm Tây	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 31"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Phú Vinh	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 37"	106° 04' 52"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Thượng Kiệm	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 39"	106° 05' 02"					F-48-93-C-c
tổ dân phố Trì Chính	DC	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 44"	106° 05' 12"					F-48-93-C-c
bến xe khách Kim Sơn	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 41"	106° 05' 16"					F-48-93-C-c
cầu Kiến Trung	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 42"	106° 05' 28"					F-48-93-C-c
cầu Trì Chính	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 35"	106° 05' 09"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 481B	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
nhà thờ Đa Phát Diệm	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn	20° 05' 36"	106° 04' 41"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Vạc	TV	TT. Phát Diệm	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 55"	106° 06' 31"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 51"	106° 06' 28"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 45"	106° 06' 18"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 23"	106° 06' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 54"	106° 06' 49"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 22"	106° 06' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 04"	106° 06' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 15"	106° 06' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 06' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 31"	106° 07' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 05' 32"	106° 07' 54"					F-48-93-C-d
Xóm 12	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 08' 03"					F-48-93-C-d
Xóm 13	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 05' 00"	106° 07' 47"					F-48-93-C-d
Xóm 14	DC	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 04' 23"	106° 08' 16"					F-48-93-C-d
cầu Ân Hoà II	KX	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 27"	106° 07' 08"					F-48-93-C-c
cầu Quy Hậu	KX	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 07' 00"					F-48-93-C-c
Cầu 18	KX	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn	20° 08' 44"	106° 05' 42"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481D	KX	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c
Đường tỉnh 482	KX	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Ân Hoà	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 21"	106° 07' 52"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 06"	106° 08' 05"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 03"	106° 07' 58"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 08' 12"	106° 07' 50"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 58"	106° 07' 51"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 53"	106° 07' 46"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 51"	106° 07' 41"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 41"	106° 07' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 40"	106° 07' 42"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 06' 37"	106° 08' 45"					F-48-93-C-d
Xóm 11	DC	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 06' 14"	106° 08' 30"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Chắt Thành - Nghĩa Hồng	KX	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 06' 32"	106° 08' 53"					F-48-93-C-d
đền Chắt Thành	KX	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 52"	106° 07' 52"					F-48-93-C-c
đền Làng Quyết Bình	KX	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn	20° 07' 55"	106° 07' 36"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-d, F-48-93-C-b
Sông Ân	TV	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Chắt Bình	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
thôn Cách Tâm	DC	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 42"	106° 08' 05"					F-48-93-C-b
thôn Đường 10	DC	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn	20° 07' 41"	106° 08' 39"					F-48-93-C-b
thôn Hàm Phú	DC	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 10"	106° 08' 13"					F-48-93-C-b
thôn Lưu Thanh	DC	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 00"	106° 08' 16"					F-48-93-C-b
thôn Mông Hưu	DC	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 20"	106° 08' 14"					F-48-93-C-b
thôn Thành Đức	DC	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn	20° 08' 55"	106° 08' 00"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Sông Ân	TV	xã Chinh Tâm	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Chính Tâm	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 58"	106° 04' 43"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 48"	106° 04' 20"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 35"	106° 04' 30"					E-48-9-A-a
xóm 7A Đông	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 19"	106° 04' 32"					E-48-9-A-a
xóm 7A Tây	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 19"	106° 04' 11"					E-48-9-A-a
Xóm 7B	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 58' 56"	106° 04' 33"					E-48-9-A-a
Xxóm 7C	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 58' 56"	106° 04' 14"					E-48-9-A-a
Xóm 8A	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 51"	106° 04' 51"					E-48-9-A-a
Xóm 8B	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 26"	106° 04' 48"					E-48-9-A-a
Xóm 9	DC	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 35"	106° 04' 09"					E-48-9-A-a
cầu Tô Hiệu	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 58' 40"	106° 04' 22"					E-48-9-A-a
cổng Chợ Cồn Thoi	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn	19° 59' 44"	106° 04' 08"					E-48-9-A-a
Đường tỉnh 481	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			19° 58' 41"	106° 04' 22"	19° 59' 11"	106° 05' 27"	E-48-9-A-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	E-48-9-A-a
sông Kè Đông	TV	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			19° 59' 12"	106° 04' 19"	19° 59' 13"	106° 05' 27"	E-48-9-A-a
Sông Đáy	TV	xã Cồn Thoi	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
Xóm 1	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 15"	106° 04' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 00"	106° 04' 31"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 02' 47"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 19"	106° 04' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 14"	106° 04' 55"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 04"	106° 05' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 54"	106° 04' 37"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 15"	106° 05' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 03' 14"	106° 05' 17"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Định Hoá	H. Kim Sơn	20° 02' 57"	106° 05' 26"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 11	DC	xã Định Hoà	H. Kim Sơn	20° 02' 41"	106° 05' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Định Hoà	H. Kim Sơn	20° 02' 43"	106° 05' 48"					F-48-93-C-c
cầu Định Hoà	KX	xã Định Hoà	H. Kim Sơn	20° 03' 59"	106° 04' 29"					F-48-93-C-c
chùa Tuy Định	KX	xã Định Hoà	H. Kim Sơn	20° 03' 25"	106° 04' 23"					F-48-93-C-c
đền Tuy Định	KX	xã Định Hoà	H. Kim Sơn	20° 03' 24"	106° 04' 24"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Định Hoà	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Định Hoà	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Định Hoà	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 49"	106° 05' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 42"	106° 05' 13"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 05' 17"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 19"	106° 05' 24"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 06"	106° 05' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 05' 55"	106° 05' 36"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 05' 38"	106° 05' 43"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 04' 17"	106° 06' 33"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 03' 46"	106° 07' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 04' 45"	106° 06' 34"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 05' 59"	106° 05' 50"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 07"	106° 05' 46"					F-48-93-C-c
Xóm 14	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 17"	106° 05' 40"					F-48-93-C-c
Xóm 15	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 05' 35"					F-48-93-C-c
Xóm 16	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 33"	106° 05' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 17	DC	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn	20° 06' 37"	106° 05' 30"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Đồng Hướng	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 21B	KX	xã Đồng Hường	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Đồng Hường	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Đồng Hường	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Sông Vực	TV	xã Đồng Hường	H. Kim Sơn			20° 06' 02"	106° 06' 11"	20° 03' 28"	106° 07' 21"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 43"	106° 07' 12"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 19"	106° 07' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 03"	106° 07' 33"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 29"	106° 07' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 35"	106° 07' 23"					F-48-93-C-a
Xóm 6 + 7	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 44"	106° 07' 23"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 26"	106° 07' 36"					F-48-93-C-d
Xóm 9	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 08' 02"	106° 07' 21"					F-48-93-C-a
Xóm 10	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 06' 51"	106° 07' 47"					F-48-93-C-d
Xóm 11 + 12	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 07' 39"	106° 07' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 08' 30"	106° 06' 59"					F-48-93-C-a
Xóm 14	DC	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn	20° 05' 32"	106° 08' 27"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 481D	KX	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-d
Sông Ân	TV	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Hồi Ninh	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 04' 51"	106° 07' 37"					F-48-93-C-d
Xóm 2	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 06' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 06' 48"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 38"	106° 06' 45"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 45"	106° 06' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 53"	106° 06' 36"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 06' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 08' 04"	106° 06' 00"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 10	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 07' 47"	106° 05' 59"					F-48-93-C-a
Xóm 11	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 58"	106° 06' 23"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 06' 35"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 06' 37"					F-48-93-C-c
Xóm 14	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 14"	106° 06' 46"					F-48-93-C-c
Xóm 15	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 04' 06"	106° 08' 01"					F-48-93-C-d
chợ Quy Hậu	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn	20° 06' 20"	106° 06' 55"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c
Đường tỉnh 482	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Hùng Tiến	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
xóm Kim Đài	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 03' 15"	106° 06' 50"					F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 04' 40"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 59"	106° 05' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 05' 00"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 07"	106° 05' 09"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 05' 04"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 06' 23"	106° 05' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 7A	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 49"	106° 05' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 7B	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 34"	106° 05' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 26"	106° 05' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 04' 24"	106° 05' 59"					F-48-93-C-c
cầu Kiến Trung	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 42"	106° 05' 28"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481B	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 10	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Trung tâm hướng nghiệp và mục vụ Phát Diệm	KX	xã Kim Chính	H. Kim Sơn	20° 05' 53"	106° 05' 07"					F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Sông Vạc	TV	xã Kim Chính	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 08' 09"	106° 06' 34"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 39"	106° 06' 54"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 23"	106° 07' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 59"	106° 06' 50"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 34"	106° 07' 05"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 19"	106° 07' 14"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 44"	106° 07' 05"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 04"	106° 07' 10"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 06' 41"	106° 07' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 05' 46"	106° 07' 52"					F-48-93-C-d
Xóm 11	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 06' 00"	106° 07' 54"					F-48-93-C-d
Xóm 12	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 05' 24"	106° 08' 05"					F-48-93-C-d
Xóm 13	DC	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 05' 10"	106° 08' 23"					F-48-93-C-d
đình Làng Tức Hiệu	KX	xã Kim Định	H. Kim Sơn	20° 07' 46"	106° 06' 47"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481D	KX	xã Kim Định	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d
Sông Ân	TV	xã Kim Định	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Kim Định	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 58' 19"	106° 04' 58"					E-48-9-A-a
Xóm 2	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 59"	106° 04' 33"					E-48-9-A-a
Xóm 3	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 52"	106° 04' 13"					E-48-9-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 4	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 29"	106° 04' 38"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 49"	106° 04' 35"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 05"	106° 03' 58"					E-48-9-A-a
bến xe Kim Đông	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 28"	106° 04' 43"					E-48-9-A-a
cầu Kênh Tươi	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 57' 49"	106° 04' 23"					E-48-9-A-a
Cầu Trắng	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 31"	106° 04' 38"					E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Cồn Nổi	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Kim Đông	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	E-48-9-A-a
Cửa Đáy	TV	xã Kim Đông	H. Kim Sơn	19° 56' 10"	106° 06' 15"					E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mạn	TV	xã Kim Đông	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
Xóm 1	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 39"	106° 01' 57"					E-48-9-A-a
Xóm 2	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 21"	106° 02' 25"					E-48-9-A-a
Xóm 3	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 08"	106° 02' 53"					E-48-9-A-a
Xóm 4	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 58' 42"	106° 02' 38"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 58' 51"	106° 02' 13"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 12"	106° 01' 54"					E-48-9-A-a
bến khách ngang sông Càn	KX	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 59' 09"	106° 01' 25"					E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Cồn Nổi	KX	xã Kim Hải	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mạn	TV	xã Kim Hải	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
sông C10	TV	xã Kim Hải	H. Kim Sơn			19° 58' 00"	106° 02' 07"	19° 59' 07"	106° 02' 58"	E-48-9-A-a
Sông Càn	TV	xã Kim Hải	H. Kim Sơn			20° 02' 18"	106° 03' 51"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
xóm An Hải	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	19° 59' 57"	106° 02' 59"					E-48-9-A-a
xóm Mỹ Chính	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 01' 12"	106° 04' 07"					F-48-93-C-c
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 49"	106° 04' 06"					F-48-93-C-c
xóm Mỹ Hốp	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 00"	106° 03' 20"					E-48-9-A-a
xóm Phụ Cấp	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 45"	106° 03' 25"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Văn	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 25"	106° 03' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 38"	106° 04' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 01' 20"	106° 04' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 47"	106° 04' 13"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 31"	106° 04' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 50"	106° 04' 47"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 00' 21"	106° 04' 45"					F-48-93-C-c
cầu Kim Mỹ	KX	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	20° 01' 20"	106° 04' 18"					F-48-93-C-c
cổng Chợ Cồn Thoi	KX	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn	19° 59' 44"	106° 04' 08"					E-48-9-A-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
sông Cà Mau	TV	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c, F-48-9-A-a
Sông Càn	TV	xã Kim Mỹ	H. Kim Sơn			20° 02' 18"	106° 03' 51"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 59"	106° 06' 16"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 49"	106° 05' 52"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 33"	106° 05' 05"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 57"	106° 05' 01"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 41"	106° 05' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 11"	106° 05' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 21"	106° 05' 58"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 16"	106° 06' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 37"	106° 06' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 01"	106° 05' 39"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 53"	106° 05' 45"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 48"	106° 06' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 01' 01"	106° 05' 33"					F-48-93-C-c
bến khách ngang sông Cống Bồn Thước	KX	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 00' 55"	106° 06' 15"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bến khách ngang sông Công Phát Diệm	KX	xã Kim Tân	H. Kim Sơn	20° 02' 09"	106° 06' 34"					F-48-93-C-c
Sông Dáy	TV	xã Kim Tân	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 58' 14"	106° 03' 44"					E-48-9-A-a
Xóm 2	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 56"	106° 03' 59"					E-48-9-A-a
Xóm 3	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 49"	106° 04' 00"					E-48-9-A-a
Xóm 4	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 58' 12"	106° 03' 35"					E-48-9-A-a
Xóm 5	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 51"	106° 03' 37"					E-48-9-A-a
Xóm 6	DC	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 57' 25"	106° 03' 59"					E-48-9-A-a
Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Bãi Ngang - Côn Nôi	KX	xã Kim Trung	H. Kim Sơn	19° 52' 26"	106° 04' 21"					E-48-9-A-a
kênh Tiêu Mạn	TV	xã Kim Trung	H. Kim Sơn			19° 59' 16"	106° 01' 37"	19° 57' 55"	106° 05' 26"	E-48-9-A-a
Xóm 1	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 05"	106° 01' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 2A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 56"	106° 02' 57"					F-48-93-C-c
Xóm 2B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 40"	106° 02' 23"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 42"	106° 02' 46"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 42"	106° 02' 01"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 19"	106° 02' 38"					F-48-93-C-c
Xóm 7A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 36"	106° 03' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 7B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 46"	106° 03' 11"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 17"	106° 01' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 9A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 26"	106° 02' 57"					F-48-93-C-c
Xóm 9B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 18"	106° 02' 47"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 03' 59"	106° 02' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 03' 57"	106° 02' 41"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 06"	106° 02' 45"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 02"	106° 03' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 14A	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 58"	106° 03' 38"					F-48-93-C-c
Xóm 14B	DC	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 29"	106° 04' 02"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bến xe Lai Thành	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 04' 48"	106° 02' 35"					F-48-93-C-c
cầu Tuy Hoà	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 03' 25"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
sông Bình Sa	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 02"	106° 03' 58"	20° 04' 38"	106° 02' 55"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c
sông Lai Thành	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 51"	106° 04' 24"	20° 03' 49"	106° 02' 33"	F-48-93-C-c
sông Yên Lâm	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 52"	106° 01' 42"	20° 04' 29"	106° 02' 47"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Lai Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 06' 55"	106° 03' 47"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 06' 47"	106° 04' 00"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 56"	106° 04' 29"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 48"	106° 04' 34"					F-48-93-C-c
Xóm 5A	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 38"	106° 04' 25"					F-48-93-C-c
Xóm 5B	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 28"	106° 04' 28"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 16"	106° 04' 48"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 08"	106° 04' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 18"	106° 04' 36"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 05' 06"	106° 04' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 03' 01"	106° 05' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 02' 04"	106° 06' 05"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 03' 09"	106° 05' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn	20° 02' 30"	106° 06' 20"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Ân	TV	xã Lưu Phương	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 06' 00"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 53"	106° 06' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 06"	106° 06' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 31"	106° 06' 28"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 21"	106° 06' 33"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 08"	106° 06' 40"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 04' 26"	106° 07' 31"					F-48-93-C-d
Xóm 8	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 06' 32"	106° 06' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 05' 49"	106° 06' 55"					F-48-93-C-c
đền Như Độ	KX	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 17"	106° 05' 55"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Như Hoà	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Như Hoà	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
miếu Tuần Lễ	KX	xã Như Hoà	H. Kim Sơn	20° 07' 10"	106° 06' 12"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Như Hoà	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Như Hoà	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Như Hoà	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 34"	106° 06' 10"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 17"	106° 06' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 33"	106° 06' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 24"	106° 06' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 11"	106° 06' 14"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 20"	106° 06' 04"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 07' 49"	106° 05' 13"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 45"	106° 05' 44"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 20"	106° 05' 59"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 39"	106° 05' 39"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 11	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 10"	106° 05' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 05' 55"	106° 06' 12"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 05' 22"	106° 06' 30"					F-48-93-C-c
Xóm 14	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 04' 43"	106° 06' 41"					F-48-93-C-c
Xóm 15	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 04' 17"	106° 07' 19"					F-48-93-C-c
Xóm 16	DC	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 09"	106° 06' 04"					F-48-93-C-c
bến phà Quang Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 03' 31"	106° 07' 30"					F-48-93-C-d
cầu Quang Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 02"	106° 06' 12"					F-48-93-C-c
chùa Lạc Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 03"	106° 06' 02"					F-48-93-C-c
đền Thờ Nguyễn Công Trứ	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 02"	106° 06' 05"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
miếu Lạc Thiện	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn	20° 06' 23"	106° 05' 51"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d
Sông Vực	TV	xã Quang Thiện	H. Kim Sơn			20° 06' 02"	106° 06' 11"	20° 03' 28"	106° 07' 21"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 06' 32"	106° 03' 29"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 06' 46"	106° 03' 37"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 06' 37"	106° 03' 41"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 35"	106° 04' 01"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 26"	106° 04' 10"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 44"	106° 04' 10"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 05' 30"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 03' 34"	106° 05' 22"					F-48-93-C-c
Cầu Yêm	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn	20° 07' 01"	106° 03' 20"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 481D	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 10	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Tân Thành	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
xóm An Cư	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 05' 17"					F-48-93-C-c
xóm Vinh Ngoại	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 05' 17"	106° 05' 02"					F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 07' 05"	106° 04' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 06' 51"	106° 04' 21"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 06' 16"	106° 04' 43"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 05' 58"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
Xóm 5	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 04' 26"	106° 05' 21"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 04' 31"	106° 05' 33"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 03' 52"	106° 05' 49"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 02' 44"	106° 06' 16"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 03' 19"	106° 06' 29"					F-48-93-C-c
đình Thượng Kiệm	KX	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn	20° 06' 11"	106° 04' 47"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 10	KX	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Sông Đáy	TV	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-c
Sông Vạc	TV	xã Thượng Kiệm	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-c
xóm An Cư	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 00"	106° 04' 36"					F-48-93-C-c
xóm Bắc Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 23"	106° 04' 30"					F-48-93-C-c
xóm Đông Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 56"	106° 05' 23"					F-48-93-C-c
xóm Đông Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 17"	106° 05' 20"					F-48-93-C-c
xóm Đông Thổ	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 10"	106° 04' 31"					F-48-93-C-c
xóm Hoành Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 37"	106° 04' 39"					F-48-93-C-c
xóm Hoành Trục	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 14"	106° 03' 42"					F-48-93-C-c
xóm Khanh Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 29"	106° 04' 32"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nam Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 49"	106° 05' 42"					F-48-93-C-c
xóm Ninh Cư	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 02"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
xóm Tây Cường	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 00"	106° 05' 19"					F-48-93-C-c
xóm Tây Hải	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 37"	106° 03' 47"					F-48-93-C-c
xóm Tây Thổ	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 17"	106° 04' 19"					F-48-93-C-c
xóm Trung Chính	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 09"	106° 04' 40"					F-48-93-C-c
Xóm Một	DC	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 02' 05"	106° 04' 11"					F-48-93-C-c
cầu Kim Mỹ	KX	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 20"	106° 04' 18"					F-48-93-C-c
cầu Việt Nhật	KX	xã Văn Hải	H. Kim Sơn	20° 01' 26"	106° 04' 36"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Văn Hải	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Văn Hải	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c
Sông Càn	TV	xã Văn Hải	H. Kim Sơn			20° 02' 18"	106° 03' 51"	19° 56' 55"	106° 01' 26"	F-48-93-C-c
thôn Chi Thiện	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 48"	106° 08' 19"					F-48-93-C-b
thôn Dũng Thuy	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 09' 09"	106° 08' 24"					F-48-93-C-b
thôn Huệ Dịch	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 39"	106° 08' 18"					F-48-93-C-b
thôn Năng An	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 37"	106° 08' 38"					F-48-93-C-b
thôn Như Sơn	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 09' 02"	106° 08' 33"					F-48-93-C-b
thôn Xuân Hối	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 55"	106° 08' 21"					F-48-93-C-b
Thôn 10	DC	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 00"	106° 08' 56"					F-48-93-C-b
Cầu Đen	KX	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn	20° 08' 12"	106° 09' 11"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Sông Ân	TV	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Xuân Thiện	H. Kim Sơn			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 11"	106° 04' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 2	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 23"	106° 03' 53"					F-48-93-C-c
Xóm 3	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 05' 35"	106° 03' 47"					F-48-93-C-c
Xóm 4	DC	xã Yên Lộc	H. Kim Sơn	20° 06' 18"	106° 03' 11"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 06' 12"	106° 03' 03"					F-48-93-C-c
Xóm 6	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 52"	106° 03' 20"					F-48-93-C-c
Xóm 7	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 17"	106° 03' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 8	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 04' 20"	106° 04' 14"					F-48-93-C-c
Xóm 9	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 04' 49"	106° 03' 54"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 05"	106° 03' 42"					F-48-93-C-c
Xóm 11	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 13"	106° 03' 26"					F-48-93-C-c
Xóm 12	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 51"	106° 02' 32"					F-48-93-C-c
Xóm 13	DC	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 53"	106° 02' 23"					F-48-93-C-c
cầu Tuy Hoà	KX	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 09"	106° 03' 25"					F-48-93-C-c
đỉnh Thượng Tuy Lặc	KX	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn	20° 05' 45"	106° 02' 21"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 481D	KX	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 10	KX	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
sông Cà Mau	TV	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn			20° 05' 55"	106° 02' 04"	19° 59' 10"	106° 02' 59"	F-48-93-C-c
Sông Ân	TV	xã Yên Lặc	H. Kim Sơn			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 07' 45"	106° 03' 58"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 00"	106° 04' 21"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 07"	106° 04' 16"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 35"	106° 04' 50"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Yên Mật	H. Kim Sơn	20° 08' 43"	106° 04' 56"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Yên Mật	H. Kim Sơn			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Yên Mật	H. Kim Sơn			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
tổ dân phố Bắc Sơn	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 20"	105° 44' 47"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Đồng Tâm	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 09"	105° 44' 41"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Hoè Thị	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 14"	105° 44' 49"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Hồng Lai	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 13"	105° 44' 20"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Liêu Trung	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 18' 59"	105° 44' 33"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Nam Giang	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 24"	105° 44' 32"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Phong Lạc	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 23"	105° 45' 01"					F-48-92-B-c
tổ dân phố Tân Lập	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 31"	105° 44' 45"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Tân Nhất	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 04"	105° 44' 58"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Tân Tiến	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 27"	105° 44' 35"					F-48-92-A-d
tổ dân phố Tiên Lạo	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 30"	105° 44' 27"					F-48-92-A-d
Tổ dân phố Bái	DC	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 32"	105° 44' 57"					F-48-92-A-d
bến xe Nho Quan	KX	TT. Nho Quan	H. Nho Quan	20° 19' 25"	105° 44' 50"					F-48-92-A-d
Đường tỉnh 477	KX	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-A-d, F-48-92-B-c
Quốc lộ 12B	KX	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-A-d
sông Hoàng Long	TV	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Lạng	TV	TT. Nho Quan	H. Nho Quan			20° 24' 41"	105° 41' 01"	20° 19' 35"	105° 45' 11"	F-48-92-A-d, F-48-92-B-c
thôn Bãi Cá	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 03"	105° 42' 37"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Bót	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 55"	105° 44' 42"					F-48-92-A-d
thôn Đồng Quân	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 48"	105° 44' 17"					F-48-92-A-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 22"	105° 43' 51"					F-48-92-A-d
thôn Nga 1	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 55"	105° 43' 14"					F-48-92-C-b
thôn Nga 2	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 37"	105° 43' 27"					F-48-92-C-b
thôn Nga 3	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 24"	105° 43' 18"					F-48-92-C-b
thôn Sầm 1	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 16"	105° 42' 00"					F-48-92-C-b
thôn Sầm 2	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 26"	105° 41' 22"					F-48-92-C-b
thôn Sầm 3	DC	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 17"	105° 41' 03"					F-48-92-C-b
đền Quên Thạch	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 43"	105° 44' 03"					F-48-92-C-b
Đường tỉnh 479D	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan			20° 19' 37"	105° 44' 06"	20° 11' 34"	105° 46' 55"	F-48-92-A-d, F-48-92-C-b
khu du lịch Xóm Bồng	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 21' 12"	105° 35' 21"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu du lịch Xóm Đăn	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 20' 04"	105° 36' 49"					F-48-92-A-c
Vườn Quốc gia Cúc Phương	KX	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 20' 06"	105° 34' 45"					F-48-92-A-c
đầy núi Trường Sơn	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan							
động Người Xưa	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 44"	105° 40' 01"					F-48-92-A-d
núi Măng Khanh	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 41"	105° 43' 05"					F-48-92-C-b
núi Quên Gà	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 11"	105° 43' 31"					F-48-92-C-b
núi Song Đào	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 51"	105° 42' 56"					F-48-92-C-b
núi Trầm Tru	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 46"	105° 43' 11"					F-48-92-A-d
Quên Đang	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 40"	105° 40' 37"					F-48-92-A-d
Quên Seo	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 44"	105° 39' 26"					F-48-92-A-d
Quên Voi	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 30"	105° 39' 55"					F-48-92-A-d
thung Nước Hồ	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 55"	105° 41' 15"					F-48-92-A-d
thung Văng Lay	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 36"	105° 41' 31"					F-48-92-A-d
thung Vô Sốt	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 12"	105° 42' 06"					F-48-92-A-d
Thung Bồng	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 40"	105° 42' 39"					F-48-92-A-d
Thung Đin	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 14' 20"	105° 44' 01"					F-48-92-C-b
Thung Lá	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 17' 30"	105° 42' 04"					F-48-92-A-d
Thung Môn	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 56"	105° 42' 56"					F-48-92-A-d
Thung San	SV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 16' 47"	105° 43' 01"					F-48-92-A-d
Hồ Mạc	TV	xã Cúc Phương	H. Nho Quan	20° 15' 30"	105° 42' 24"					F-48-92-A-d
thôn Lạng Uyên	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 51"	105° 43' 54"					F-48-92-A-d
thôn Liêu Thượng	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 57"	105° 44' 10"					F-48-92-A-d
thôn Phong Lai 1	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 41"	105° 44' 11"					F-48-92-A-d
thôn Phong Lai 2	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 34"	105° 44' 10"					F-48-92-A-d
thôn Phong Thành	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 44"	105° 43' 53"					F-48-92-A-d
thôn Trại Lạ	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 52"	105° 44' 15"					F-48-92-A-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 56"	105° 44' 29"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Cối	DC	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 13"	105° 43' 08"					F-48-92-A-d
cầu Lập Cáp	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 53"	105° 43' 22"					F-48-92-A-d
Đường tỉnh 479D	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan			20° 19' 37"	105° 44' 06"	20° 11' 34"	105° 46' 55"	F-48-92-A-d
Quốc lộ 12B	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-A-d
trạm biến áp 500KV Nho Quan	KX	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 53"	105° 44' 00"					F-48-92-A-d
Núi Cối	SV	xã Đồng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 38"	105° 43' 56"					F-48-92-A-d
Sông Lạng	TV	xã Đồng Phong	H. Nho Quan			20° 24' 41"	105° 41' 01"	20° 19' 35"	105° 45' 11"	F-48-92-A-d
thôn Cao Thắng	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 18"	105° 47' 21"					F-48-92-B-c
thôn Cổ Định	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 49"	105° 47' 02"					F-48-92-B-c
thôn Hiền Quan 1	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 49"	105° 47' 24"					F-48-92-B-c
thôn Hiền Quan 2	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 45"	105° 47' 33"					F-48-92-B-c
thôn Nho Phong	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 21' 09"	105° 47' 47"					F-48-92-B-c
thôn Phú Cường	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 54"	105° 48' 08"					F-48-92-B-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 48"	105° 48' 09"					F-48-92-B-c
thôn Sơn Luy 1	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 58"	105° 48' 11"					F-48-92-B-c
thôn Sơn Luy 2	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 56"	105° 48' 13"					F-48-92-B-c
thôn Thần Luy 1	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 07"	105° 48' 00"					F-48-92-B-c
thôn Thần Luy 2	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 07"	105° 48' 07"					F-48-92-B-c
thôn Thông Nhất	DC	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 21' 07"	105° 47' 04"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Đức Long	H. Nho Quan			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
núi Đầu Cóc	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 10"	105° 48' 23"					F-48-92-B-c
núi Đầu Rồng	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 10"	105° 46' 50"					F-48-92-B-c
núi Sụ Đới	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 19' 48"	105° 46' 43"					F-48-92-B-c
núi Tò Vò	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 05"	105° 48' 32"					F-48-92-B-c
Núi Đói	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 31"	105° 46' 45"					F-48-92-B-c
Núi Hao	SV	xã Đức Long	H. Nho Quan	20° 20' 04"	105° 47' 04"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Đức Long	H. Nho Quan			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Bôi	TV	xã Đức Long	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-c
Thôn 1	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 32"	105° 46' 29"					F-48-92-B-a
Thôn 2	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 21"	105° 46' 26"					F-48-92-B-a
Thôn 3	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 57"	105° 46' 16"					F-48-92-B-a
Thôn 4	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 44"	105° 45' 28"					F-48-92-B-a
Thôn 5	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 55"	105° 45' 58"					F-48-92-B-a
Thôn 6	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 50"	105° 46' 15"					F-48-92-B-a
Thôn 7	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 43"	105° 46' 27"					F-48-92-B-a
Thôn 8	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 31"	105° 46' 55"					F-48-92-B-a
Thôn 9	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 22"	105° 47' 08"					F-48-92-B-c
Thôn 10	DC	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 31"	105° 46' 36"					F-48-92-B-a
cầu Đất Đỏ	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 19"	105° 45' 37"					F-48-92-B-a
cầu Đê Thượng	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 42"	105° 46' 35"					F-48-92-B-a
Cầu Na	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 22' 22"	105° 46' 39"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479	KX	xã Gia Lâm	H. Nho Quan			20° 20' 55"	105° 46' 30"	20° 26' 13"	105° 46' 36"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
Hang Na	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 09"	105° 45' 27"					F-48-92-A-b
núi Con Ngựa	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 24' 11"	105° 45' 36"					F-48-92-B-a
núi Đầu Ngựa	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 24' 29"	105° 45' 34"					F-48-92-B-a
núi Đồng Vươn (núi Đồng Vươn)	SV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan	20° 23' 07"	105° 45' 14"					F-48-92-A-b
sông Canh Bàu	TV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan			20° 22' 22"	105° 46' 39"	20° 21' 57"	105° 48' 19"	F-48-92-B-c
Sông Na	TV	xã Gia Lâm	H. Nho Quan			20° 24' 00"	105° 45' 04"	20° 22' 22"	105° 46' 39"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
thôn Đông Minh	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 05"	105° 47' 01"					F-48-92-B-a
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 59"	105° 46' 09"					F-48-92-B-a
thôn Nga Mai	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 24"	105° 47' 34"					F-48-92-B-a
thôn Ninh Thủy	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 20"	105° 47' 49"					F-48-92-B-a
thôn Quang Trường	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 52"	105° 47' 37"					F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thanh Quyết	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 19"	105° 47' 21"					F-48-92-B-a
thôn Xuân Long	DC	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 23' 37"	105° 46' 54"					F-48-92-B-a
Đường tỉnh 479	KX	xã Gia Sơn	H. Nho Quan			20° 20' 55"	105° 46' 30"	20° 26' 13"	105° 46' 36"	F-48-92-B-a
núi Con Ngựa	SV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 11"	105° 45' 36"					F-48-92-B-a
núi Đầu Ngựa	SV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 29"	105° 45' 34"					F-48-92-B-a
hồ Vườn Điều	TV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan	20° 24' 31"	105° 45' 46"					F-48-92-B-a
Sông Bôi	TV	xã Gia Sơn	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a
thôn Cây Xa	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 23' 03"	105° 47' 52"					F-48-92-B-a
thôn Hoàng Long	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 05"	105° 48' 12"					F-48-92-B-c
thôn Liên Phương	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 21' 54"	105° 48' 17"					F-48-92-B-c
thôn Mai Xá	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 45"	105° 47' 33"					F-48-92-B-a
thôn Minh Giang	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 10"	105° 48' 09"					F-48-92-B-c
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 55"	105° 48' 01"					F-48-92-B-a
thôn Mỹ Thịnh	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 23' 08"	105° 47' 37"					F-48-92-B-a
thôn Mỹ Thượng	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 23' 15"	105° 47' 23"					F-48-92-B-a
thôn Ngọc Nhị	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 43"	105° 48' 35"					F-48-92-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 25"	105° 48' 04"					F-48-92-B-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 33"	105° 48' 05"					F-48-92-B-a
Thôn Chùa	DC	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 54"	105° 47' 46"					F-48-92-B-a
bến khách ngang sông Canh Bàu	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 21' 58"	105° 48' 19"					F-48-92-B-c
chùa Mỹ Hạ	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 55"	105° 47' 49"					F-48-92-B-a
đình Mỹ Hạ	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 58"	105° 47' 49"					F-48-92-B-a
đình Ngọc Nhị	KX	xã Gia Thủy	H. Nho Quan	20° 22' 39"	105° 48' 42"					F-48-92-B-a
sông Canh Bàu	TV	xã Gia Thủy	H. Nho Quan			20° 22' 22"	105° 46' 39"	20° 21' 57"	105° 48' 19"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Gia Thủy	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
thôn An Nội	DC	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 17"	105° 46' 48"					F-48-92-B-c
thôn Công Luận	DC	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 41"	105° 47' 14"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đầm Bải	DC	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 51"	105° 45' 53"					F-48-92-B-c
thôn Kiên Phong	DC	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 24"	105° 47' 48"					F-48-92-B-c
thôn Mỹ Quê	DC	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 58"	105° 46' 30"					F-48-92-B-c
thôn Ngọc Thụ	DC	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 22' 02"	105° 45' 55"					F-48-92-B-c
thôn Sơn Cao	DC	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 11"	105° 46' 07"					F-48-92-B-c
Cầu Đê	KX	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 21"	105° 47' 53"					F-48-92-B-c
Cầu Na	KX	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 22' 22"	105° 46' 39"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Gia Tường	H. Nho Quan			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479	KX	xã Gia Tường	H. Nho Quan			20° 20' 55"	105° 46' 30"	20° 26' 13"	105° 46' 36"	F-48-92-B-c
Ngã ba Chạ	KX	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 20' 55"	105° 46' 31"					F-48-92-B-c
núi Thung Mai	SV	xã Gia Tường	H. Nho Quan	20° 21' 44"	105° 45' 13"					F-48-92-B-c
sông Canh Bàu	TV	xã Gia Tường	H. Nho Quan			20° 22' 22"	105° 46' 39"	20° 21' 57"	105° 48' 19"	F-48-92-B-c
Sông Bôi	TV	xã Gia Tường	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-c
Sông Na	TV	xã Gia Tường	H. Nho Quan			20° 24' 00"	105° 45' 04"	20° 22' 22"	105° 46' 39"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-c
bản Ao Luon	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 15"	105° 42' 36"					F-48-92-C-b
bản Đồng Chạ	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 14' 45"	105° 44' 22"					F-48-92-C-b
bản Phùng Thượng	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 26"	105° 46' 36"					F-48-92-D-a
bản Tân Phú	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 12' 10"	105° 45' 50"					F-48-92-D-a
bản Thương Sung	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 15' 04"	105° 44' 55"					F-48-92-A-d
Bản Ao	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 12' 01"	105° 45' 04"					F-48-92-D-a
Bản Cà	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 12' 16"	105° 44' 44"					F-48-92-C-b
Bản Mết	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 36"	105° 44' 17"					F-48-92-C-b
Bản Sạng	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 14' 04"	105° 45' 36"					F-48-92-D-a
Bản Sau	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 12' 11"	105° 44' 24"					F-48-92-C-b
Bản Vóng	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 14' 30"	105° 45' 46"					F-48-92-D-a
Bản Xanh	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 55"	105° 46' 51"					F-48-92-D-a
Bản Xăm	DC	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 18"	105° 46' 29"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty cổ phần Giồng Bò Thịt Sứa Yên Phú	KX	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 44"	105° 46' 23"					F-48-92-D-a
Công ty Nước khoáng Cúc Phương	KX	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 15' 09"	105° 44' 39"					F-48-92-C-b
Công viên Động vật hoang dã Quốc gia Việt Nam	KX	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 27"	105° 47' 03"					F-48-92-D-a
Đường tỉnh 479C	KX	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan			20° 16' 21"	105° 51' 25"	20° 12' 21"	105° 45' 42"	F-48-92-D-a
Đường tỉnh 479D	KX	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan			20° 19' 37"	105° 44' 06"	20° 11' 34"	105° 46' 55"	F-48-92-C-b, F-48-92-D-a
dãy núi Trường Sơn	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan							
đồi Mã Se	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 14' 15"	105° 47' 03"					F-48-92-D-a
núi Đá Bạch	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 12' 53"	105° 42' 16"					F-48-92-C-b
núi Đồi Đẳng	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 12' 01"	105° 44' 21"					F-48-92-C-b
núi Mắm Tôm	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 37"	105° 41' 35"					F-48-92-C-b
Quèn Mỏi	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 29"	105° 44' 36"					F-48-92-C-b
Quèn Mo	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 51"	105° 44' 41"					F-48-92-C-b
thung Giếng Lắm	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 46"	105° 44' 35"					F-48-92-C-b
Thung Lý	SV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 14' 01"	105° 44' 18"					F-48-92-C-b
hồ Đồng Chương	TV	xã Kỳ Phú	H. Nho Quan	20° 13' 38"	105° 47' 31"					F-48-92-D-a
thôn Bình An	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 42"	105° 45' 08"					F-48-92-B-c
thôn Cẩm Địa	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 42"	105° 46' 15"					F-48-92-B-c
thôn Hiền Quan	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 20' 17"	105° 46' 08"					F-48-92-B-c
thôn Lạc 1	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 20' 51"	105° 45' 57"					F-48-92-B-c
thôn Lạc 2	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 20' 41"	105° 46' 15"					F-48-92-B-c
thôn Tứ Mỹ	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 06"	105° 46' 19"					F-48-92-B-c
Xóm 1	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 20' 05"	105° 45' 08"					F-48-92-B-c
Xóm 2	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 52"	105° 45' 12"					F-48-92-B-c
Xóm 3	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 42"	105° 45' 17"					F-48-92-B-c
Xóm 4	DC	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 34"	105° 45' 35"					F-48-92-B-c
cầu Nho Quan	KX	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 35"	105° 45' 11"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cổng Hốt	KX	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 20' 20"	105° 45' 40"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 477	KX	xã Lạc Vân	H. Nho Quan			20° 20' 03"	105° 55' 46"	20° 19' 25"	105° 44' 52"	F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479B	KX	xã Lạc Vân	H. Nho Quan			20° 20' 04"	105° 45' 30"	20° 24' 43"	105° 41' 03"	F-48-92-B-c
núi Đầu Rồng	SV	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 10"	105° 46' 50"					F-48-92-B-c
núi Sụ Đồi	SV	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 48"	105° 46' 43"					F-48-92-B-c
Núi Đói	SV	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 20' 31"	105° 46' 45"					F-48-92-B-c
Núi Hốt	SV	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 20' 12"	105° 45' 48"					F-48-92-B-c
Núi Mù	SV	xã Lạc Vân	H. Nho Quan	20° 19' 13"	105° 46' 33"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Lạc Vân	H. Nho Quan			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Sông Lạng	TV	xã Lạc Vân	H. Nho Quan			20° 24' 41"	105° 41' 01"	20° 19' 35"	105° 45' 11"	F-48-92-A-d, F-48-92-B-c
thôn Bách Hoàn	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 38"	105° 45' 31"					F-48-92-B-c
thôn Đá Thượng	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 11"	105° 45' 37"					F-48-92-B-c
thôn Đồng An	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 21"	105° 46' 32"					F-48-92-B-c
thôn Đồng Đình	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 27"	105° 46' 20"					F-48-92-B-c
thôn Sào Hạ	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 15"	105° 45' 28"					F-48-92-B-c
thôn Sào Thượng	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 16"	105° 45' 17"					F-48-92-B-c
thôn Tam Đồng	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 18' 46"	105° 45' 52"					F-48-92-B-c
thôn Trảng An	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 17' 56"	105° 45' 59"					F-48-92-B-c
thôn Trung Hạ	DC	xã Lạng Phong	H. Nho Quan	20° 19' 03"	105° 45' 42"					F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Lạng Phong	H. Nho Quan			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
Thôn 1	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 31"	105° 48' 25"					F-48-92-D-a
Thôn 2	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 15"	105° 48' 00"					F-48-92-D-a
Thôn 3	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 12' 50"	105° 47' 40"					F-48-92-D-a
Thôn 4	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 11' 49"	105° 47' 32"					F-48-92-D-a
Thôn 5	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 11' 32"	105° 46' 53"					F-48-92-D-a
Thôn 6	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 11' 05"	105° 48' 07"					F-48-92-D-a
Thôn 7	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 10' 48"	105° 47' 47"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 8	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 10' 30"	105° 47' 04"					F-48-92-D-a
Thôn 9	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 12' 08"	105° 47' 26"					F-48-92-D-a
Thôn 10	DC	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 11' 35"	105° 49' 19"					F-48-92-D-a
cầu Gốc Xung	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 12' 30"	105° 47' 34"					F-48-92-D-a
Công viên Động vật hoang dã Quốc gia Việt Nam	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 27"	105° 47' 03"					F-48-92-D-a
Di tích lịch sử Dốc Giang	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 10' 28"	105° 46' 50"					F-48-92-D-a
Di tích lịch sử Phù Đổng Ngang	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 03"	105° 47' 45"					F-48-92-D-a
Di tích lịch sử Thung Lũng	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 10' 33"	105° 47' 38"					F-48-92-D-a
Đường tỉnh 479D	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan			20° 19' 37"	105° 44' 06"	20° 11' 34"	105° 46' 55"	F-48-92-D-a
Nông trường Đồng Giao	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 12' 24"	105° 48' 17"					F-48-92-D-a
Quốc lộ 45	KX	xã Phú Long	H. Nho Quan			20° 14' 17"	105° 47' 52"	20° 10' 25"	105° 46' 47"	F-48-92-D-a
đãy núi Trường Sơn	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan							
đồi Cảnh Phụng	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 05"	105° 47' 40"					F-48-92-D-a
đồi Mắt Vện	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 17"	105° 48' 34"					F-48-92-D-a
đồi Ông Voi	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 09"	105° 49' 10"					F-48-92-D-a
đồi Sụ Đe	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 12' 59"	105° 48' 26"					F-48-92-D-a
Hang Dơi	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 17"	105° 47' 33"					F-48-92-D-a
núi Đá Lải	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 12' 34"	105° 49' 15"					F-48-92-D-a
núi Sung Chì	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 10' 51"	105° 49' 19"					F-48-92-D-a
núi Sụ Trê	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 11' 57"	105° 46' 39"					F-48-92-D-a
Núi Đụn	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 11' 24"	105° 47' 48"					F-48-92-D-a
Thung Khế	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 10' 36"	105° 48' 45"					F-48-92-D-a
Thung Lỏi	SV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 10' 46"	105° 46' 36"					F-48-92-D-a
Ao Trời	TV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 14"	105° 47' 30"					F-48-92-D-a
hồ Đá Lải	TV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 18"	105° 48' 51"					F-48-92-D-a
hồ Đồng Chương	TV	xã Phú Long	H. Nho Quan	20° 13' 38"	105° 47' 31"					F-48-92-D-a
thôn Chợ Rịa	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 23"	105° 48' 06"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồi Chè	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 08"	105° 48' 02"					F-48-92-D-a
thôn Đồi Chùa	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 20"	105° 47' 22"					F-48-92-D-a
thôn Đồi Lại	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 28"	105° 47' 06"					F-48-92-D-a
thôn Đồi Mít	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 02"	105° 47' 35"					F-48-92-D-a
thôn Đồi Thông	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 10"	105° 47' 26"					F-48-92-D-a
thôn Hàm Rồng	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 20"	105° 47' 13"					F-48-92-D-a
thôn Lộc Ân	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 15' 24"	105° 47' 52"					F-48-92-B-c
thôn Phúc Lộc	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 27"	105° 47' 50"					F-48-92-D-a
thôn Thông Nhắt	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 15' 10"	105° 47' 13"					F-48-92-B-c
thôn Yên Sơn	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 33"	105° 46' 28"					F-48-92-D-a
thôn Yên Thành	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 14"	105° 46' 38"					F-48-92-D-a
thôn Yên Thịnh	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 32"	105° 46' 42"					F-48-92-D-a
Thôn Kho	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 55"	105° 47' 59"					F-48-92-D-a
Thôn Rịa	DC	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 42"	105° 48' 04"					F-48-92-D-a
cầu Làng Kho	KX	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 59"	105° 48' 06"					F-48-92-D-a
Cầu Lão	KX	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 15' 08"	105° 46' 58"					F-48-92-B-c
Cầu Rịa	KX	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 17"	105° 47' 57"					F-48-92-D-a
Đường tỉnh 479C	KX	xã Phú Lộc	H. Nho Quan			20° 16' 21"	105° 51' 25"	20° 12' 21"	105° 45' 42"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a
Đường tỉnh 479E	KX	xã Phú Lộc	H. Nho Quan			20° 14' 08"	105° 49' 12"	20° 18' 17"	105° 46' 47"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a
Quốc lộ 12B	KX	xã Phú Lộc	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a
Quốc lộ 45	KX	xã Phú Lộc	H. Nho Quan			20° 14' 17"	105° 47' 52"	20° 10' 25"	105° 46' 47"	F-48-92-D-a
đồi Mã Se	SV	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 14' 15"	105° 47' 03"					F-48-92-D-a
hồ Đồng Chương	TV	xã Phú Lộc	H. Nho Quan	20° 13' 38"	105° 47' 31"					F-48-92-D-a
Sông Ráy	TV	xã Phú Lộc	H. Nho Quan			20° 16' 01"	105° 47' 47"	20° 15' 26"	105° 48' 20"	F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Phú Lộc	H. Nho Quan			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 1	DC	xã Phú Sơn	H. Nho Quan	20° 20' 08"	105° 44' 58"					F-48-92-A-d
Thôn 2	DC	xã Phú Sơn	H. Nho Quan	20° 20' 14"	105° 44' 31"					F-48-92-A-d
Thôn 3	DC	xã Phú Sơn	H. Nho Quan	20° 20' 21"	105° 44' 52"					F-48-92-A-d
Thôn 4	DC	xã Phú Sơn	H. Nho Quan	20° 20' 32"	105° 44' 58"					F-48-92-A-d
Thôn 5	DC	xã Phú Sơn	H. Nho Quan	20° 20' 34"	105° 44' 38"					F-48-92-A-d
Thôn 6	DC	xã Phú Sơn	H. Nho Quan	20° 20' 37"	105° 43' 33"					F-48-92-A-d
Thôn 7	DC	xã Phú Sơn	H. Nho Quan	20° 20' 54"	105° 43' 56"					F-48-92-A-d
Đường tỉnh 479B	KX	xã Phú Sơn	H. Nho Quan			20° 20' 04"	105° 45' 30"	20° 24' 43"	105° 41' 03"	F-48-92-A-d, F-48-92-B-c
Sông Lạng	TV	xã Phú Sơn	H. Nho Quan			20° 24' 41"	105° 41' 01"	20° 19' 35"	105° 45' 11"	F-48-92-A-d
thôn An Ngải	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 43"	105° 51' 45"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Bài	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 31"	105° 50' 16"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Bông	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 39"	105° 52' 11"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Thanh	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 43"	105° 50' 35"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Trung	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 13"	105° 50' 14"					F-48-92-D-a
thôn Hùng Long	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 40"	105° 51' 18"					F-48-92-D-a
thôn Quảng Cư	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 56"	105° 51' 00"					F-48-92-D-a
thôn Quảng Thành	DC	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 51"	105° 50' 54"					F-48-92-D-a
cầu Điểm Tổng	KX	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 55"	105° 51' 07"					F-48-92-D-a
cầu Vĩnh Khương	KX	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 54"	105° 52' 15"					F-48-92-D-a
Quốc lộ 12B	KX	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-a
đôi Bò Đẻ	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 12"	105° 51' 18"					F-48-92-D-a
đôi Chả Chó	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 01"	105° 49' 30"					F-48-92-D-a
đôi Đá Lăn	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 10' 55"	105° 52' 03"					F-48-92-D-a
đôi Ma Chanh	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 49"	105° 50' 16"					F-48-92-D-a
Đôi Buôi	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 28"	105° 51' 37"					F-48-92-D-a
Đôi Cao	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 57"	105° 49' 57"					F-48-92-D-a
Đôi Hùng	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 52"	105° 50' 02"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đá Lài	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 34"	105° 49' 15"					F-48-92-D-a
núi Nước Mọc	SV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 12' 32"	105° 49' 49"					F-48-92-D-a
đập Cây Trầu	TV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 45"	105° 50' 23"					F-48-92-D-a
Đập Trôi	TV	xã Quảng Lạc	H. Nho Quan	20° 11' 53"	105° 50' 35"					F-48-92-D-a
thôn Anh Trỗi	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 26"	105° 50' 22"					F-48-92-D-a
thôn Đồi Khoai	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 15' 07"	105° 48' 52"					F-48-92-B-c
thôn Đồi Phương	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 15' 15"	105° 48' 30"					F-48-92-B-c
thôn Đồi Thờ	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 17"	105° 50' 52"					F-48-92-D-a
thôn Hội Tiến 1	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 54"	105° 50' 01"					F-48-92-D-a
thôn Hội Tiến 2	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 39"	105° 49' 35"					F-48-92-D-a
thôn Lai Các	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 18"	105° 48' 22"					F-48-92-D-a
thôn Lũ Phong	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 38"	105° 50' 00"					F-48-92-D-a
thôn Sông Xanh	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 56"	105° 48' 32"					F-48-92-D-a
thôn Xuân Quế	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 07"	105° 49' 04"					F-48-92-D-a
Thôn Đồi	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 15' 18"	105° 49' 58"					F-48-92-B-c
Thôn Sài	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 15' 24"	105° 49' 32"					F-48-92-B-c
Thôn Xanh	DC	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 10"	105° 48' 45"					F-48-92-D-a
cầu Bến Nhảy	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 04"	105° 50' 49"					F-48-92-D-a
cầu Làng Kho	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 59"	105° 48' 06"					F-48-92-D-a
Cầu Quỳnh	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 14' 44"	105° 49' 47"					F-48-92-D-a
Di tích lịch sử Khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 55"	105° 49' 06"					F-48-92-D-a
Đường tỉnh 479C	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan			20° 16' 21"	105° 51' 25"	20° 12' 21"	105° 45' 42"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a
Đường tỉnh 479E	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan			20° 14' 08"	105° 49' 12"	20° 18' 17"	105° 46' 47"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a
Quốc lộ 12B	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-D-a
đôi Ông Voi	SV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 09"	105° 49' 10"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồi Hùng	SV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 12' 52"	105° 50' 02"					F-48-92-D-a
Đồi Sòng	SV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 22"	105° 50' 13"					F-48-92-D-a
Hang Tiên	SV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 12' 54"	105° 49' 44"					F-48-92-D-a
hồ Đồng Liềm	TV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan	20° 13' 12"	105° 49' 49"					F-48-92-D-a
sông Bến Đang	TV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan			20° 15' 34"	105° 48' 54"	20° 10' 59"	105° 56' 03"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a
Sông Ráy	TV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan			20° 16' 01"	105° 47' 47"	20° 15' 26"	105° 48' 20"	F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Quỳnh Lưu	H. Nho Quan			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c, F-48-92-D-a
thôn Đồng Quan	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 23"	105° 51' 44"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Tâm 1	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 12' 48"	105° 52' 01"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Tâm 2	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 12' 39"	105° 52' 01"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Tâm 3	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 12' 33"	105° 52' 08"					F-48-92-D-a
thôn Đồng Thanh	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 14"	105° 51' 47"					F-48-92-D-a
thôn Quỳnh Phong 1	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 10"	105° 50' 54"					F-48-92-D-a
thôn Quỳnh Phong 2	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 04"	105° 50' 53"					F-48-92-D-a
thôn Quỳnh Phong 3	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 23"	105° 50' 30"					F-48-92-D-a
thôn Quỳnh Sơn	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 59"	105° 50' 49"					F-48-92-D-a
thôn Trung Thanh	DC	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 03"	105° 51' 29"					F-48-92-D-a
cầu Bến Nhảy	KX	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 14' 04"	105° 50' 49"					F-48-92-D-a
cầu Diêm Tống	KX	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 12' 55"	105° 51' 07"					F-48-92-D-a
Quốc lộ 12B	KX	xã Sơn Hà	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-D-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Sơn Hà	H. Nho Quan			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-D-a
Quản thẻ danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
Núi Tượng	SV	xã Sơn Hà	H. Nho Quan	20° 13' 41"	105° 52' 40"					F-48-92-D-a
sông Bến Đang	TV	xã Sơn Hà	H. Nho Quan			20° 15' 34"	105° 48' 54"	20° 10' 59"	105° 56' 03"	F-48-92-D-a, F-48-92-D-b
thôn Đình Chàng	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 16' 29"	105° 50' 47"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồi Chàng	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 51"	105° 50' 21"					F-48-92-B-c
thôn Đồi Dầu	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 23"	105° 50' 17"					F-48-92-B-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 14' 15"	105° 50' 59"					F-48-92-D-a
thôn Thái Sơn	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 16' 52"	105° 50' 42"					F-48-92-B-c
Thôn Bái	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 37"	105° 50' 49"					F-48-92-B-c
Thôn Chàng	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 16' 13"	105° 50' 14"					F-48-92-B-c
Thôn Lược	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 07"	105° 51' 26"					F-48-92-B-c
Thôn Me	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 14' 42"	105° 51' 13"					F-48-92-D-a
Thôn Sưa	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 59"	105° 49' 48"					F-48-92-B-c
Thôn Vẽo	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 16' 04"	105° 49' 27"					F-48-92-B-c
Thôn Xát	DC	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 14' 07"	105° 51' 30"					F-48-92-D-a
cầu Bến Nhảy	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 14' 04"	105° 50' 49"					F-48-92-D-a
cầu Thống Nhất	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 16' 28"	105° 49' 57"					F-48-92-B-c
Chợ Quán	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 29"	105° 50' 29"					F-48-92-B-c
Di tích lịch sử Đồng Bàng	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 13' 56"	105° 52' 17"					F-48-92-D-a
Di tích lịch sử Khu Trùng	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 34"	105° 50' 02"					F-48-92-D-a
Đường tỉnh 477C	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan			20° 14' 26"	105° 51' 02"	20° 22' 56"	105° 50' 53"	F-48-92-D-a, F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479C	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan			20° 16' 21"	105° 51' 25"	20° 12' 21"	105° 45' 42"	F-48-92-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 13' 25"	105° 50' 28"	F-48-92-D-a, F-48-92-B-c
Quần thể danh thắng Tràng An di sản văn hoá và thiên nhiên Thế giới	KX	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 32"	105° 54' 30"					F-48-92-B-d
Đồi Sỏi	SV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 15' 19"	105° 52' 05"					F-48-92-D-a
núi Chon Xáy	SV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 17' 11"	105° 50' 46"					F-48-92-B-c
núi Thung U	SV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 14' 02"	105° 52' 38"					F-48-92-D-a
núi U Bò	SV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 16' 50"	105° 50' 50"					F-48-92-B-c
Núi Tướng	SV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 13' 41"	105° 52' 40"					F-48-92-D-a
Thung Chùa	SV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 14' 57"	105° 52' 08"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thung Lau	SV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan	20° 14' 20"	105° 52' 19"					F-48-92-D-a
sông Bến Đang	TV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan			20° 15' 34"	105° 48' 54"	20° 10' 59"	105° 56' 03"	F-48-92-D-a
Sông Rịa	TV	xã Sơn Lai	H. Nho Quan			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Ấc - Đội 11	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 01"	105° 48' 10"					F-48-92-B-c
thôn Ấc - Đội 12	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 04"	105° 48' 14"					F-48-92-B-c
thôn Đồng Dục	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 18"	105° 48' 52"					F-48-92-B-c
thôn Phú Thứ	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 51"	105° 48' 30"					F-48-92-B-c
thôn Ráy - Đội 9	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 15' 47"	105° 48' 18"					F-48-92-B-c
thôn Ráy - Đội 10	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 15' 46"	105° 48' 22"					F-48-92-B-c
thôn Tân Thành	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 48"	105° 48' 49"					F-48-92-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 48"	105° 48' 21"					F-48-92-B-c
thôn Tư Ân	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 05"	105° 48' 50"					F-48-92-B-c
Thôn Bái	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 09"	105° 48' 27"					F-48-92-B-c
Thôn Lạm	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 40"	105° 48' 14"					F-48-92-B-c
Thôn Lâu	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 50"	105° 48' 39"					F-48-92-B-c
Thôn Trại	DC	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 43"	105° 48' 53"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479E	KX	xã Sơn Thành	H. Nho Quan			20° 14' 08"	105° 49' 12"	20° 18' 17"	105° 46' 47"	F-48-92-B-c
Đền Sậy	KX	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 57"	105° 48' 39"					F-48-92-B-c
Đình Ấc	KX	xã Sơn Thành	H. Nho Quan	20° 16' 01"	105° 48' 05"					F-48-92-B-c
kênh Thống Nhất	TV	xã Sơn Thành	H. Nho Quan			20° 16' 09"	105° 48' 52"	20° 18' 27"	105° 46' 38"	F-48-92-B-c
Sông Mên	TV	xã Sơn Thành	H. Nho Quan			20° 15' 54"	105° 47' 13"	20° 16' 01"	105° 47' 47"	F-48-92-B-c
Sông Ráy	TV	xã Sơn Thành	H. Nho Quan			20° 16' 01"	105° 47' 47"	20° 15' 26"	105° 48' 20"	F-48-92-B-c
Sông Rịa	TV	xã Sơn Thành	H. Nho Quan			20° 14' 18"	105° 47' 57"	20° 18' 30"	105° 50' 46"	F-48-92-B-c
thôn Bãi Lóng	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 23' 56"	105° 43' 08"					F-48-92-A-b
thôn Đầm Bông	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 55"	105° 42' 56"					F-48-92-A-d
thôn Đầm Rừng	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 24' 25"	105° 41' 24"					F-48-92-A-b
thôn Đồi Bò	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 54"	105° 44' 44"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồi Dài	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 22' 09"	105° 44' 34"					F-48-92-A-d
thôn Đồi Mây	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 22' 22"	105° 43' 33"					F-48-92-A-d
thôn Đồi Ngọc	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 23' 02"	105° 42' 59"					F-48-92-A-b
thôn Lạc Bình 1	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 41"	105° 44' 31"					F-48-92-A-d
thôn Lạc Bình 2	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 22"	105° 44' 31"					F-48-92-A-d
thôn Liên Phương	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 43"	105° 43' 42"					F-48-92-A-d
thôn Phú Thịnh	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 29"	105° 43' 56"					F-48-92-A-d
thôn Quảng Mão	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 23' 47"	105° 41' 46"					F-48-92-A-b
thôn Tân Thành	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 44"	105° 43' 09"					F-48-92-A-d
thôn Thạch La	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 22' 47"	105° 43' 43"					F-48-92-A-b
thôn Tiền Phong	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 23' 27"	105° 43' 30"					F-48-92-A-b
thôn Vệ Chùa	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 22' 45"	105° 44' 25"					F-48-92-A-b
thôn Vệ Đình	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 23' 03"	105° 44' 16"					F-48-92-A-b
Thôn Lái	DC	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 22' 01"	105° 44' 03"					F-48-92-A-d
Đường tỉnh 479B	KX	xã Thạch Bình	H. Nho Quan			20° 20' 04"	105° 45' 30"	20° 24' 43"	105° 41' 03"	F-48-92-A-b, F-48-92-A-d
Đồi Dài	SV	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 22' 21"	105° 44' 35"					F-48-92-A-d
núi Hang Khi	SV	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 24' 09"	105° 42' 37"					F-48-92-A-b
núi Thung Mai	SV	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 21' 44"	105° 45' 13"					F-48-92-B-c
Núi Chùa	SV	xã Thạch Bình	H. Nho Quan	20° 22' 51"	105° 43' 50"					F-48-92-A-d
Sông Lạng	TV	xã Thạch Bình	H. Nho Quan			20° 24' 41"	105° 41' 01"	20° 19' 35"	105° 45' 11"	F-48-92-A-b, F-48-92-A-d
thôn Mai Trung	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 16' 39"	105° 46' 56"					F-48-92-B-c
thôn Mai Vân	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 16' 43"	105° 46' 41"					F-48-92-B-c
thôn Mai Xuân	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 16' 48"	105° 47' 07"					F-48-92-B-c
Thôn Dúng	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 17' 21"	105° 48' 09"					F-48-92-B-c
Thôn Láng	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 17' 06"	105° 47' 59"					F-48-92-B-c
Thôn Luộc	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 16' 22"	105° 47' 33"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Mèn	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 16' 13"	105° 47' 18"					F-48-92-B-c
Thôn Mói	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 17' 22"	105° 47' 40"					F-48-92-B-c
Thôn Thượng	DC	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 17' 05"	105° 47' 37"					F-48-92-B-c
chùa Duy Khánh	KX	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan	20° 17' 10"	105° 47' 53"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479E	KX	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan			20° 14' 08"	105° 49' 12"	20° 18' 17"	105° 46' 47"	F-48-92-B-c
kênh Thống Nhất	TV	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan			20° 16' 09"	105° 48' 52"	20° 18' 27"	105° 46' 38"	F-48-92-B-c
Kênh 30	TV	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan			20° 17' 37"	105° 46' 16"	20° 15' 58"	105° 47' 43"	F-48-92-B-c
Sông Mèn	TV	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan			20° 15' 54"	105° 47' 13"	20° 16' 01"	105° 47' 47"	F-48-92-B-c
Sông Ráy	TV	xã Thanh Lạc	H. Nho Quan			20° 16' 01"	105° 47' 47"	20° 15' 26"	105° 48' 20"	F-48-92-B-c
thôn 1 Hữu Thường	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 05"	105° 47' 11"					F-48-92-B-c
thôn 1 Văn Trinh	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 48"	105° 47' 57"					F-48-92-B-c
thôn 1 Văn Trung	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 36"	105° 46' 54"					F-48-92-B-c
thôn 2 Hữu Thường	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 05"	105° 47' 05"					F-48-92-B-c
thôn 2 Văn Trinh	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 50"	105° 47' 51"					F-48-92-B-c
thôn 2 Văn Trung	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 33"	105° 46' 50"					F-48-92-B-c
thôn 3 Hữu Thường	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 06"	105° 46' 59"					F-48-92-B-c
thôn 3 Văn Trinh	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 56"	105° 47' 49"					F-48-92-B-c
thôn 3 Văn Trung	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 41"	105° 46' 47"					F-48-92-B-c
thôn 4 Hữu Thường	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 30"	105° 46' 39"					F-48-92-B-c
thôn 4 Văn Trinh	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 02"	105° 47' 39"					F-48-92-B-c
thôn 4 Văn Trung	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 44"	105° 46' 52"					F-48-92-B-c
thôn 5 Văn Trinh	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 15"	105° 47' 40"					F-48-92-B-c
thôn Bè Mật	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 41"	105° 46' 10"					F-48-92-B-c
thôn Yên Chi	DC	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 51"	105° 46' 26"					F-48-92-B-c
đình Văn Trinh	KX	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 55"	105° 47' 45"					F-48-92-B-c
Đường tỉnh 479E	KX	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan			20° 14' 08"	105° 49' 12"	20° 18' 17"	105° 46' 47"	F-48-92-B-c
Hang Luồn	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 52"	105° 46' 59"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Hang Máy	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 12"	105° 47' 30"					F-48-92-B-c
núi Chùa Hang	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 18"	105° 47' 58"					F-48-92-B-c
núi Đầu Rồng	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 19' 10"	105° 46' 50"					F-48-92-B-c
núi Đù Địn	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 03"	105° 47' 25"					F-48-92-B-c
núi Hang Cá	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 17' 58"	105° 48' 19"					F-48-92-B-c
núi Trọng Đũa	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 33"	105° 46' 55"					F-48-92-B-c
Thung Trùng	SV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan	20° 18' 12"	105° 47' 26"					F-48-92-B-c
kênh Thống Nhất	TV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan			20° 16' 09"	105° 48' 52"	20° 18' 27"	105° 46' 38"	F-48-92-B-c
Kênh 30	TV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan			20° 17' 37"	105° 46' 16"	20° 15' 58"	105° 47' 43"	F-48-92-B-c
sông Hoàng Long	TV	xã Thượng Hoà	H. Nho Quan			20° 19' 35"	105° 45' 11"	20° 19' 41"	105° 56' 00"	F-48-92-B-c
thôn An Thượng	DC	xã Văn Phong	H. Nho Quan	20° 18' 29"	105° 44' 10"					F-48-92-A-d
thôn Cầu Mơ	DC	xã Văn Phong	H. Nho Quan	20° 18' 22"	105° 45' 02"					F-48-92-B-c
thôn Thượng Đồng	DC	xã Văn Phong	H. Nho Quan	20° 17' 30"	105° 44' 24"					F-48-92-A-d
thôn Trung Đồng	DC	xã Văn Phong	H. Nho Quan	20° 18' 01"	105° 45' 38"					F-48-92-B-c
Thôn Chát	DC	xã Văn Phong	H. Nho Quan	20° 18' 12"	105° 45' 27"					F-48-92-B-c
Thôn Ngải	DC	xã Văn Phong	H. Nho Quan	20° 18' 04"	105° 44' 15"					F-48-92-A-d
Quốc lộ 12B	KX	xã Văn Phong	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-A-d, F-48-92-B-c
thôn Đồng Ân	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 23"	105° 46' 59"					F-48-92-B-c
thôn Đồng Nang	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 52"	105° 45' 32"					F-48-92-B-c
thôn Hiền Lương	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 14' 57"	105° 46' 11"					F-48-92-D-a
thôn Lão Cầu	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 14' 49"	105° 46' 18"					F-48-92-D-a
thôn Phú Lâm	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 43"	105° 45' 50"					F-48-92-B-c
thôn Phú Linh	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 13"	105° 46' 15"					F-48-92-B-c
thôn Phụng Các	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 54"	105° 46' 37"					F-48-92-B-c
thôn Phụng Lâm	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 27"	105° 45' 58"					F-48-92-B-c
thôn Sào Lâm	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 16' 01"	105° 46' 30"					F-48-92-B-c
thôn Tân Thành	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 16' 40"	105° 46' 29"					F-48-92-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thành Bắc	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 16' 34"	105° 45' 22"					F-48-92-B-c
thôn Thành Nam	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 16' 00"	105° 45' 38"					F-48-92-B-c
thôn Thành Tây	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 16' 21"	105° 45' 17"					F-48-92-B-c
thôn Trại Rào	DC	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 56"	105° 45' 55"					F-48-92-B-c
Cầu Láo	KX	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 08"	105° 46' 58"					F-48-92-B-c
Cầu Mì	KX	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 16' 53"	105° 45' 39"					F-48-92-B-c
Quốc lộ 12B	KX	xã Văn Phú	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-B-c
đôi Chín Tư	SV	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 31"	105° 45' 51"					F-48-92-B-c
Đôi Đương	SV	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 14' 38"	105° 46' 19"					F-48-92-D-a
Núi Vóng	SV	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 13"	105° 46' 04"					F-48-92-D-a
đập Nước Rộ	TV	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 11"	105° 45' 52"					F-48-92-B-c
hồ Hang Trăn	TV	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 14' 54"	105° 46' 02"					F-48-92-D-a
hồ Thường Xung	TV	xã Văn Phú	H. Nho Quan	20° 15' 47"	105° 45' 21"					F-48-92-B-c
Sông Mén	TV	xã Văn Phú	H. Nho Quan			20° 15' 54"	105° 47' 13"	20° 16' 01"	105° 47' 47"	F-48-92-B-c
thôn Bồng Lai	DC	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 17"	105° 44' 26"					F-48-92-A-d
thôn Tiên Phương 1	DC	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 17' 23"	105° 44' 03"					F-48-92-A-d
thôn Tiên Phương 2	DC	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 17' 06"	105° 43' 52"					F-48-92-A-d
thôn Xuân Viên	DC	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 41"	105° 44' 05"					F-48-92-A-d
Thôn Bến	DC	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 52"	105° 45' 15"					F-48-92-B-c
Thôn Rộng	DC	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 17' 14"	105° 44' 44"					F-48-92-A-d
Thôn Sui	DC	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 17' 08"	105° 45' 13"					F-48-92-B-c
Cầu Mì	KX	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 53"	105° 45' 39"					F-48-92-B-c
Cầu Sui	KX	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 17' 23"	105° 45' 17"					F-48-92-B-c
Quốc lộ 12B	KX	xã Văn Phương	H. Nho Quan			20° 09' 47"	105° 55' 39"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-B-c
eo Con Ngựa	SV	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 40"	105° 43' 34"					F-48-92-A-d
núi Trầm Tru	SV	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 46"	105° 43' 11"					F-48-92-A-d
Thung Vin	SV	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 29"	105° 43' 54"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Yên Quang 4	TV	xã Văn Phương	H. Nho Quan	20° 16' 58"	105° 43' 30"					F-48-92-A-d
thôn Đại Hoà	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 25' 11"	105° 46' 38"					F-48-92-B-a
thôn Đức Thành	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 26' 00"	105° 45' 57"					F-48-92-B-a
thôn Hồng Quang	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 25' 10"	105° 46' 18"					F-48-92-B-a
thôn Hùng Sơn	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 24' 33"	105° 46' 20"					F-48-92-B-a
thôn Lạc Long	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 25' 35"	105° 46' 59"					F-48-92-B-a
thôn Liên Minh	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 25' 57"	105° 46' 53"					F-48-92-B-a
thôn Minh Hồng	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 25' 35"	105° 46' 23"					F-48-92-B-a
thôn Minh Long	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 25' 44"	105° 46' 55"					F-48-92-B-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 24' 58"	105° 47' 56"					F-48-92-B-a
thôn Trung Chính	DC	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 24' 47"	105° 47' 01"					F-48-92-B-a
cảng Xích Thổ 1	KX	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 26' 12"	105° 47' 06"					F-48-92-B-a
Đường tỉnh 479	KX	xã Xích Thổ	H. Nho Quan			20° 20' 55"	105° 46' 30"	20° 26' 13"	105° 46' 36"	F-48-92-B-a
Hang Dơi	SV	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 24' 45"	105° 48' 08"					F-48-92-B-a
núi Quỳ Gianh (núi Quên Gianh)	SV	xã Xích Thổ	H. Nho Quan	20° 25' 42"	105° 45' 06"					F-48-92-A-b
Sông Bôi	TV	xã Xích Thổ	H. Nho Quan			20° 26' 22"	105° 46' 53"	20° 20' 02"	105° 48' 49"	F-48-92-B-a
thôn Yên Bình	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 19' 01"	105° 42' 39"					F-48-92-A-d
thôn Yên Minh	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 27"	105° 42' 34"					F-48-92-A-d
thôn Yên Mỹ	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 17' 38"	105° 43' 23"					F-48-92-A-d
thôn Yên Ninh	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 19' 12"	105° 42' 02"					F-48-92-A-d
thôn Yên Phú	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 47"	105° 41' 55"					F-48-92-A-d
thôn Yên Sơn	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 09"	105° 42' 58"					F-48-92-A-d
thôn Yên Thái	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 17' 10"	105° 43' 30"					F-48-92-A-d
thôn Yên Thịnh	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 29"	105° 43' 01"					F-48-92-A-d
thôn Yên Thuý	DC	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 17' 55"	105° 43' 02"					F-48-92-A-d
Đình Lá	KX	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 17' 47"	105° 42' 18"					F-48-92-A-d
Đình Móng	KX	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 06"	105° 42' 15"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Soi	SV	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 29"	105° 42' 12"					F-48-92-A-d
hồ Yên Quang 1	TV	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 31"	105° 41' 53"					F-48-92-A-d
hồ Yên Quang 2	TV	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 18' 06"	105° 42' 30"					F-48-92-A-d
hồ Yên Quang 3	TV	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 17' 33"	105° 43' 05"					F-48-92-A-d
hồ Yên Quang 4	TV	xã Yên Quang	H. Nho Quan	20° 16' 58"	105° 43' 30"					F-48-92-A-d
tổ dân phố 1A	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 11' 21"	106° 03' 26"					F-48-93-C-a
tổ dân phố 1B	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 11' 06"	106° 03' 37"					F-48-93-C-a
Tổ dân phố 2	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 11' 02"	106° 03' 42"					F-48-93-C-a
Tổ dân phố 3	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 53"	106° 03' 47"					F-48-93-C-a
Tổ dân phố 4	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 36"	106° 03' 57"					F-48-93-C-a
Tổ dân phố 5	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 35"	106° 04' 01"					F-48-93-C-a
Tổ dân phố 6	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 26"	106° 04' 03"					F-48-93-C-a
Tổ dân phố 7	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 20"	106° 04' 17"					F-48-93-C-a
Tổ dân phố 8	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 11' 11"	106° 03' 56"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Bàng Lân	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 41"	106° 03' 26"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Cầu Rào	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 34"	106° 03' 09"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Khu Đông	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 39"	106° 04' 10"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Khu Tây	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 09"	106° 03' 36"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Khu Trung	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 24"	106° 03' 51"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Mai Hoa	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 39"	106° 03' 21"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Nam Giang	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 09' 21"	106° 03' 17"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Thị Lân	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 55"	106° 03' 36"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Thượng Đông	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 51"	106° 03' 26"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Thượng Tây	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 44"	106° 03' 19"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Trung Lân	DC	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 50"	106° 03' 38"					F-48-93-C-a
cầu Khang Thượng	KX	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 23"	106° 04' 11"					F-48-93-C-a
Cầu Rào	KX	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 26"	106° 02' 52"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chợ Ninh	KX	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh	20° 10' 56"	106° 03' 46"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480B	KX	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh			20° 08' 41"	106° 01' 35"	20° 12' 57"	106° 05' 26"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 483	KX	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh			20° 12' 06"	106° 02' 53"	20° 09' 25"	106° 05' 12"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a
Sông Mới	TV	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	TT. Yên Ninh	H. Yên Khánh			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a
thôn Đường 10	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 40"	106° 01' 37"					F-48-93-C-a
thôn Miếu 1	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 18"	106° 01' 20"					F-48-93-C-a
thôn Miếu 2	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 16"	106° 01' 09"					F-48-93-C-a
thôn Phú Hạ	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 11' 50"	106° 00' 10"					F-48-93-C-a
thôn Phú Thượng	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 12' 28"	106° 00' 52"					F-48-93-C-a
thôn Phú Trung	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 12' 07"	106° 00' 31"					F-48-93-C-a
thôn Văn Giáp	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 26"	106° 01' 28"					F-48-93-C-a
thôn Yên Bắc	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 11' 59"	106° 00' 56"					F-48-93-C-a
thôn Yên Cống	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 12' 41"	106° 01' 29"					F-48-93-C-a
Thôn Búi	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 12' 46"	106° 01' 03"					F-48-93-C-a
Thôn Triều	DC	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 33"	106° 01' 22"					F-48-93-C-a
cảng Khánh An 2	KX	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 36"	106° 01' 57"					F-48-93-C-a
chùa Yên Lữ	KX	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 35"	106° 01' 29"					F-48-93-C-a
đền Tam Thành	KX	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 34"	106° 01' 30"					F-48-93-C-a
đền Văn Giáp	KX	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 13' 24"	106° 01' 27"					F-48-93-C-a
đình Yên Phú	KX	xã Khánh An	H. Yên Khánh	20° 12' 21"	106° 00' 47"					F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Khánh An	H. Yên Khánh			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Khánh An	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Khánh An	H. Yên Khánh			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 45"	106° 08' 06"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 40"	106° 08' 17"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 3	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 04"	106° 08' 40"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 09' 45"	106° 08' 57"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 09' 38"	106° 09' 19"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 09' 23"	106° 09' 16"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 04"	106° 09' 13"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 33"	106° 08' 56"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 47"	106° 08' 32"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 50"	106° 09' 02"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 56"	106° 09' 24"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 11' 04"	106° 09' 05"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 11' 07"	106° 08' 43"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 11' 11"	106° 08' 34"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Khánh Công	H. Yên Khánh	20° 10' 50"	106° 08' 23"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 476C	KX	xã Khánh Công	H. Yên Khánh			20° 10' 26"	106° 07' 41"	20° 09' 38"	106° 09' 24"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Khánh Công	H. Yên Khánh			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Khánh Công	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-b
thôn Hạ Giá	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 17"	106° 02' 43"					F-48-93-C-a
thôn Khê Thượng	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 21"	106° 01' 58"					F-48-93-C-a
thôn Thông 1	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 45"	106° 02' 20"					F-48-93-C-a
thôn Thông 2	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 54"	106° 02' 27"					F-48-93-C-a
thôn Xuân Dương 1	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 05"	106° 01' 49"					F-48-93-C-a
thôn Xuân Dương 2	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 11' 48"	106° 01' 36"					F-48-93-C-a
thôn Yên Cư 1	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 05"	106° 01' 30"					F-48-93-C-a
thôn Yên Cư 2	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 25"	106° 01' 48"					F-48-93-C-a
thôn Yên Cư 3	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 38"	106° 01' 54"					F-48-93-C-a
thôn Yên Cư 4	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 13' 07"	106° 02' 11"					F-48-93-C-a
Thôn Trại	DC	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 42"	106° 03' 09"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bến khách ngang sông Thông	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 13' 11"	106° 02' 27"					F-48-93-C-a
cảng Khánh Cư 1	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 13' 03"	106° 02' 45"					F-48-93-C-a
Cầu Trắng	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 11' 38"	106° 01' 22"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480C	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh			20° 13' 11"	106° 02' 11"	20° 07' 45"	105° 59' 30"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 483	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh			20° 12' 06"	106° 02' 53"	20° 09' 25"	106° 05' 12"	F-48-93-C-a
Ngã ba Thông	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh	20° 12' 58"	106° 02' 32"					F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Khánh Cư	H. Yên Khánh			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a
thôn Đông Bón	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 39"	106° 08' 02"					F-48-93-C-b
thôn Gốc Mưỡm	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 37"	106° 06' 43"					F-48-93-C-a
thôn Hải Đức	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 47"	106° 06' 54"					F-48-93-C-a
thôn Nam Cường	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 25"	106° 07' 16"					F-48-93-C-a
thôn Nho Lâm	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 09"	106° 06' 55"					F-48-93-C-a
thôn Tây Một	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 44"	106° 07' 23"					F-48-93-C-a
thôn Trung Cường	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 30"	106° 07' 27"					F-48-93-C-a
Thôn Chín	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 40"	106° 07' 41"					F-48-93-C-b
Thôn Hai	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 44"	106° 06' 35"					F-48-93-C-a
Thôn Một	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 28"	106° 06' 31"					F-48-93-C-a
Thôn Mười	DC	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 41"	106° 07' 55"					F-48-93-C-b
bến khách ngang sông Bà Quẩn	KX	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 13' 02"	106° 06' 58"					F-48-93-C-a
Cầu Xanh	KX	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh	20° 12' 42"	106° 06' 26"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481C	KX	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh			20° 12' 13"	106° 06' 39"	20° 08' 26"	106° 09' 35"	F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Khánh Cường	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-b
xóm Đông A - Nhuận Hải	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 19"	106° 04' 17"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông B - Nhuận Hải	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 15"	106° 04' 13"					F-48-93-C-a
xóm Hạ - Đông Mai	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 11' 25"	106° 04' 40"					F-48-93-C-a
xóm Hạ - Nhuận Hải	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 42"	106° 04' 31"					F-48-93-C-a
xóm Hà Đông - Đông Mai	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 11' 53"	106° 04' 02"					F-48-93-C-a
xóm Lê - Văn Bông	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 40"	106° 03' 40"					F-48-93-C-a
xóm Thượng - Đông Mai	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 11' 30"	106° 03' 47"					F-48-93-C-a
xóm Thượng - Nhuận Hải	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 06"	106° 04' 09"					F-48-93-C-a
xóm Thượng - Văn Bông	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 09"	106° 03' 18"					F-48-93-C-a
xóm Trung - Văn Bông	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 21"	106° 03' 27"					F-48-93-C-a
xóm Trung A - Đông Mai	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 11' 28"	106° 04' 08"					F-48-93-C-a
xóm Trung A - Nhuận Hải	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 31"	106° 04' 25"					F-48-93-C-a
xóm Trung B - Đông Mai	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 11' 20"	106° 04' 02"					F-48-93-C-a
xóm Trung B - Nhuận Hải	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 25"	106° 04' 20"					F-48-93-C-a
xóm Văn Lai - Văn Bông	DC	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 11' 54"	106° 03' 06"					F-48-93-C-a
bến khách ngang sông Bông	KX	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 13' 10"	106° 03' 34"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480B	KX	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh			20° 08' 41"	106° 01' 35"	20° 12' 57"	106° 05' 26"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 483	KX	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh			20° 12' 06"	106° 02' 53"	20° 09' 25"	106° 05' 12"	F-48-93-C-a
mộ Vũ Duy Thanh	KX	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 11' 47"	106° 03' 08"					F-48-93-C-a
nhà thờ Vũ Duy Thanh	KX	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh	20° 12' 17"	106° 03' 24"					F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-a
Sông Mới	TV	xã Khánh Hải	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
xóm Chợ Dầu	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 14' 21"	106° 00' 42"					F-48-93-C-a
xóm Thuần Dầu	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 12' 07"	105° 59' 18"					F-48-92-D-b
xóm Thượng 1	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 13' 47"	106° 00' 26"					F-48-93-C-a
xóm Thượng 2	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 13' 40"	106° 00' 24"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (đô, phút, giây)	Kinh độ (đô, phút, giây)	Vĩ độ (đô, phút, giây)	Kinh độ (đô, phút, giây)	Vĩ độ (đô, phút, giây)	Kinh độ (đô, phút, giây)	
Xóm Chùa	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 13' 22"	106° 00' 15"					F-48-93-C-a
Xóm Đông	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 13' 54"	106° 00' 26"					F-48-93-C-a
Xóm Ngoại	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 12' 52"	106° 00' 13"					F-48-93-C-a
Xóm Nội	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 12' 37"	106° 00' 04"					F-48-93-C-a
Xóm Rậm	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 13' 37"	106° 00' 08"					F-48-93-C-a
Xóm Xuân	DC	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 13' 32"	106° 00' 25"					F-48-93-C-a
cầu vượt Quốc lộ 10	KX	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 14' 21"	106° 00' 46"					F-48-93-C-a
Chùa Dầu	KX	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh	20° 13' 18"	106° 00' 22"					F-48-93-C-a
Đường cao tốc Bắc Nam	KX	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh			20° 15' 04"	106° 00' 56"	20° 11' 18"	105° 57' 10"	F-48-93-C-a, F-48-92-D-b
đường nối QL1 - Cảng Ninh Phúc	KX	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh			20° 13' 09"	105° 57' 45"	20° 14' 58"	106° 00' 55"	F-48-93-C-a
đường Nguyễn Công Trứ	KX	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Khánh Hoà	H. Yên Khánh			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b
xóm Chạ Đông	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 30"	106° 05' 56"					F-48-93-C-a
xóm Chạ Tây	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 26"	106° 05' 55"					F-48-93-C-a
xóm Chung Chính	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 11' 04"	106° 05' 52"					F-48-93-C-a
xóm Thồ Tiến	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 11' 02"	106° 04' 52"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 48"	106° 05' 19"					F-48-93-C-a
xóm 4 Đông	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 11' 13"	106° 05' 32"					F-48-93-C-a
xóm 4 Tây	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 11' 03"	106° 05' 26"					F-48-93-C-a
Xóm 7	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 45"	106° 05' 32"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 11' 11"	106° 05' 58"					F-48-93-C-a
Xóm 20	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 39"	106° 05' 14"					F-48-93-C-a
Xóm Chùa	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 57"	106° 05' 45"					F-48-93-C-a
Xóm Đề	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 11' 45"	106° 05' 10"					F-48-93-C-a
Xóm Đồi	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 52"	106° 04' 49"					F-48-93-C-a
Xóm Hương	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 11' 20"	106° 05' 01"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Mới	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 29"	106° 06' 48"					F-48-93-C-a
cầu Tam Châu	KX	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 10' 32"	106° 05' 14"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Sông Diêm	TV	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh			20° 10' 52"	106° 04' 41"	20° 10' 28"	106° 05' 17"	F-48-93-C-a
Sông Mới	TV	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 09' 26"	106° 04' 18"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 09' 23"	106° 04' 11"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 09' 17"	106° 04' 15"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 09' 19"	106° 04' 20"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 09' 05"	106° 04' 00"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 08' 50"	106° 03' 59"					F-48-93-C-a
Xóm 7	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 09' 00"	106° 04' 09"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 08' 44"	106° 03' 40"					F-48-93-C-a
Xóm 9	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 09' 00"	106° 03' 39"					F-48-93-C-a
Xóm 10	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 08' 55"	106° 03' 23"					F-48-93-C-a
Xóm 11	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 08' 31"	106° 03' 25"					F-48-93-C-a
Xóm 12	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 08' 30"	106° 03' 16"					F-48-93-C-a
Xóm 13	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 08' 15"	106° 03' 25"					F-48-93-C-a
Xóm 14	DC	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh	20° 08' 09"	106° 04' 37"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Sông Mới	TV	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Khánh Hội	H. Yên Khánh			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a
xóm Ba Hàng	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 12' 37"	106° 05' 18"					F-48-93-C-a
xóm Tân 1	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 12' 05"	106° 05' 09"					F-48-93-C-a
xóm Tân 2	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 11' 57"	106° 05' 04"					F-48-93-C-a
xóm Thượng 1	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 12' 13"	106° 04' 41"					F-48-93-C-a
xóm Thượng 2	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 11' 55"	106° 04' 28"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tiên Yên 1	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 13' 19"	106° 04' 42"					F-48-93-C-a
xóm Tiên Yên 2	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 13' 03"	106° 04' 51"					F-48-93-C-a
Xóm Bắc	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 12' 47"	106° 04' 53"					F-48-93-C-a
Xóm Cống	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 12' 35"	106° 04' 46"					F-48-93-C-a
Xóm Đồng	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 11' 44"	106° 04' 53"					F-48-93-C-a
Xóm Nội	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 12' 26"	106° 05' 22"					F-48-93-C-a
Xóm Trung	DC	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 12' 23"	106° 04' 42"					F-48-93-C-a
chùa Kim Rong	KX	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 13' 25"	106° 04' 31"					F-48-93-C-a
đền Tiên Yên	KX	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh	20° 13' 25"	106° 04' 30"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480B	KX	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh			20° 08' 41"	106° 01' 35"	20° 12' 57"	106° 05' 26"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-a
Sông Mới	TV	xã Khánh Lợi	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 40"	106° 05' 49"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 48"	106° 05' 53"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 55"	106° 05' 55"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 12' 04"	106° 05' 56"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 12' 16"	106° 06' 00"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 12' 24"	106° 06' 11"					F-48-93-C-a
Xóm 7	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 59"	106° 06' 44"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 53"	106° 06' 42"					F-48-93-C-a
Xóm 9	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 44"	106° 06' 25"					F-48-93-C-a
Xóm 10	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 24"	106° 06' 15"					F-48-93-C-a
Xóm 11	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 18"	106° 06' 06"					F-48-93-C-a
Xóm 12	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 03"	106° 06' 52"					F-48-93-C-a
Xóm 13	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 05"	106° 07' 06"					F-48-93-C-a
Xóm 14	DC	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh	20° 11' 10"	106° 07' 11"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Mới	TV	xã Khánh Mậu	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 10"	106° 04' 46"					F-48-93-C-a
Xóm 1B	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 08"	106° 04' 35"					F-48-93-C-a
Xóm 2A	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 51"	106° 04' 19"					F-48-93-C-a
Xóm 2B	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 54"	106° 04' 15"					F-48-93-C-a
Xóm 3A	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 57"	106° 04' 34"					F-48-93-C-a
Xóm 3B	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 02"	106° 04' 40"					F-48-93-C-a
Xóm 3C	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 04"	106° 04' 26"					F-48-93-C-a
Xóm 4A	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 31"	106° 04' 24"					F-48-93-C-a
Xóm 4B	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 24"	106° 04' 27"					F-48-93-C-a
Xóm 5A	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 32"	106° 04' 34"					F-48-93-C-a
Xóm 5B	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 38"	106° 04' 38"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 42"	106° 04' 45"					F-48-93-C-a
Xóm 7	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 50"	106° 04' 52"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 56"	106° 04' 52"					F-48-93-C-a
Xóm 9	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 04"	106° 04' 55"					F-48-93-C-a
Xóm 10A	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 10"	106° 05' 04"					F-48-93-C-a
Xóm 10B	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 21"	106° 05' 10"					F-48-93-C-a
Xóm 10C	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 25"	106° 05' 18"					F-48-93-C-a
Xóm Chùa	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 47"	106° 04' 24"					F-48-93-C-a
Xóm Trại	DC	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 08' 57"	106° 06' 10"					F-48-93-C-a
cầu Khánh Nhạc	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 32"	106° 05' 05"					F-48-93-C-a
cầu Tam Châu	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 10' 32"	106° 05' 14"					F-48-93-C-a
chùa Phúc Nhạc	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 48"	106° 04' 26"					F-48-93-C-a
Cầu 18	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 08' 44"	106° 05' 42"					F-48-93-C-a
đền Thôn Đổ	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh	20° 09' 46"	106° 04' 49"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 482	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 483	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh			20° 12' 06"	106° 02' 53"	20° 09' 25"	106° 05' 12"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a
Sông Diêm	TV	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh			20° 10' 52"	106° 04' 41"	20° 10' 28"	106° 05' 17"	F-48-93-C-a
Sông Mội	TV	xã Khánh Nhạc	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
thôn Phú An	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 13' 39"	106° 01' 09"					F-48-93-C-a
thôn Phú Bình	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 14' 08"	106° 01' 10"					F-48-93-C-a
thôn Phú Cường	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 14' 04"	106° 01' 03"					F-48-93-C-a
thôn Phú Hải	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 14' 18"	106° 00' 57"					F-48-93-C-a
thôn Phú Hào	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 15' 08"	106° 02' 27"					F-48-93-A-c
thôn Phú Long	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 13' 40"	106° 01' 01"					F-48-93-C-a
thôn Phú Sơn	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 13' 55"	106° 01' 00"					F-48-93-C-a
thôn Phú Tân	DC	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 13' 53"	106° 01' 22"					F-48-93-C-a
bến khách ngang sông Vĩnh	KX	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 14' 48"	106° 02' 48"					F-48-93-C-a
chùa Phúc Long	KX	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 13' 46"	106° 01' 12"					F-48-93-C-a
Cầu Vệ	KX	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 14' 02"	106° 01' 11"					F-48-93-C-a
đường Nguyễn Công Trứ	KX	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh			20° 15' 05"	105° 58' 23"	20° 14' 02"	106° 01' 11"	F-48-93-C-a
Đền Thượng	KX	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 13' 44"	106° 01' 16"					F-48-93-C-a
Khu công nghiệp Khánh Phú	KX	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh	20° 14' 26"	106° 01' 19"					F-48-93-C-a
Quốc lộ 10	KX	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh			20° 15' 59"	105° 58' 44"	20° 03' 48"	106° 02' 24"	F-48-93-C-a
Sông Dáy	TV	xã Khánh Phú	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-A-c, F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 10' 36"	106° 07' 50"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 10' 35"	106° 07' 56"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 10' 13"	106° 07' 52"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 46"	106° 08' 08"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 10' 08"	106° 08' 06"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 56"	106° 08' 25"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 7	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 41"	106° 08' 38"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 32"	106° 08' 28"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 15"	106° 08' 29"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 12"	106° 08' 48"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 21"	106° 09' 05"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 54"	106° 08' 44"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 49"	106° 08' 56"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 01"	106° 09' 23"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 40"	106° 09' 06"					F-48-93-C-b
Xóm 16	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 38"	106° 09' 03"					F-48-93-C-b
Xóm 17	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 13"	106° 09' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 18	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 22"	106° 09' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 19	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 07' 55"	106° 09' 24"					F-48-93-C-b
bến xe Khánh Thành	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 09' 28"	106° 08' 21"					F-48-93-C-b
bến khách ngang sông Mười	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 34"	106° 09' 50"					F-48-93-C-a
cầu Khánh Thành	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 25"	106° 09' 34"					F-48-93-C-b
Cầu Đen	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh	20° 08' 12"	106° 09' 11"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 476C	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh			20° 10' 26"	106° 07' 41"	20° 09' 38"	106° 09' 24"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481C	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh			20° 12' 13"	106° 06' 39"	20° 08' 26"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh			20° 04' 41"	106° 02' 55"	20° 08' 35"	106° 09' 55"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 482	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-b
Ngòi Cờ	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh			20° 09' 28"	106° 08' 24"	20° 08' 07"	106° 09' 54"	F-48-93-C-b
Sông Ân	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh			20° 03' 48"	106° 02' 33"	20° 08' 25"	106° 09' 35"	F-48-93-C-b
Sông Dáy	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
xóm Bến Xanh	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 13' 00"	106° 06' 00"					F-48-93-C-a
xóm Phong An	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 59"	106° 05' 35"					F-48-93-C-a
xóm Phú Hậu	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 54"	106° 06' 11"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tây Phú	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 42"	106° 06' 09"					F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 55"	106° 05' 54"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 13' 19"	106° 05' 51"					F-48-93-C-a
Xóm Cầu	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 49"	106° 06' 24"					F-48-93-C-a
Xóm Chợ	DC	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 46"	106° 05' 57"					F-48-93-C-a
bến khách ngang sông Xanh	KX	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 13' 07"	106° 06' 06"					F-48-93-C-a
Cầu Ấu	KX	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 47"	106° 06' 15"					F-48-93-C-a
Cầu Xanh	KX	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh	20° 12' 42"	106° 06' 26"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480B	KX	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh			20° 08' 41"	106° 01' 35"	20° 12' 57"	106° 05' 26"	F-48-93-C-a
Đường tỉnh 481B	KX	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh			20° 12' 58"	106° 02' 31"	20° 05' 40"	106° 05' 18"	F-48-93-C-a
Sông Đáy	TV	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-a
Sông Mới	TV	xã Khánh Thiện	H. Yên Khánh			20° 08' 55"	106° 03' 02"	20° 12' 58"	106° 06' 20"	F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 10' 00"	106° 06' 29"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 09' 37"	106° 06' 31"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 10' 04"	106° 06' 57"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 09' 33"	106° 07' 14"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 09' 45"	106° 07' 46"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 09' 13"	106° 07' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 09' 23"	106° 07' 28"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 08' 48"	106° 07' 41"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 08' 46"	106° 07' 19"					F-48-93-C-a
Xóm 10	DC	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh	20° 10' 09"	106° 07' 06"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 482	KX	xã Khánh Thủy	H. Yên Khánh			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 14' 05"	106° 05' 26"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 56"	106° 05' 25"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 45"	106° 05' 32"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 43"	106° 05' 37"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 34"	106° 05' 36"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 27"	106° 05' 29"					F-48-93-C-a
Xóm 7	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 14' 35"	106° 05' 31"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 14' 08"	106° 05' 07"					F-48-93-C-a
Xóm 9	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 44"	106° 05' 11"					F-48-93-C-a
Xóm 10	DC	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 25"	106° 05' 17"					F-48-93-C-a
chùa Thôn Năm	KX	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 51"	106° 05' 46"					F-48-93-C-a
đền Thôn Năm	KX	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 53"	106° 05' 46"					F-48-93-C-a
đình Tiền Tiến	KX	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh	20° 13' 31"	106° 05' 19"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 482	KX	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh			20° 10' 19"	106° 09' 31"	20° 07' 33"	106° 04' 21"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Khánh Tiên	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-a, F-48-93-A-c
Thôn 1	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 53"	106° 08' 37"					F-48-93-C-b
Thôn 2	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 58"	106° 08' 35"					F-48-93-C-b
Thôn 3	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 25"	106° 08' 13"					F-48-93-C-b
Thôn 4	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 22"	106° 08' 24"					F-48-93-C-b
Thôn 5	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 17"	106° 08' 38"					F-48-93-C-b
Thôn 6	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 23"	106° 08' 53"					F-48-93-C-b
Thôn 7	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 15"	106° 08' 37"					F-48-93-C-b
Thôn 8	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 07"	106° 08' 39"					F-48-93-C-b
Thôn 9	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 57"	106° 08' 09"					F-48-93-C-b
Thôn 10	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 51"	106° 08' 25"					F-48-93-C-b
Thôn 11	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 45"	106° 08' 40"					F-48-93-C-b
Thôn 12	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 43"	106° 08' 36"					F-48-93-C-b
Thôn 13	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 37"	106° 07' 54"					F-48-93-C-b
Thôn 14	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 35"	106° 07' 47"					F-48-93-C-b
Thôn 15	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 27"	106° 07' 59"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 16	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 31"	106° 08' 09"					F-48-93-C-b
Thôn 17	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 21"	106° 08' 06"					F-48-93-C-b
Thôn 18	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 22"	106° 07' 47"					F-48-93-C-b
Thôn 19	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 31"	106° 07' 29"					F-48-93-C-a
Thôn 20	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 19"	106° 07' 17"					F-48-93-C-a
Thôn 21	DC	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 02"	106° 07' 22"					F-48-93-C-a
bến khách ngang sông Tam Toà	KX	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 13' 22"	106° 08' 57"					F-48-93-C-a
chùa Kiến Ốc	KX	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 12' 15"	106° 08' 08"					F-48-93-C-b
Chợ Cát	KX	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 17"	106° 07' 16"					F-48-93-C-a
đền Kiến Ốc	KX	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh	20° 11' 59"	106° 08' 33"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 476C	KX	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh			20° 10' 26"	106° 07' 41"	20° 09' 38"	106° 09' 24"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481C	KX	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh			20° 12' 13"	106° 06' 39"	20° 08' 26"	106° 09' 35"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Khánh Trung	H. Yên Khánh			20° 22' 31"	105° 54' 52"	19° 57' 50"	106° 05' 36"	F-48-93-C-b
xóm 1 - Vân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 43"	106° 03' 04"					F-48-93-C-a
xóm 1 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 08"	106° 02' 31"					F-48-93-C-a
xóm 2 - Vân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 35"	106° 02' 58"					F-48-93-C-a
xóm 2 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 05"	106° 02' 24"					F-48-93-C-a
xóm 3 - Vân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 27"	106° 02' 59"					F-48-93-C-a
xóm 3 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 20"	106° 02' 09"					F-48-93-C-a
xóm 4 - Vân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 16"	106° 02' 46"					F-48-93-C-a
xóm 4 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 10' 51"	106° 01' 54"					F-48-93-C-a
xóm 5 - Vân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 13"	106° 02' 41"					F-48-93-C-a
xóm 5 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 17"	106° 01' 51"					F-48-93-C-a
xóm 6 - Vân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 26"	106° 02' 34"					F-48-93-C-a
xóm 6 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 19"	106° 01' 58"					F-48-93-C-a
xóm 7 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 22"	106° 02' 18"					F-48-93-C-a
xóm 8 - Xuân Tiên	DC	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 26"	106° 02' 25"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 483	KX	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh			20° 12' 06"	106° 02' 53"	20° 09' 25"	106° 05' 12"	F-48-93-C-a
nhà thờ Giáo Xứ Yên Vân	KX	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh	20° 11' 09"	106° 02' 21"					F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Khánh Vân	H. Yên Khánh			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a
tổ dân phố Bắc Yên	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 32"	106° 00' 28"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Bồ Vy 1	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 31"	106° 00' 44"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Bồ Vy 2	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 52"	106° 00' 56"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Cổ Đà	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 06"	106° 00' 52"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Đông Nhạc 1	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 34"	106° 01' 11"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Đông Nhạc 2	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 17"	106° 01' 09"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Hưng Thượng	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 38"	106° 00' 14"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Kim Bảng A	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 26"	105° 59' 52"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Kim Bảng B	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 20"	106° 00' 11"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Mậu Thịnh	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 24"	106° 00' 22"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Phú Thịnh	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 45"	105° 59' 59"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trung Hậu	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 08' 58"	106° 00' 46"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Trung Thành	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 44"	105° 59' 41"					F-48-92-D-b
tổ dân phố Trung Yên	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 58"	106° 00' 22"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Yên Hạ 1	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 34"	106° 00' 30"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Yên Hạ 2	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 46"	106° 00' 31"					F-48-93-C-a
tổ dân phố Yên Thổ	DC	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 59"	105° 59' 29"					F-48-92-D-b
cầu Yên Thổ	KX	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 17"	105° 59' 13"					F-48-92-D-b
cổng Vĩnh Lợi	KX	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô	20° 09' 03"	106° 01' 04"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480C	KX	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô			20° 13' 11"	106° 02' 11"	20° 07' 45"	105° 59' 30"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
sông Điện Biên	TV	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô			20° 10' 19"	105° 59' 10"	20° 11' 39"	106° 00' 22"	F-48-92-D-b
Sông Gềnh	TV	TT. Yên Thịnh	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-93-C-a, F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 1 Thạch Lỗi	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 33"	106° 00' 57"					F-48-93-C-a
xóm 2 Thạch Lỗi	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 20"	106° 00' 41"					F-48-93-C-a
xóm 4 Thạch Lỗi	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 14"	106° 00' 31"					F-48-93-C-a
xóm Bắc - Yên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 13"	106° 00' 56"					F-48-93-C-a
xóm Bến - Tiên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 10' 56"	106° 00' 18"					F-48-93-C-a
xóm Cát - Tiên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 10' 58"	106° 00' 31"					F-48-93-C-a
xóm Đình - Tiên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 02"	106° 00' 30"					F-48-93-C-a
xóm Đông - Yên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 09"	106° 00' 51"					F-48-93-C-a
xóm Hàng - Tiên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 07"	106° 00' 42"					F-48-93-C-a
xóm Mối - Yên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 27"	106° 01' 14"					F-48-93-C-a
xóm Nam - Yên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 04"	106° 01' 01"					F-48-93-C-a
xóm Trại - Tiên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 10' 52"	105° 59' 38"					F-48-92-D-b
xóm Trong - Tiên Dương	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 11"	106° 00' 35"					F-48-93-C-a
xóm Yên Thịnh	DC	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 28"	106° 00' 29"					F-48-93-C-a
Cầu Tràng	KX	xã Khánh Dương	H. Yên Mô	20° 11' 38"	106° 01' 22"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480C	KX	xã Khánh Dương	H. Yên Mô			20° 13' 11"	106° 02' 11"	20° 07' 45"	105° 59' 30"	F-48-93-C-a
sông Điện Biên	TV	xã Khánh Dương	H. Yên Mô			20° 10' 19"	105° 59' 10"	20° 11' 39"	106° 00' 22"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Khánh Dương	H. Yên Mô			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a
Xóm 1	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 28"	106° 01' 10"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 34"	106° 01' 16"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 32"	106° 01' 06"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 42"	106° 01' 12"					F-48-93-C-a
Xóm 5	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 46"	106° 00' 58"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 53"	106° 01' 40"					F-48-93-C-a
Xóm 7	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 11' 03"	106° 01' 37"					F-48-93-C-a
Xóm 8	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 31"	106° 02' 10"					F-48-93-C-a
Xóm 11	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 18"	106° 00' 11"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 27"	106° 00' 31"					F-48-93-C-a
Chùa Tháp	KX	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô	20° 10' 22"	105° 59' 36"					F-48-92-D-b
Đường tỉnh 480C	KX	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô			20° 13' 11"	106° 02' 11"	20° 07' 45"	105° 59' 30"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Khánh Thịnh	H. Yên Mô			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a
xóm 10 Đông Thượng	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 52"	105° 59' 25"					F-48-92-D-b
xóm 1 Đông Thượng	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 56"	105° 59' 20"					F-48-92-D-b
xóm 1 Lam Sơn	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 23"	105° 58' 37"					F-48-92-D-b
xóm 2 Đông Thượng	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 11' 00"	105° 59' 22"					F-48-92-D-b
xóm 2 Lam Sơn	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 33"	105° 58' 44"					F-48-92-D-b
xóm 3 Đồng Phú	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 51"	105° 58' 34"					F-48-92-D-b
xóm 3 Đông Thượng	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 58"	105° 59' 28"					F-48-92-D-b
xóm 4 Đông Thượng	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 53"	105° 58' 59"					F-48-92-D-b
xóm 4 Tịch Trăn	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 52"	105° 58' 21"					F-48-92-D-b
xóm 5 Bình Khang	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 35"	105° 58' 59"					F-48-92-D-b
xóm 5 Tịch Trăn	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 11' 04"	105° 58' 08"					F-48-92-D-b
xóm 6 Chợ Bến	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 19"	105° 58' 55"					F-48-92-D-b
xóm 6 Đồng Nhân	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 11' 13"	105° 58' 55"					F-48-92-D-b
xóm 7 Đồng Nhân	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 11' 21"	105° 58' 41"					F-48-92-D-b
xóm 8 Thái Hoà	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 11' 48"	105° 59' 06"					F-48-92-D-b
xóm 9 Đông Thượng	DC	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 11' 36"	106° 00' 11"					F-48-93-C-a
cầu Quán Vinh	KX	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 11' 43"	105° 58' 18"					F-48-92-D-b
cầu Yên Thổ	KX	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 17"	105° 59' 13"					F-48-92-D-b
cầu Yên Thổ 2	KX	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 16"	105° 58' 47"					F-48-92-D-b
đền Trung Lận Khê	KX	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô	20° 10' 27"	105° 58' 39"					F-48-92-D-b
Đường cao tốc Bắc Nam	KX	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô			20° 15' 04"	106° 00' 56"	20° 11' 18"	105° 57' 10"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-92-D-b
sông Điện Biên	TV	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô			20° 10' 19"	105° 59' 10"	20° 11' 39"	106° 00' 22"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Gènh	TV	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-92-D-b
Sông Vạc	TV	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Sông Vồ	TV	xã Khánh Thượng	H. Yên Mô			20° 11' 21"	105° 56' 47"	20° 11' 54"	105° 59' 12"	F-48-92-D-b
Xóm 1	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 18"	105° 57' 44"					F-48-92-D-b
Xóm 2	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 18"	105° 57' 31"					F-48-92-D-b
Xóm 3	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 38"	105° 57' 13"					F-48-92-D-b
Xóm 4	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 41"	105° 57' 40"					F-48-92-D-b
Xóm 5	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 11' 08"	105° 57' 38"					F-48-92-D-b
Xóm 6	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 11' 17"	105° 57' 30"					F-48-92-D-b
Xóm 7	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 48"	105° 57' 08"					F-48-92-D-b
Xóm 8	DC	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 07"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
cầu vượt Mai Sơn	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 11' 22"	105° 57' 37"					F-48-92-D-b
chùa Bình Sơn	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 34"	105° 57' 33"					F-48-92-D-b
Cầu Ghènh	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 44"	105° 56' 59"					F-48-92-D-b
Cầu Vồ	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 11' 37"	105° 57' 49"					F-48-92-D-b
Đường cao tốc Bắc Nam	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô			20° 15' 04"	106° 00' 56"	20° 11' 18"	105° 57' 10"	F-48-92-D-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô			20° 19' 11"	105° 56' 25"	20° 10' 37"	105° 56' 50"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô			20° 21' 51"	105° 55' 10"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	F-48-92-D-b
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-92-D-b
Trường Giáo dưỡng Số 2	KX	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 10' 59"	105° 56' 59"					F-48-92-D-b
Núi Trầu	SV	xã Mai Sơn	H. Yên Mô	20° 11' 12"	105° 57' 11"					F-48-92-D-b
Sông Gènh	TV	xã Mai Sơn	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-92-D-b
Sông Vồ	TV	xã Mai Sơn	H. Yên Mô			20° 11' 21"	105° 56' 47"	20° 11' 54"	105° 59' 12"	F-48-92-D-b
thôn Dân Mới	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 00"	105° 57' 19"					F-48-92-D-d
thôn Đồi Khê Hạ	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 07' 01"	105° 57' 59"					F-48-92-D-d
thôn Đồi Yên Tế	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 37"	105° 56' 47"					F-48-92-D-d
thôn Đồng Xá	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 05' 39"	105° 58' 50"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giải Cờ	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 39"	105° 56' 55"					F-48-92-D-d
thôn Hàn Dưới	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 05' 28"	105° 59' 02"					F-48-92-D-d
thôn Hàn Trên	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 05' 53"	105° 59' 01"					F-48-92-D-d
thôn Hoàng Tiễn	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 05' 59"	105° 57' 50"					F-48-92-D-d
thôn Khê Hạ	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 30"	105° 58' 16"					F-48-92-D-d
thôn Khê Thượng	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 53"	105° 57' 38"					F-48-92-D-d
thôn Khê Trung	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 32"	105° 58' 00"					F-48-92-D-d
thôn Phong Lầm Bắc	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 16"	105° 58' 58"					F-48-92-D-d
thôn Phong Lầm Nam	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 05' 48"	105° 58' 46"					F-48-92-D-d
thôn Thái Bình	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 05' 35"	105° 58' 32"					F-48-92-D-d
thôn Thừa Tiên	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 36"	105° 58' 30"					F-48-92-D-d
thôn Tràng Yên	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 04"	105° 57' 56"					F-48-92-D-d
thôn Yên Lạc	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 26"	105° 58' 31"					F-48-92-D-d
Đường tỉnh 482B	KX	xã Yên Đồng	H. Yên Mô			20° 07' 22"	105° 57' 54"	20° 05' 30"	106° 00' 50"	F-48-92-D-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Yên Đồng	H. Yên Mô			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-92-D-b
Đồi Ngang	SV	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 07' 08"	105° 56' 19"					F-48-92-D-d
núi Ba Ngon	SV	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 34"	105° 57' 24"					F-48-92-D-d
núi Con Lợn	SV	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 48"	105° 56' 38"					F-48-92-D-d
núi Giải Cờ	SV	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 06' 46"	105° 57' 20"					F-48-92-D-d
Núi Hào	SV	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 04' 34"	105° 58' 27"					F-48-92-D-d
hồ Đồng Thái	TV	xã Yên Đồng	H. Yên Mô	20° 05' 22"	105° 57' 26"					F-48-92-D-d
Sông Đàng	TV	xã Yên Đồng	H. Yên Mô			20° 06' 25"	105° 58' 18"	20° 06' 27"	105° 59' 57"	F-48-92-D-d
thôn Đồng Trại	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 08' 56"	105° 58' 14"					F-48-92-D-b
thôn Hải Nạp	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 09' 00"	105° 58' 28"					F-48-92-D-b
thôn Lạc Hiền	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 09' 31"	105° 59' 42"					F-48-92-D-b
thôn Liên Trì 1	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 09' 51"	105° 59' 05"					F-48-92-D-b
thôn Liên Trì 2	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 10' 02"	105° 58' 49"					F-48-92-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thổ Hoàng	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 09' 07"	105° 58' 31"					F-48-92-D-b
thôn Trinh Nữ 1	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 08' 23"	105° 59' 23"					F-48-92-D-b
thôn Trinh Nữ 2	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 08' 30"	105° 59' 19"					F-48-92-D-b
thôn Trinh Nữ 3	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 08' 47"	105° 59' 22"					F-48-92-D-b
thôn Trinh Nữ 4	DC	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 08' 59"	105° 59' 37"					F-48-92-D-b
cầu Lạc Hiền	KX	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 08' 11"	105° 59' 19"					F-48-92-D-b
cầu Yên Thổ 2	KX	xã Yên Hoà	H. Yên Mô	20° 10' 16"	105° 58' 47"					F-48-92-D-b
Đường tỉnh 480C	KX	xã Yên Hoà	H. Yên Mô			20° 13' 11"	106° 02' 11"	20° 07' 45"	105° 59' 30"	F-48-92-D-b
Kênh La	TV	xã Yên Hoà	H. Yên Mô			20° 09' 18"	105° 57' 54"	20° 08' 15"	105° 58' 01"	F-48-92-D-b
Sông Gènh	TV	xã Yên Hoà	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-92-D-b
Sông La	TV	xã Yên Hoà	H. Yên Mô			20° 08' 50"	105° 56' 49"	20° 09' 57"	105° 58' 30"	F-48-92-D-b
xóm Dò 1	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 49"	106° 00' 29"					F-48-93-C-a
xóm Dò 2	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 51"	106° 00' 21"					F-48-93-C-a
xóm Dò 3	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 58"	106° 00' 23"					F-48-93-C-a
xóm Giữa Đông	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 46"	106° 00' 10"					F-48-93-C-a
xóm Giữa Tây	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 46"	106° 00' 07"					F-48-93-C-a
xóm Hiền Lâm	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 09' 06"	106° 00' 05"					F-48-93-C-a
xóm Hưng Phú	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 21"	106° 00' 08"					F-48-93-C-a
xóm Thọ Thái	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 23"	106° 00' 27"					F-48-93-C-a
Xóm Đông	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 38"	106° 00' 15"					F-48-93-C-a
Xóm Trung	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 37"	106° 00' 06"					F-48-93-C-a
Xóm Vòng	DC	xã Yên Hưng	H. Yên Mô	20° 08' 34"	105° 59' 50"					F-48-92-D-b
Sông Gènh	TV	xã Yên Hưng	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-93-C-a, F-48-92-D-b
thôn Đông Đoài	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 05' 33"	106° 01' 22"					F-48-93-C-c
thôn Hào Nho	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 04' 21"	106° 00' 58"					F-48-93-C-c
thôn Nhân Phẩm	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 04' 05"	106° 01' 23"					F-48-93-C-c
thôn Phù Sa	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 04' 41"	106° 01' 18"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 1 Đông Yên	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 04' 57"	106° 00' 57"					F-48-93-C-c
xóm 1 Ngọc Lâm	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 05' 42"	106° 00' 55"					F-48-93-C-c
xóm 2 Đông Yên	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 04' 37"	106° 00' 52"					F-48-93-C-c
xóm 2 Ngọc Lâm	DC	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 05' 34"	106° 01' 00"					F-48-93-C-c
Cầu Hội	KX	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 05' 29"	106° 00' 22"					F-48-93-C-c
đỉnh Phù Sa	KX	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 04' 39"	106° 01' 22"					F-48-93-C-c
Đường tỉnh 482B	KX	xã Yên Lâm	H. Yên Mô			20° 07' 22"	105° 57' 54"	20° 05' 30"	106° 00' 50"	F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Yên Lâm	H. Yên Mô			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-c
núi Cầu Rút	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 03' 57"	106° 00' 59"					F-48-92-C-c
Núi Kê	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 03' 39"	106° 01' 41"					F-48-92-C-c
Núi Trại	SV	xã Yên Lâm	H. Yên Mô	20° 03' 44"	106° 01' 09"					F-48-92-C-c
sông Cài Cách	TV	xã Yên Lâm	H. Yên Mô			20° 06' 13"	106° 01' 41"	20° 03' 50"	106° 01' 29"	F-48-93-C-c
Sông Hội	TV	xã Yên Lâm	H. Yên Mô			20° 03' 40"	106° 01' 30"	20° 06' 32"	106° 00' 01"	F-48-93-C-c
xóm 1 Đông Sơn	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 31"	106° 00' 49"					F-48-93-C-c
xóm 1 Hồng Phong	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 18"	106° 01' 21"					F-48-93-C-c
xóm 1 Hồng Thắng	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 57"	106° 00' 50"					F-48-93-C-c
xóm 1 Tây Sơn	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 36"	106° 00' 38"					F-48-93-C-c
xóm 2 Đông Sơn	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 22"	106° 00' 45"					F-48-93-C-c
xóm 2 Hồng Phong	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 10"	106° 01' 13"					F-48-93-C-c
xóm 2 Hồng Thắng	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 52"	106° 00' 48"					F-48-93-C-c
xóm 2 Tây Sơn	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 27"	106° 00' 38"					F-48-93-C-c
xóm 3 Đông Sơn	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 25"	106° 01' 00"					F-48-93-C-c
xóm 3 Hồng Phong	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 02"	106° 01' 21"					F-48-93-C-c
xóm 3 Hồng Thắng	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 48"	106° 00' 47"					F-48-93-C-c
xóm 3 Tây Sơn	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 20"	106° 00' 37"					F-48-93-C-c
xóm 4 Đông Sơn	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 47"	106° 01' 02"					F-48-93-C-c
xóm 4 Hồng Thắng	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 47"	106° 01' 21"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 5 Hồng Thắng	DC	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 06"	106° 00' 08"					F-48-93-C-c
Cầu Bút	KX	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 57"	106° 01' 05"					F-48-93-C-c
đền Họ Vũ	KX	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 56"	106° 00' 37"					F-48-93-C-c
đền Thờ Thái phó Lê Niệm	KX	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 57"	106° 00' 32"					F-48-92-D-d
mộ Vũ Phạm Khải	KX	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 57"	106° 00' 38"					F-48-93-C-c
nhà thờ Vũ Phạm Khải	KX	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 05' 54"	106° 00' 53"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Yên Mạc	H. Yên Mô			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
núi Con Voi	SV	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 00"	106° 00' 35"					F-48-92-D-d
Núi Bàng	SV	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 25"	106° 00' 10"					F-48-92-D-d
Núi Mù	SV	xã Yên Mạc	H. Yên Mô	20° 06' 06"	106° 00' 18"					F-48-92-D-d
sông Cái Cách	TV	xã Yên Mạc	H. Yên Mô			20° 06' 13"	106° 01' 41"	20° 03' 50"	106° 01' 29"	F-48-93-C-c
Sông Bút	TV	xã Yên Mạc	H. Yên Mô			20° 06' 32"	106° 00' 01"	20° 08' 22"	106° 03' 09"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c, F-48-93-C-a
Sông Gềnh	TV	xã Yên Mạc	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-93-C-a
Sông Hội	TV	xã Yên Mạc	H. Yên Mô			20° 03' 40"	106° 01' 30"	20° 06' 32"	106° 00' 01"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c
Xóm 1	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 51"	106° 00' 48"					F-48-93-C-a
Xóm 2	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 40"	106° 00' 46"					F-48-93-C-a
Xóm 3	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 46"	106° 00' 54"					F-48-93-C-a
Xóm 4	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 48"	106° 01' 01"					F-48-93-C-a
Xóm 5A	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 48"	106° 01' 06"					F-48-93-C-a
Xóm 5B	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 38"	106° 01' 04"					F-48-93-C-a
Xóm 6	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 32"	106° 01' 00"					F-48-93-C-a
Xóm 7 Đông	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 22"	106° 00' 44"					F-48-93-C-c
Xóm 7 Tây	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 18"	106° 00' 38"					F-48-93-C-c
Xóm 8A	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 12"	106° 00' 52"					F-48-93-C-c
Xóm 8B	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 00"	106° 00' 41"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 9	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 07"	106° 01' 08"					F-48-93-C-c
Xóm 10	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 05"	106° 00' 14"					F-48-93-C-c
Xóm Lão	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 52"	106° 00' 05"					F-48-93-C-a
Xóm Lọc	DC	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 42"	105° 59' 55"					F-48-92-D-b
Cầu Bút	KX	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 06' 57"	106° 01' 05"					F-48-93-C-c
Cầu Lọc	KX	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 07' 38"	105° 59' 50"					F-48-92-D-b
Cầu Lồng	KX	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 08' 14"	106° 01' 14"					F-48-93-C-a
đền Thờ Ninh Tồn	KX	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô	20° 06' 58"	106° 00' 46"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-92-D-b, F-48-93-C-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
Sông Bút	TV	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô			20° 06' 32"	106° 00' 01"	20° 08' 22"	106° 03' 09"	F-48-93-C-c
Sông Gềnh	TV	xã Yên Mỹ	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-93-C-a
thôn Trung Đồng	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 08' 08"	106° 03' 11"					F-48-93-C-a
thôn Yên Su	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 06"	106° 02' 03"					F-48-93-C-c
xóm Bắc Lọc	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 06' 57"	106° 01' 47"					F-48-93-C-c
xóm Chi Bình	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 06' 51"	106° 01' 20"					F-48-93-C-c
xóm Đông Hà	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 06' 38"	106° 01' 24"					F-48-93-C-c
xóm Đông Lọc	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 06' 55"	106° 01' 53"					F-48-93-C-c
xóm Nam Lọc	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 06' 47"	106° 01' 47"					F-48-93-C-c
xóm Quyết Trung	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 00"	106° 01' 18"					F-48-93-C-c
xóm Tây Hà	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 06' 38"	106° 01' 13"					F-48-93-C-c
xóm Tây Lọc	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 06' 51"	106° 01' 42"					F-48-93-C-c
xóm Trung - Bình Hải	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 22"	106° 02' 03"					F-48-93-C-c
xóm Trung - Liên Phương	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 52"	106° 02' 42"					F-48-93-C-a
xóm Trung Thịnh	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 19"	106° 02' 18"					F-48-93-C-c
xóm Yên Hoà	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 15"	106° 02' 25"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Bắc	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 42"	106° 02' 18"					F-48-93-C-a
Xóm Đông	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 36"	106° 02' 27"					F-48-93-C-a
Xóm Ngoài	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 57"	106° 02' 58"					F-48-93-C-a
Xóm Tây	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 18"	106° 02' 02"					F-48-93-C-c
Xóm Trong	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 08' 06"	106° 02' 50"					F-48-93-C-a
Xóm Vạn	DC	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 43"	106° 02' 37"					F-48-93-C-a
cầu Phương Nại	KX	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 59"	106° 02' 29"					F-48-93-C-a
Cầu Yêm	KX	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 01"	106° 03' 20"					F-48-93-C-c
đền Bình Hải	KX	xã Yên Nhân	H. Yên Mô	20° 07' 26"	106° 01' 49"					F-48-93-C-c
Quốc lộ 21B	KX	xã Yên Nhân	H. Yên Mô			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
Sông Bút	TV	xã Yên Nhân	H. Yên Mô			20° 06' 32"	106° 00' 01"	20° 08' 22"	106° 03' 09"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
Sông Vạc	TV	xã Yên Nhân	H. Yên Mô			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a, F-48-93-C-c
xóm 1 Thọ Bình	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 10' 09"	106° 02' 32"					F-48-93-C-a
xóm 2 Thọ Bình	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 51"	106° 02' 31"					F-48-93-C-a
xóm 3 Thọ Bình	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 44"	106° 02' 26"					F-48-93-C-a
xóm Cộng Hoà	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 49"	106° 01' 40"					F-48-93-C-a
xóm Hoàng Kim	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 03"	106° 02' 00"					F-48-93-C-a
xóm Mỹ Thành	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 35"	106° 01' 36"					F-48-93-C-a
xóm Nam Thành	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 29"	106° 01' 34"					F-48-93-C-a
xóm Ngoài Khương Dụ	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 44"	106° 01' 51"					F-48-93-C-a
xóm Phú Mỹ	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 37"	106° 01' 34"					F-48-93-C-a
xóm Quán Khương Dụ	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 48"	106° 01' 37"					F-48-93-C-a
xóm Thị Khương Dụ	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 29"	106° 01' 55"					F-48-93-C-a
xóm Thượng Trại	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 10"	106° 01' 35"					F-48-93-C-a
xóm Trong Khương Dụ	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 41"	106° 01' 43"					F-48-93-C-a
xóm Trung Hậu	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 55"	106° 01' 37"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trung Trại	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 02"	106° 01' 36"					F-48-93-C-a
xóm Văn Mộng	DC	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 27"	106° 01' 42"					F-48-93-C-a
cầu Phước Long	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 06"	106° 01' 22"					F-48-93-C-a
chùa Khương Dự	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 35"	106° 01' 47"					F-48-93-C-a
Cầu Lồng	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 14"	106° 01' 14"					F-48-93-C-a
Cầu Rào	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 10' 26"	106° 02' 52"					F-48-93-C-a
đền Khương Dự	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 09' 35"	106° 01' 46"					F-48-93-C-a
đền Quảng Phức	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô	20° 08' 36"	106° 01' 29"					F-48-93-C-a
Đường tỉnh 480B	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô			20° 08' 41"	106° 01' 35"	20° 12' 57"	106° 05' 26"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 12B kéo dài	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô			20° 10' 52"	105° 57' 08"	19° 56' 28"	106° 04' 41"	F-48-93-C-a
Quốc lộ 21B	KX	xã Yên Phong	H. Yên Mô			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-a
Sông Gènh	TV	xã Yên Phong	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Yên Phong	H. Yên Mô			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a
thôn Hậu Thôn	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 35"	105° 59' 53"					F-48-92-D-d
thôn Lộc Động	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 04' 50"	105° 59' 32"					F-48-92-D-d
thôn Tiền Thôn	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 13"	106° 00' 23"					F-48-93-C-c
thôn Tri Điện	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 18"	105° 59' 49"					F-48-92-D-d
thôn Từ Đường	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 02"	106° 00' 23"					F-48-93-C-c
xóm 1 Đông Thôn	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 33"	106° 00' 24"					F-48-93-C-c
xóm 1 Phú Tri	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 06' 19"	105° 59' 26"					F-48-92-D-d
xóm 1 Quảng Công	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 04' 50"	106° 00' 21"					F-48-93-C-c
xóm 2 Đông Thôn	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 25"	106° 00' 28"					F-48-93-C-c
xóm 2 Phú Tri	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 06' 26"	105° 59' 38"					F-48-92-D-d
xóm 2 Quảng Công	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 04' 41"	106° 00' 20"					F-48-93-C-c
xóm Thành Hồ	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 04' 35"	106° 00' 39"					F-48-93-C-c
Xóm Dầu	DC	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 34"	106° 00' 15"					F-48-93-C-c
Cầu Hội	KX	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 29"	106° 00' 22"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Hậu Thôn	KX	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 38"	105° 59' 55"					F-48-92-D-d
Đường tỉnh 482B	KX	xã Yên Thái	H. Yên Mô			20° 07' 22"	105° 57' 54"	20° 05' 30"	106° 00' 50"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c
hồ Đồng Thái	TV	xã Yên Thái	H. Yên Mô	20° 05' 22"	105° 57' 26"					F-48-93-C-c
Sông Đăng	TV	xã Yên Thái	H. Yên Mô			20° 06' 25"	105° 58' 18"	20° 06' 27"	105° 59' 57"	F-48-92-D-d
Sông Hội	TV	xã Yên Thái	H. Yên Mô			20° 03' 40"	106° 01' 30"	20° 06' 32"	106° 00' 01"	F-48-92-D-d, F-48-93-C-c
thôn Bạch Liên	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 49"	105° 58' 53"					F-48-92-D-b
thôn Giang Khương	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 06' 40"	105° 59' 30"					F-48-92-D-d
thôn Thương Phương	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 08' 04"	105° 58' 23"					F-48-92-D-b
thôn Tiên Dương	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 23"	105° 58' 53"					F-48-92-D-d
thôn Trại Đanh	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 07"	105° 59' 17"					F-48-92-D-d
thôn Yên Hoà	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 06' 41"	105° 59' 11"					F-48-92-D-d
Thôn 83	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 23"	105° 58' 30"					F-48-92-D-d
Thôn 92	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 03"	105° 58' 51"					F-48-92-D-d
Thôn Bái	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 08' 02"	105° 59' 25"					F-48-92-D-b
Thôn Đanh	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 13"	105° 59' 34"					F-48-92-D-d
Thôn Đoài	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 24"	105° 59' 32"					F-48-92-D-d
Thôn Kênh	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 06' 49"	105° 59' 39"					F-48-92-D-d
Thôn La	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 48"	105° 59' 23"					F-48-92-D-b
Thôn Lộc	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 40"	105° 59' 36"					F-48-92-D-b
Thôn Tiên	DC	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 06' 55"	105° 59' 46"					F-48-92-D-d
cầu Eo Bát 1	KX	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 29"	105° 58' 45"					F-48-93-C-c
cầu Eo Bát 2	KX	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 27"	105° 58' 43"					F-48-93-C-c
Cầu Lộc	KX	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 38"	105° 59' 50"					F-48-92-D-b
Đường tỉnh 480C	KX	xã Yên Thành	H. Yên Mô			20° 13' 11"	106° 02' 11"	20° 07' 45"	105° 59' 30"	F-48-92-D-b
Đền La	KX	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 39"	105° 59' 20"					F-48-92-D-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Yên Thành	H. Yên Mô			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-92-D-b, F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Yên Thành	TV	xã Yên Thành	H. Yên Mô	20° 07' 12"	105° 58' 45"					F-48-92-D-b
Sông Đàng	TV	xã Yên Thành	H. Yên Mô			20° 06' 25"	105° 58' 18"	20° 06' 27"	105° 59' 57"	F-48-92-D-d
thôn Bình Hào	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 21"	105° 57' 39"					F-48-92-D-b
thôn Cầu Cọ	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 27"	105° 56' 40"					F-48-92-D-b
thôn Cầu Mễ	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 45"	105° 57' 31"					F-48-92-D-b
thôn Khai Khẩn	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 33"	105° 58' 22"					F-48-92-D-b
thôn Phố Tu	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 10' 02"	105° 57' 43"					F-48-92-D-b
thôn Quảng Hạ	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 24"	105° 58' 17"					F-48-92-D-b
thôn Quảng Thượng	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 39"	105° 57' 47"					F-48-92-D-b
thôn Trại Sỏi	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 07"	105° 56' 39"					F-48-92-D-b
thôn Vân Du Hạ	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 22"	105° 57' 31"					F-48-92-D-b
thôn Vân Du Thượng	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 55"	105° 57' 44"					F-48-92-D-b
thôn Vân Du Thượng 1	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 55"	105° 57' 39"					F-48-92-D-b
Xóm 1	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 54"	105° 57' 34"					F-48-92-D-b
Xóm 2	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 38"	105° 57' 23"					F-48-92-D-b
Xóm 3	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 31"	105° 57' 20"					F-48-92-D-b
Xóm 4	DC	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 09' 43"	105° 57' 07"					F-48-92-D-b
Đền Năn	KX	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 57"	105° 57' 43"					F-48-92-D-b
Đôi Mo	SV	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 15"	105° 56' 49"					F-48-92-D-b
hồ Yên Thắng	TV	xã Yên Thắng	H. Yên Mô	20° 08' 10"	105° 57' 36"					F-48-92-D-b
kênh N3	TV	xã Yên Thắng	H. Yên Mô			20° 09' 33"	105° 57' 24"	20° 08' 40"	105° 56' 41"	F-48-92-D-b
Kênh La	TV	xã Yên Thắng	H. Yên Mô			20° 09' 18"	105° 57' 54"	20° 08' 15"	105° 58' 01"	F-48-92-D-b
Sông Gènh	TV	xã Yên Thắng	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-92-D-b
Sông La	TV	xã Yên Thắng	H. Yên Mô			20° 08' 50"	105° 56' 49"	20° 09' 57"	105° 58' 30"	F-48-92-D-b
thôn Dân Chủ	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 07' 54"	106° 02' 18"					F-48-93-C-a
thôn Phúc Khê	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 50"	106° 02' 59"					F-48-93-C-a
thôn Sa Lung	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 54"	106° 02' 43"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Đồng	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 21"	106° 02' 47"					F-48-93-C-a
xóm 1 - Phúc Lại	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 35"	106° 02' 12"					F-48-93-C-a
xóm 2 - Phúc Lại	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 43"	106° 02' 23"					F-48-93-C-a
xóm Đông Quảng Từ	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 23"	106° 02' 27"					F-48-93-C-a
xóm Tây Quảng Từ	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 16"	106° 02' 20"					F-48-93-C-a
Xóm Cầu	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 07' 56"	106° 01' 48"					F-48-93-C-a
Xóm Chùa	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 08"	106° 02' 02"					F-48-93-C-a
Xóm Chung	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 04"	106° 01' 53"					F-48-93-C-a
Xóm Thượng	DC	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 08' 07"	106° 02' 12"					F-48-93-C-a
cầu Phương Nại	KX	xã Yên Từ	H. Yên Mô	20° 07' 59"	106° 02' 29"					F-48-93-C-a
Quốc lộ 21B	KX	xã Yên Từ	H. Yên Mô			20° 03' 29"	106° 07' 42"	20° 09' 23"	105° 55' 00"	F-48-93-C-a
Sông Bút	TV	xã Yên Từ	H. Yên Mô			20° 06' 32"	106° 00' 01"	20° 08' 22"	106° 03' 09"	F-48-93-C-a
Sông Gènh	TV	xã Yên Từ	H. Yên Mô			20° 10' 07"	105° 57' 09"	20° 07' 43"	106° 02' 00"	F-48-93-C-a
Sông Vạc	TV	xã Yên Từ	H. Yên Mô			20° 12' 41"	105° 57' 46"	20° 03' 09"	106° 06' 49"	F-48-93-C-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa